

## PHẦN HAI

*(Kinh) Tinh chư Bồ Tát Ma Ha Tát, Văn Thù Sư Lợi pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, dĩ như thị đẳng chư đại Bồ Tát.*

*(Chánh Kinh: Và các vị Bồ Tát Ma Hát, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, cùng với các vị đại Bồ Tát như thế).*

Trong Tựa Phần có Tín Nguyện Hạnh, trong đoạn trước là mười sáu vị Thanh Văn nhằm khuyến tín (khuyến phát khởi lòng tin). Ở đây, trong hàng Bồ Tát, hai vị Bồ Tát đầu tiên được nêu tên nhằm khuyến chúng ta phát nguyện.

“*Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử*”: Phật tử rất nhiều, giống như Đế vương cũng đông con, phải chọn ra một người làm Thái Tử để kế thừa ngôi vua trong tương lai. Nhà Phật dùng tỷ dụ này nên có danh xưng Pháp Vương Tử. Trong các vị Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát (Mañjuśrī) trí huệ bậc nhất. Trong hội Hoa Nghiêm, phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, Ngài và Phổ Hiền Bồ Tát đồng thời phát nguyện. Hai vị này là trợ thủ của Tỳ Lô Giá Na Phật trong Thế Giới Hoa Tạng, hai vị Bồ Tát này cùng với Tỳ Lô Giá Na Phật được gọi là Hoa Nghiêm Tam Thánh. Trong phần trên, A La Hán phát nguyện cầu sanh Thế Giới Cực Lạc. Sau khi

sinh về Tây Phương, đoạn dứt hai thứ sanh tử (Biến Dịch và Phần Đoạn), tiếp nhận sự dạy bảo của A Di Đà Phật, viên thành Phật đạo, điều này chúng ta còn có thể hiểu được. Chử Văn Thù và Phổ Hiền là bậc Đẳng Giác Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm, đều là bậc bồ xứ thành Phật sau này, các Ngài sanh về Tây Phương để làm gì? Nếu Tây Phương Thế Giới chẳng vượt trội Thế Giới Hoa Tạng, hai Ngài sanh về đó sẽ chẳng có mảy may ý nghĩa chi cả! Do đây, có thể biết rằng: Bất luận tu học Pháp Môn nào trong Phật Pháp, đến cuối cùng, chỗ quy túc vẫn là Thế Giới Hoa Tạng. Sau khi sanh về Hoa Tạng, gặp Văn Thù, Phổ Hiền, các Ngài lại khuyên hành giả niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Quý vị hãy suy nghĩ kỹ càng: Chúng ta đi đường thẳng, không cần phải đi vòng một khúc quanh lớn sang Hoa Tạng trước, gặp bất cứ Pháp Môn nào cũng đều chẳng phải bận tâm tới.

Có kẻ hoài nghi, Pháp Môn đã tốt đẹp như thế, vì sao Phật còn phải nói nhiều Pháp Môn như vậy? Phải biết rằng: Pháp Môn này nhằm nói với kẻ cơ duyên chín muồi, sắp thành Phật! Nếu chưa đến giai đoạn thành Phật, cũng chỉ đành học các Pháp Môn Đại Thừa rộng lớn, tinh vi, sâu xa khác. Trước kia, tôi nảy sanh tín tâm đối với Pháp Môn Niệm Phật này chính là vì đọc Kinh Hoa Nghiêm, thấy Văn Thù, Phổ Hiền cũng như Thiện Tài đồng tử ai nấy đều phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, tôi mới nghiêm túc phản tỉnh,

suy nghĩ cặn kẽ, quay đầu lại, buông bỏ hết thầy Kinh Giáo, sôt sắng tu học Pháp Môn này. Nếu chẳng phải là những vị ấy đã ban cho tôi sự khái thị, dù thầy có buốt lòng rất miệng khuyên dạy, tôi cũng rất khó thể tiếp nhận.

A Dật Đa (Ajita) là Di Lạc Bồ Tát (Maitreya). Trong Hiền Kiếp, Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư, Di Lạc Bồ Tát là vị Phật thứ năm. Ngài là “hậu bồ Phật” (vị Phật kế tiếp), hiện đang ở trong Đâu Suất nội viện. Có kẻ bịa chuyện Phật Thích Ca đã thoái vị, Phật Di Lạc đang cầm quyền, hoàn toàn là ăn nói nhằm nhí! Theo Kinh Di Lạc Hạ Sanh, tính theo thời gian của chúng ta thì năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn (567.000.000) năm sau, Di Lạc Bồ Tát mới giáng sanh thành Phật trong nhân gian. Ngài hiện đang ở trên Trời Đâu Suất (Tusita). Cõi Trời Đâu Suất có thọ mạng là bốn ngàn năm, một ngày trên Trời Đâu Suất bằng bốn trăm năm trong nhân gian. Dem bốn ngàn nhân với ba trăm sáu mươi rồi nhân với bốn trăm (tức là 576.000.000 năm), sẽ tính ra được thời gian Di Lạc Bồ Tát giáng sanh trong nhân gian. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, nửa bộ đầu, Ngài A Nan là đương cơ, nửa bộ sau Ngài Di Lạc là đương cơ. Có người mong sanh lên Trời Đâu Suất, thân cận Di Lạc Bồ Tát, tương lai Ngài Di Lạc hạ sanh nhân gian, cũng có thể theo Ngài hoàng hóa trong thế gian. Nhưng Trời Đâu Suất hoàn toàn chẳng dễ sanh về, phải có công phu định lực. Đã thế, Ngài Di Lạc là chuyên gia về Duy

Thức, môn đình rất cao, phải tu Duy Tâm Thức Định, tu thành công thì mới sanh về đó được! Hãy nên biết rằng: Sanh về Tây Phương, làm đệ tử Phật Di Đà, Di Lạc Bồ Tát cũng là đệ tử Di Đà, người Vãng Sanh Cực Lạc mang thân phận là bạn học của Di Lạc Bồ Tát, có thể đến thăm Đâu Suất nội viện bất cứ lúc nào.

Danh hiệu Càn Đà Ha Đề (Gandhahastin) có nghĩa là Bất Hưu Tức (không ngơi nghỉ), danh hiệu Thường Tinh Tấn cũng có nghĩa là không gián đoạn, không xen tạp, không hoài nghi, tinh tấn không lui sụt. Nên tên hai vị Bồ Tát này nhằm khuyên hãy nên hành trì.

*(Giải) Bồ Tát Ma Ha Tát, thử vân Đại Đạo Tâm, thành tựu chúng sanh, nãi Trí Bi song vận, tự tha kiêm lợi chi xưng. Phật vi Pháp Vương, Văn Thù thiệu Phật gia nghiệp, danh Pháp Vương Tử. Bồ Tát chúng trung, trí huệ đệ nhất. Phi dưỡng mãnh Thật Trí, bất năng chứng giải Tịnh Độ Pháp Môn, cố cư sơ. Di Lạc đương lai thành Phật, hiện cư Đẳng Giác, dĩ cứu cánh nghiêm tịnh Phật quốc vi yếu vụ, cố thứ liệt. Bất Hưu Tức giả, khoáng kiếp tu hành, bất tạm đình cố. Thường Tinh Tấn giả, tự lợi, lợi tha, vô bì quyền cố. Thử đẳng thâm vị Bồ Tát, tất giai cầu sanh Tịnh Độ, dĩ bất ly kiến Phật, bất ly văn pháp, bất ly thân cận cúng dường chúng tăng, nãi năng tốc tạt viên mãn Bồ Đề cố.*

*(Giải: Bồ Tát Ma Ha Tát, cõi này dịch là Đại Đạo Tâm, là từ ngữ để gọi bậc “thành tựu chúng sanh, vận dụng Bi và Trí, tự lợi, lợi*

*tha*”. Phật là Pháp Vương, Văn Thù nối tiếp gia nghiệp của Phật, nên gọi là Pháp Vương Tử. Trong các vị Bồ Tát, Văn Thù trí huệ bậc nhất. Nếu không có Thật Trí dũng mãnh, sẽ chẳng thể chứng giải Pháp Môn Tịnh Độ, nên xếp Ngài vào đầu danh sách những vị Bồ Tát. Ngài Di Lặc trong tương lai sẽ thành Phật, hiện đang ở bậc Đăng Giác. Do rất ráo nghiêm tịnh cõi Phật là nhiệm vụ cần kíp, nên được nêu tên kế tiếp. Bất Hưu Túc tu hành từ bao kiếp lâu xa, chẳng tạm nghỉ. Thường Tinh Tấn tự lợi, lợi tha, không mệt mỏi. Những vị Bồ Tát thuộc địa vị sâu xa này đều cầu sanh Tịnh Độ, vì chẳng lìa thấy Phật, vì chẳng lìa nghe pháp, vì chẳng lìa thân cận cúng dường chúng tăng, để có thể mau chóng viên mãn Bồ Đề vậy).

“Bồ Tát” là tiếng Phạn, gọi tắt của Bồ Đề Tát Đỏa (Bodhisattva). Người Hoa thích đơn giản, văn tự và ngôn ngữ chú trọng đơn giản, trọng yếu, rõ ràng. Huyền Trang Đại Sư dịch là Giác Hữu Tình, dịch theo lối cổ (cách dịch trước thời Ngài Huyền Trang) là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh, nhằm chỉ bậc chân chánh phát nguyện tu học, muốn viên thành Vô Thượng Đại Đạo. Ma Ha (Mahā) là Đại, những vị thuộc địa vị Tam Hiền gọi là Bồ Tát, Đẳng Địa Bồ Tát gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát. Thanh Văn, Duyên Giác chỉ có tâm tự lợi, chẳng chủ động giúp đỡ chúng sanh, nên gọi là Tiểu Thừa. Bồ Tát chủ động hóa độ chúng sanh vô điều kiện, vận dụng cả Bi lẫn Trí. Trong Kinh này, những nhân vật đại biểu trong hàng Bồ Tát không nhiều, chỉ kể

ra bốn vị. “*Phật vi Pháp Vương*”: Trong hết thầy pháp, Phật đặc đại tự tại, nên gọi là Pháp Vương, đây là tiếng tôn xưng với ý nghĩa tỷ dụ. Văn Thù trí huệ bậc nhất, kế thừa sự nghiệp giáo hóa chúng sanh của Đức Phật, vì thế, gọi là “*Pháp Vương Tử*” (con đáng Pháp Vương). Sự dạy học và truyền thừa trong Phật Pháp coi trí huệ là bậc nhất. Huệ là mục tiêu cuối cùng, tột bậc của Phật Pháp. Giới và Định là phương thức, phương pháp. vì thế, Phật học được gọi là “*trí huệ chi học*” (cái học trí huệ). Trí huệ, thần thông, đức năng của mỗi một vị Bồ Tát đều giống như nhau, bình đẳng, nhưng nhằm biểu thị pháp, mỗi một vị Bồ Tát nêu gương về một sở trường riêng, chẳng hạn như Ngài Văn Thù là trí huệ bậc nhất. Pháp Môn Niệm Phật này cần phải có trí huệ cao độ thì mới có thể tiếp nhận được. Chúng ta nghe tới Pháp Môn này liền sanh đại hoan hỷ, phát đại nguyện, y giáo phụng hành, chính là chọn lựa theo trí huệ cao tột nhất, chẳng khác gì Văn Thù Bồ Tát và Ngài Xá Lợi Phất. Trí huệ này là Thật Trí, không phải là trí huệ thông minh của thế gian. Do vậy, Ngài Văn Thù được nên tên đầu tiên.

“*Di Lặc*” là tiếng Phạn, có nghĩa là Từ Bi. Vì thế, Ngài còn được gọi là Từ Thị. Di Lặc là họ, A Dật Đa là tên. Các vị đồng tu học Phật hằng ngày niệm kệ hồi hướng có câu “*nguyện dĩ thử công đức, Trang Nghiêm Phật Tịnh Độ*” (nguyện đem công đức này, Trang Nghiêm Phật Tịnh Độ), trang nghiêm như thế nào? Di Lặc Bồ

Tát lấy rốt ráo trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật làm nhiệm vụ trọng yếu. A Di Đà Phật từ bi hoan nghênh chúng ta sanh về Tây Phương Thế Giới, còn có rất nhiều vị Bồ Tát ai nấy đều thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật. Nếu chúng ta không thanh tịnh sẽ biến cõi ấy thành ô nhiễm, thì làm sao cõi ấy có thể dung nạp chúng ta? Hãy nên biết rằng: Trang nghiêm cõi Phật phải được thực hiện ngay trong hiện tại, tâm tịnh thì cõi tịnh. Vì sao niệm Phật? Vì sao đọc Kinh? Mục đích là muốn sửa đổi cái tâm ô nhiễm thành tâm thanh tịnh. Thân là chánh báo, cõi nước là y báo. Nếu tâm niệm Phật, đọc Kinh chẳng thanh tịnh, sẽ biến thành phước báo, quả báo trong tương lai là ở trong lục đạo, chẳng thể thoát khỏi tam giới. Từ Thị Bồ Tát là vị Phật kế tiếp của Thế Giới Sa Bà, hiện đang ở địa vị Đẳng Giác, Ngài đại từ đại bi. Trong nhà Phật, từ bi được thêm vào chữ Đại nhằm chỉ rõ lòng từ bi ấy là bình đẳng, thanh tịnh. Tâm có phân biệt sai khác là chẳng thanh tịnh. Hai thứ phước và huệ trang nghiêm trọn đủ là điều kiện tất yếu để Vãng Sanh Tịnh Độ. Ngài Văn Thù tượng trưng cho trí huệ, Ngài Di Lặc tượng trưng cho phước đức trang nghiêm.

**Hai vị Bồ Tát sau cùng nhằm khuyên hành (khuyên hành trì). Bất Hưu Tức là tu hành chẳng hề biếng nhác, bê trễ. Người Trung Quốc thường nói: “Nhật nhật bực chi, thập nhật hàn chi” (Một ngày nóng, mười ngày lạnh). Chẳng hạn như, mỗi ngày dụng công bốn giờ thì vẫn còn có hai mươi giờ gián đoạn. Ở Ấn**

**Độ vào thời cổ, thời gian được chia thành đêm ba thời, ngày ba thời. Ban ngày được chia thành Sơ Nhật Phần, Trung Nhật Phần, Hậu Nhật Phần. ban đêm chia thành Sơ Dạ Phần, Trung Dạ Phần, Hậu Dạ Phần. Trước kia, tại Trung Quốc, thời gian được chia thành mười hai đơn vị, dùng Tý, Sửu, Dần, Mão (Mẹo), Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi để phân định mười hai Thời Thần. Hiện thời đã áp dụng quy cách “ngày đêm gồm hai mươi bốn tiếng đồng hồ”. Một Thời ở Ấn Độ bằng bốn giờ hiện thời của Trung Quốc. Lúc Đức Phật tại thế, người xuất gia ngủ trong khoảng Trung Dạ Phần, tức là mười giờ đêm đi ngủ, hai giờ sáng phải thức dậy, họ chỉ ngủ bốn tiếng đồng hồ thuộc Trung Dạ Phần, có hai mươi giờ để tu hành. Nếu muốn có thành tựu, chẳng thể không tận dụng thời gian dững mãnh dụng công. Ngoài ra, còn phải học theo Thường Tinh Tấn Bồ Tát, tự mình tu là tự lợi, còn phải giúp đỡ người khác, lợi người chính là tự lợi. Trong tâm thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần, không có chấp trước, được mất, ngạo nghệ, ngã mạn, đạt đến mức “làm mà không làm, tam luân thể không”, có như thế thì mới có thể không mệt mỏi.**

Bốn vị Đại Sĩ vừa được nêu tên trên đây như Văn Thù v.v... đều là Đẳng Giác Bồ Tát, đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Sanh về Tịnh Độ có mấy điều tốt đẹp. Thứ nhất là chẳng lìa thấy Phật, thứ hai



là chẳng lìa nghe pháp, thứ ba là thân cận cúng dường hải hội đại chúng, lại còn có thể mau chóng viên mãn đạo Bồ Đề. Lấy Đẳng Giác Bồ Tát để nói thì các Ngài có năng lực đến mười phương cõi nước bất cứ lúc nào, vì sao vẫn phải sanh về Thế Giới Cực Lạc? Kinh Hoa Nghiêm nói bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ đều theo Phổ Hiền Bồ Tát cầu sanh Tịnh Độ, cho thấy Tây Phương là một nơi có quang cảnh ngoạn mục khôn sánh, cho thấy sanh về Tây Phương thấy Phật, nghe pháp, thân cận chư thiện tri thức, không gián đoạn một phút, một giây nào, nêu rõ Tây Phương có hoàn cảnh đặc biệt thù thắng. Đẳng Giác Bồ Tát tuy có năng lực đến Mười Phương Thế Giới công đức Chư Phật, vẫn khó tránh khỏi có lúc bị gián đoạn. Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ trụ thế bảy mươi chín năm, giảng Kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm, thời gian trọn chẳng dài lắm. Pháp vận của Ngài cũng chỉ có một vạn hai ngàn năm. Sau thời gian đó sẽ không còn Phật Pháp, phải đợi năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau Di Lạc Phật mới hạ sanh, mới có Phật Pháp. Thời gian gián đoạn giữa chừng dài quá! Trong các cõi Phật khác cũng đều giống như thế. Người trong cõi Tây Phương thọ mạng vô lượng, dù nói theo mặt lý luận thì vẫn là hữu lượng. Sau khi A Di Đà Phật diệt độ, Quán Thế Âm Bồ Tát kế thừa ngôi vị Phật, nhưng khi nào A Di Đà Phật sẽ nhập diệt, Kinh Vô Lượng Thọ nói rất rõ ràng: Ngài Mục Liên thần thông rộng lớn, có thể trong hai mươi bốn

tiếng đồng hồ tính ra số lượng chúng sanh trong Thế Giới Sa Bà. Giả sử chúng sanh trong Mười Phương Thế Giới đều thành Duyên Giác, thọ đến vạn ức năm, thần thông giống như Ngài Mục Kiền Liên, trọn hết tuổi thọ cùng nhau tính toán cũng không có cách gì tính được thọ mạng của Vô Lượng Thọ Phật. Do đây có thể biết rằng: Cõi Tây Phương thọ mạng vô lượng, trên đường Bồ Đề chẳng có mảy may chướng ngại nào, Đẳng Giác Bồ Tát vì muốn mau chóng viên thành Phật đạo nên đều nguyện Vãng Sanh Tây Phương.

*(Kinh) Cật Thích Đề Hoàn Nhân đấng, vô lượng chư thiên đại chúng cầu.*

*(Giải) Thích Đề Hoàn Nhân, thứ vâng Năng Vi Chủ, tức Đạo Lợi thiên vương. Đẳng giả, hạ đẳng tứ vương, thượng đẳng Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa, Sắc, Vô Sắc, vô lượng chư thiên đã. Đại chúng cầu, vị thập phương thiên nhân, bát bộ Tu La, nhân, phi nhân đấng, vô bất dự hội, vô phi Tịnh Độ Pháp Môn sở nhiếp chi cơ đã. Thông Tự cánh.*

*(Chánh Kinh: Và Thích Đề Hoàn Nhân v.v... vô lượng chư thiên đại chúng cùng nhóm họp.*

*Giải: Thích Đề Hoàn Nhân, cõi này dịch là Năng Vi Chủ, tức là vua cõi Trời Đạo Lợi. Chữ “đẳng”: Phía dưới như Trời Tứ Vương, phía trên như các tầng Trời Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa,*

*Sắc, Vô Sắc, vô lượng chư thiên. “Đại chúng câu” nghĩa là Mười Phương Trời, người, tám bộ Trời rồng, Tu La, nhân, phi nhân v.v... không ai chẳng tham dự pháp hội, không ai chẳng là căn cơ được nhiếp thọ bởi Pháp Môn Tịnh Độ. Hết phần Thông Tự)*

“Thích Đề Hoàn Nhân” (Śakro devānām Indrah) được dịch là “*Năng Vi Chủ*”, chính là vua cõi Trời Đao Lợi (Trāyastriśa), tức tầng Trời thứ hai trong Dục Giới. Ông này là chúa Trời của ba mươi ba vị Trời, còn gọi là Đế Thích Thiên, người Trung Quốc thường gọi ông ta là Ngọc Hoàng Đại Đế. Vị được các Tôn Giáo khác gọi là Thiên Chúa chính là Đao Lợi Thiên Vương. Chúng ta lắng lòng xem xét Kinh sách và lý luận, phương pháp tu hành của các Tôn Giáo khác, sẽ thấy dường như họ chẳng tách rời Đao Lợi Thiên. Muốn tu lên cao hơn, ắt phải có công phu Thiên Định, tu tâm thanh tịnh. Nếu tu Thiên Định thành công sẽ sanh lên Tứ Thiên Thiên (Caturdhyānabhūmi) trong Sắc Giới (Rūpadhātu). Nếu có cơ sở Thiên Định nhưng chưa tu thành, tức là “*chưa đắc Định*” thì chỉ sanh lên đến Trời Dạ Ma (Yāma), Trời Đâu Suất (Tusita), Trời Hóa Lạc (Nirmānaratī), Trời Tha Hóa Tự Tại (Parinirmita vaśavartin). Nếu muốn sanh lên Tứ Thiên Thiên, trừ Thiên Định ra, còn phải tu Tứ Vô Lượng Tâm, tức Từ, Bi, Hỷ, Xả thì mới sanh lên Sắc Giới được. Xứ nào duyên đã chín muồi, Chư Phật, Bồ Tát liền đến đó giáo hóa chúng sanh. Trong tam đồ và các cõi Trời đều có Phật, Bồ Tát

giảng Kinh, thuyết pháp. Chỉ có Tứ Không Thiên (Caturārūpyadhātu) chẳng tiếp nhận Phật Pháp vì họ tưởng mình đã chứng đắc Đại Niết Bàn. Nếu các Tôn Giáo khác bài xích Phật Giáo thì chỉ là tạm thời, vì trong tương lai, họ sanh lên Trời, sẽ cùng với Thiên Chúa đều được Phật, Bồ Tát giáo hóa, mai sau sẽ biết học Phật. Trên đến bậc Đẳng Giác, dưới đến chúng sanh trong địa ngục đều được thâm nhiếp bởi Pháp Môn Tịnh Độ, chín pháp giới bình đẳng tu hành, bình đẳng thành Phật. Đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, chỉ có một bộ Kinh này thích hợp trọn khắp ba căn, gồm thâm độn căn lẫn lợi căn. Đến đây, phần Chứng Tín Tự tức Thông Tự đã được giảng xong. Tiếp theo đây là phần Phát Khởi Tự, còn gọi là Biệt Tự.

#### 4.1.2. Biệt Tự

*(Giải) Phát Khởi Tự dã, Tịnh Độ diệu môn bất khả tư nghị, vô nhân năng vấn, Phật tự xưng y chánh danh tự vi phát khởi. Hựu Phật trí giám cơ vô mậu, kiến thử đại chúng, ưng văn Tịnh Độ diệu môn, nhi hoạch tứ ích, cố bất sĩ vấn, tiện tự phát khởi, như Phạm Võng Kinh hạ quyển, tự xưng vị hiệu vân: “Ngã kim Lô Xá Na đẳng”, Trí Giả phán tác Phát Khởi Tự, lệ khả tri dã.*

*(Giải: Trong phần Phát Khởi Tự thì Pháp Môn Tịnh Độ màu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn, không ai có thể hỏi, Đức Phật tự xưng lên danh tự của y báo và chánh báo hồng phát khởi. Lại nữa, Phật trí*

*soi xét căn cơ không sai lầm, thấy đại chúng đáng được nghe Pháp Môn Tịnh Độ mâu nhiệm, đạt được bốn thứ lợi ích, nên chẳng đợi hỏi mà tự phát khởi. Giống như trong quyển hạ của Kinh Phạm Võng, Ngài tự xưng danh hiệu nơi quả vị như sau: “Ta nay là Lô Xá Na....” Ngài Trí Giả phán định phần Kinh Văn ấy là Phát Khởi Tự, cứ dựa theo đó sẽ biết vì sao tôi phán định phần này của Kinh A Di Đà là Phát Khởi Tự).*

Vì sao gọi Tịnh Độ là “*diệu môn*”? Biết nó mâu nhiệm ở chỗ nào thì mới thấu hiểu sự thù thắng của nó. Mâu nhiệm ở chỗ phương pháp đơn giản, chỉ cần thật thà niệm Phật, chẳng cần biết hiểu hay không hiểu, đều có thành tựu. Hiểu rõ ràng lý luận thì sự Niệm Phật ấy được gọi là Lý Niệm. Nếu chẳng hiểu, chỉ thật thà mà niệm thì gọi là Sự Niệm. Công phu bình đẳng, do vậy, Pháp Môn này phổ độ hết thảy chúng sanh trong một đời đều bình đẳng thành Phật, gọi là “*diệu*” là vì điểm này. Chúng ta chọn lựa Pháp Môn này giống như các vị Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền, phương pháp tu hành cũng tương đồng, sanh về Tây Phương đạt được quả vị đương nhiên cũng tương đồng.

Pháp Môn này sâu mâu cùng tột, chẳng những người tầm thường chẳng thể hỏi được, mà bậc Đại Trí Xá Lợi Phất cho đến bậc Pháp Vương Tử trí huệ bậc nhất là Văn Thù Bồ Tát cũng chẳng thể hỏi. Phật nói pháp cần phải có người khái thỉnh, nhưng Pháp Môn

này sâu quá, ai cũng chẳng nghĩ tới được. Do vậy, Đức Phật quán sát cơ duyên của đại chúng dự hội đã chín muồi, chẳng cần đệ tử khai thỉnh, tự động tuyên nói Pháp Môn “*thành Phật viên mãn ngay trong một đời này*”. Trong mười hai phần giáo, thể loại này được gọi là Vô Vấn Tự Thuyết (không ai hỏi mà tự nói). Lúc Đức Phật ở dưới cội Bồ Đề, ban đêm thấy sao Mai, viên thành Phật đạo, Ngài muốn tuyên nói với mọi người Pháp Môn này, nhưng khi ấy, cơ duyên của chúng sanh chưa chín muồi, do vậy, phải bắt đầu nói từ các Kinh Tiểu Thừa, Đại Thừa trước. Đợi đến khi cơ duyên chín muồi, không ai hỏi, tự nói, khiến cho chúng sanh đạt được bốn thứ lợi ích, gọi là Tứ Tất Đàn (catur siddhānta). “*Tất*” là phổ biến, “*đàn*” là thí cho, Tứ Tất Đàn là:

a. **Thế Giới Tất Đàn:** Tuyên nói với chúng sanh hết thảy chân tướng sự thật trong thế gian, khiến cho họ sanh lòng tin ưa. Phật Pháp trước hết phải làm cho chúng sanh sanh lòng hoan hỷ. Nếu chẳng thể làm cho chúng sanh đối xử hòa thuận với nhau, ắt sẽ khiến cho xã hội bất an. Vì thế, Phật Pháp lấy việc tạo lợi ích cho thế gian làm đầu.

b. **Vị nhân Tất Đàn:** Quán sát cơ duyên của chúng sanh mà thuyết pháp phù hợp căn cơ, khiến họ sanh được lợi ích tốt lành. Như rắc rối to lớn trong hiện thời là luân lý, đạo đức thiếu sót, xã hội bất

an, bèn vì họ nói Tứ Duy, Bát Đức khiến cho họ sanh khởi thiện nguyện, thiện hạnh.

c. **Đổi trị Tất Đàn:** Thuyết pháp nhằm đổi trị những khuyết điểm của chúng sanh, khiến cho họ đoạn ác.

d. **Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn:** Ba thứ trên thuộc về pháp thế gian, loại thứ tư thuộc về pháp xuất thế gian, khiến cho chúng sanh ngộ đạo chứng quả.

Nay Đức Phật giới thiệu tại phương Tây quả thật có Thế Giới Cực Lạc và cũng thật sự có A Di Đà Phật. Chúng sanh nghe xong, sanh tâm hoan hỷ, phát nguyện cầu sanh. Đây chính là Thế Giới Tất Đàn. Nghe xong, chấp trì danh hiệu, thiện căn, phước đức viên mãn hiện tiền, được lợi ích sanh trưởng điều thiện, đây là Vị Nhân Tất Đàn. Dùng cái tâm chân thành, cung kính, ngày đêm niệm một câu Phật hiệu không ngừng, ác nghiệp nơi thân khẩu ý chẳng thể hiện hành, đè nén phiền não, đây là Đổi Trị Tất Đàn. Niệm Phật niệm đến mức “*công phu thành phiền*”, chắc chắn sanh về Tây Phương, muốn ra đi lúc nào sẽ đi trong lúc ấy, có thể sanh tử tự tại, đây là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

Ngẫu Ích Đại Sư phán định đoạn Kinh Văn tiếp theo phần Thông Tự, tức đoạn “*nhĩ thời, Phật cáo trưởng lão Xá Lợi Phất, tùng thị Tây Phương, quá thập vạn ức Phật độ, hữu Thế Giới danh*

viết Cực Lạc. Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp” thuộc phần Phát Khởi Tự. Đây chính là quan điểm độc đáo của Đại Sư. Từ xưa, các vị Đại Đức đều phán định đoạn này thuộc Chánh Tông Phần, nhưng Đại Sư cũng có tiền lệ để viện dẫn. Ngài nói Trí Giả Đại Sư vào đời Tùy khi chú giải Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Bản đã phán định phần kệ tụng trước phần Kinh Văn giảng về các giới thuộc vào Phát Khởi Tự. Đây là căn cứ để lập luận của Ngẫu Ích Đại Sư, điều này cũng nhằm biểu thị lòng khiêm hư của Đại Sư. Người xuất gia Trung Quốc thọ Bồ Tát Giới đều lấy Phạm Võng Kinh Giới Bản làm y cứ, nhưng tại Đài Loan, trong thời gần đây, cũng có người sử dụng phần Anh Lạc Giới Bản trong Ưu Bà Tắc Giới Kinh, so với Kinh Phạm Võng thì giới điều ít hơn, chỉ có sáu giới trọng và hai mươi tám giới khinh. Trước đó (tức trước phần chánh thức tuyên giới trong Kinh Phạm Võng), có bốn câu kệ:

Ngã kim Lô Xá Na,  
 Phương tọa liên hoa đài,  
 Châu táp thiên hoa thượng,  
 Phục hiện thiên Thích Ca.  
 (Nay ta, Lô Xá Na,  
 Ngồi trên đài hoa sen,  
 Trên ngàn hoa vây quanh,  
 Hiện ngàn Thích Ca Phật).



Trí Giả Đại Sư phán định đoạn Kinh Văn này thuộc Tụ Phần. Đức Phật chưa được khai thính mà đem danh hiệu và địa vị của chính mình tự nói ra, phương thức rất giống như trong Kinh này, nên Ngẫu Ích Đại Sư phán định đoạn Kinh A Di Đà này thuộc về Phát Khởi Tụ.

***(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo trưởng lão Xá Lợi Phất: “Tùng thị Tây Phương, quá thập vạn ức Phật độ, hữu Thế Giới danh viết Cực Lạc, kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp”.***

***(Chánh Kinh: Lúc bấy giờ, Phật bảo trưởng lão Xá Lợi Phất: “Từ đây đi qua phương Tây mười vạn ức cõi Phật, có Thế Giới tên là Cực Lạc, trong cõi ấy có Phật, hiệu là A Di Đà, nay hiện đang thuyết pháp).***

Trong đoạn Kinh Văn này có ba sự thật:

- a. Từ Thế Giới Sa Bà đi qua Tây Phương, trải qua mười vạn ức cõi Phật, có Thế Giới Cực Lạc.
- b. Trong cõi ấy, quả thật có A Di Đà Phật.
- c. A Di Đà Phật hiện đang thuyết pháp nơi

***(Giải) Tịnh Độ Pháp Môn, tam căn phổ nhiếp, tuyệt đãi viên dung, bất khả tư nghị. Viên thâm, viên siêu nhất thiết Pháp Môn, thậm thâm nan tín. Cổ đặc cáo đại trí huệ giả. Phi đệ nhất trí huệ, bất năng trực hạ vô nghị dã. “Tây Phương” giả, hoành căng trực Tây, tiêu thị hiện xứ dã. “Thập vạn ức” giả, thiên vạn viết ức, kim***

*tích ức chí thập vạn dã. “Phật độ” giả, Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, thông vi nhất Phật sở hóa. Thả dĩ thử độ ngôn chi, nhất Tu Di sơn, Đông, Tây, Nam, Bắc các nhất châu, đồng nhất nhật nguyệt sở chiếu, nhất Thiết Vy sơn sở nhiều, danh nhất “tứ thiên hạ”. Thiên tứ thiên hạ, danh tiểu thiên Thế Giới. Thiên tiểu thiên, danh trung thiên Thế Giới. Thiên trung thiên, danh đại thiên Thế Giới. Quá như thử Phật độ, thập vạn ức chi Tây, thị Cực Lạc Thế Giới dã.*

*Vấn: Hà cố Cực Lạc tại Tây Phương?*

*Đáp: Thử phi thiện vấn. Giả sử Cực Lạc tại Đông, như hựu vấn hà cố tại Đông, khởi phi hý luận? Huống tự thập nhất vạn ức Phật độ thị chi, hựu tại Đông hỹ. Hà túc trí nghi?*

*“Hữu Thế Giới danh viết Cực Lạc”, tự y báo quốc độ chi danh dã, thụ ước tam tế, dĩ biện thời kiếp. hoành ước thập phương, dĩ định cương ngung, cố xưng “Thế Giới”. “Cực Lạc” giả, Phạn ngữ Tu Ma Đề, diệc vân An Dưỡng, An Lạc, Thanh Thái đẳng. Nãi vĩnh ly chúng khổ, đệ nhất an ổn chi vị. Như hạ quảng thích. Nhiên Phật độ hữu tứ, các phân tịnh ứ. Phàm Thánh Đồng Cư độ, ngũ trược trọng giả ứ, ngũ trược khinh giả tịnh. Phương Tiện Hữu Dư độ, tích không chuyết độ chứng nhập giả ứ, thể không xảo độ chứng nhập giả tịnh. Thật Báo Vô*

***Chương Ngại độ, Thứ Độ Tam Quán chứng nhập giả uế, Nhất Tâm Tam Quán chứng nhập giả tịnh.***

*(Giải: Pháp Môn Tịnh Độ nhiếp trọn ba căn, dứt bất đối đãi một cách viên dung chẳng thể nghĩ bàn. Gồm thấu trọn vẹn, nhưng vượt thoát trọn vẹn hết thảy Pháp Môn, rất sâu, khó tin. Vì thế, đặc biệt nói với bậc đại trí huệ, vì nếu không phải là người trí huệ bậc nhất sẽ chẳng thể nào hiểu được ngay mà không nghi. “Tây Phương” là đi thẳng mãi suốt theo chiều ngang sang phía Tây, từ ngữ này nhằm chỉ ra chỗ Phật thị hiện. “Thập vạn ức”: Mười vạn là một ức, nay dồn số ức ấy đến mười vạn ức. “Phật độ” (cõi Phật): Cả Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới là khu vực hóa độ của một Đức Phật. Hãy lấy cõi này để giảng thì một núi Tu Di, bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc mỗi phía đều có một châu, cùng được một mặt Trời, một mặt trăng chiếu, một rặng núi Thiết Vy bao quanh thì gọi là Tứ Thiên Hạ. Một ngàn Tứ Thiên Hạ gọi là một Tiểu Thiên Thế Giới. Một ngàn Tiểu Thiên Thế Giới là một Trung Thiên Thế Giới. Một ngàn Trung Thiên Thế Giới là một Đại Thiên Thế Giới. Đi về Phương Tây, qua khỏi mười vạn ức cõi Phật như vậy bèn tới Thế Giới Cực Lạc.*

***Hỏi:*** Vì sao Cực Lạc ở phương Tây?

***Đáp:*** Đây chẳng phải là câu hỏi hay ho gì. Giả sử Cực Lạc ở phương Đông, ông lại hỏi vì sao nó ở phương Đông, há chẳng phải

là nói giỡn hay sao? Huống chi, nếu nhìn từ mười một vạn ức cõi Phật, Cực Lạc lại thuộc phương Đông mất rồi, có gì đáng để nghi ngờ nữa ư?

“Có Thế Giới tên là Cực Lạc”: Nêu ra cái tên cõi nước trong y báo. “Thế” là theo chiều dọc suốt cả ba đời, nhằm luận về thời kiếp. “Giới” là theo chiều ngang thì trọn cả mười phương, nhằm phân định ranh giới. Vì thế gọi là Thế Giới. “Cực Lạc”: Tiếng Phạn là Tu Ma Đề (Sumatī, Sukhāvati), còn dịch là An Dưỡng, An Lạc, Thanh Thái v.v... nghĩa là cõi vĩnh viễn là khỏi các khổ, an ổn bậc nhất. Từ ngữ này sẽ được giải thích chi tiết trong phần sau. Cõi Phật có bốn loại, với mỗi loại đều chia thành tịnh và uế. Phạm Thánh Đồng Cư độ: Ngũ Trược nặng nề là cõi uế, Ngũ Trược nhẹ nhàng là cõi tịnh. Phương Tiện Hữu Dur độ: Dùng phương pháp phân tích cái Không vọng về để chứng nhập thì là uế. Dùng phương pháp thấu hiểu cái Không để khéo léo chứng nhập thì là tịnh. Thật Báo Vô Chướng Ngại độ: Chứng nhập bằng cách tu Tam Quán theo thứ tự là uế, chứng nhập bằng Nhất Tâm Tam Quán là tịnh).

Pháp Môn Tịnh Độ quả thật là pháp rất sâu khó tin. Trong Kinh này, Đức Phật có nói: “Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc” (Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà sanh về cõi ấy được). Bậc đại trí huệ thiện căn, phước đức viên mãn trọn đủ, có thể gánh vác ngay lập tức, tin sâu,

chẳng nghi. Hết thấy chúng sanh bất luận căn tánh như thế nào, Pháp Môn Tịnh Độ đều có thể bao dung, khiến cho họ thành tựu. Trên là các vị thượng thượng căn Đẳng Giác Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền v.v..., dưới thì cho đến chúng sanh Ngũ Nghịch, Thập Ác sắp đọa địa ngục A Tỳ đều có phần. Đối tượng được độ thoát của các Kinh khác chẳng giống như vậy. Như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa chỉ có thể độ bậc thượng thượng căn, hàng trung hạ chẳng có phần. Kinh A Hàm độ căn cơ trung hạ, chẳng khế cơ (phù hợp căn cơ) bậc thượng thượng căn. Chỉ có Kinh này thích hợp trọn khắp ba căn, dứt bật đối đãi một cách viên dung. Các vị Tổ Sư nói một câu A Di Đà Phật trọn đủ bốn câu tông chỉ:

1) “*Duy tâm là tông*”: Tất cả hết thấy Kinh Điển Đại Thừa, Tiểu Thừa đều lấy duy tâm làm tông.

2) “*Duy Phật là tông*”: Chữ Phật ở đây chỉ A Di Đà Phật, chỉ cần xưng niệm A Di Đà Phật liền có thể thành tựu.

3). “*Dứt bật đối đãi một cách viên dung là tông*”: Như các Kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa có thể thực hiện điều này, mà Kinh này cũng không nằm ngoài lệ ấy, là Kinh Đại Thừa bậc nhất trong các Kinh Đại Thừa, là Nhất Thừa bậc nhất trong các pháp Nhất Thừa.

4) “*Vượt thoát tình kiến là tông*”.

Dựa trên lời các vị Cổ Đức đã giảng về tông chỉ để xét, thì biết Pháp Môn này vượt trội hết thấy đại Kinh, đại luận, căn cứ trên sở

đắc của lịch đại Tổ Sư Đại Đức thì lời kết luận của các vị gần như giống hệt nhau. Trong cuốn Vô Lượng Thọ Kinh Giải (chú giải Kinh Vô Lượng Thọ), lão Cư Sĩ Hoàng Niệm Tổ đã trích dẫn những câu nói của các vị Cổ Đức thời Tùy Đường, trong hết thấy các Kinh Điển thâm nhiếp trọn vẹn, vượt thoát trọn vẹn thì Kinh Hoa Nghiêm là bậc nhất. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc thì mới được tính là viên mãn. So sánh giữa Hoa Nghiêm và Kinh Vô Lượng Thọ thì Kinh Vô Lượng Thọ là bậc nhất, Kinh Hoa Nghiêm kém hơn. Kinh Vô Lượng Thọ là do lão Cư Sĩ Hạ Liên Cư hội tập năm bản dịch gốc để tạo thành bản hoàn chỉnh, trong ấy, chia ra thành bốn mươi tám chương. Chương thứ sáu nói về bốn mươi tám nguyện là bậc nhất. Trong bốn mươi tám nguyện, Cổ Đức công nhận nguyện thứ mười tám là bậc nhất. Phật nói Kinh A Di Đà nhằm giải thích nguyện thứ mười tám, nguyện thứ mười tám là “*mười nguyện ắt sanh*”. Do đây, có thể biết là danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Do từ điều này, sanh khởi tín tâm chân thành thì là kẻ có đại thiện căn và đại phước đức. Niệm một câu Phật hiệu là cảm ứng đạo giao với A Di Đà Phật. Tin sâu một câu Phật hiệu bao gồm cả Tam Học Giới Định Huệ. Nhất tâm trì danh hiệu không có tạp niệm, chính là “*đừng làm các điều ác*”. Một câu Phật hiệu, vô lượng công đức đều nằm trong ấy, chính là “*vâng làm các điều thiện*”, trọn đủ Đại Thừa Bồ Tát Giới. Nhất

tâm xung niệm, nhất tâm là Định, Định Học trọn đủ. Tín, nguyện, trì danh, là trí huệ bậc nhất, Huệ Học trọn đủ! Tam Học ấy chính là Tam Học rốt ráo viên mãn. Cổ Đức nói: *“Đây chính là con đường tu học thành Phật gần nhất”*.

So sánh giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa, Đại Thừa đi theo đường gần. So sánh giữa các Pháp Môn Đại Thừa với Thiên Tông thì Thiên Tông lại gần hơn rất nhiều. So sánh giữa Thiên và Tịnh, Tịnh lại càng gần hơn nữa. Trong Kinh dạy từ một ngày đến bảy ngày liền có thể Vãng Sanh. Trong Vãng Sanh Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chẳng thiếu những trường hợp như thế, chứng minh những điều Kinh nói là chân thật, chẳng dối. Hiểu rõ đạo lý, vừa nghe liền tin tưởng, đúng như pháp tu trì, hoàn toàn chẳng hoài nghi, người như vậy thuộc căn tánh Bồ Tát.

Chữ *“Tây Phương”* nhằm trình bày nơi chốn hiện thời của Thế Giới Cực Lạc, cách Thế Giới Sa Bà của chúng ta mười vạn ức cõi Phật. Nhìn thì có vẻ xa, nhưng thật ra, khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn, Vãng Sanh chỉ là chuyện trong khoảng sát na, đừng nên khởi vọng tưởng. Khi La Thập Đại Sư dịch Kinh này, nghĩ tưởng chúng ta đều là kẻ đời nghiệp, phạm tình chưa đoạn, khó thể tránh khỏi có lúc nhớ nhà. Người trong cõi Tây Phương thiên nhãn thấy thấu suốt, thiên nhĩ nghe thông suốt, có thể thấy người nhà, quyến thuộc đang ở

trong đường nào. Nếu muốn quan tâm đến họ, trong sát na liền có thể quay về Thế Giới Sa Bà.

Câu “*tùng thị Tây Phương*” chỉ phía Tây của Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới này, chứ không phải là phía Tây của địa cầu. Hiện thời, Thiên Văn Học có khái niệm gọi là Hoàng Cực (Ecliptic pole), địa cầu của chúng ta có Nam Cực và Bắc Cực. Hệ Ngân Hà cũng chuyển động, hai đầu trục chuyển động của hệ Ngân Hà gọi là Hoàng Cực. Trước kia, người ta thường suy đoán một Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới như Đức Phật đã nói, đại khái là một hệ Ngân Hà (Milky Way). Pháp vận của Đức Phật bất quá là một vạn hai ngàn năm, góc xoay của hệ Ngân Hà chỉ có thể chuyển dịch chừng một, hai độ. Cách nói này nghe cũng khá hợp lý.

Nếu chiếu theo cách lập luận của Lão Cư Sĩ Hoàng Niệm Tổ thì Kinh Phật gọi một hệ Ngân Hà là một đơn vị Thế Giới. Do vậy, một Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới có mười ức hệ Ngân Hà. Căn cứ theo Kinh Văn đã dạy, một núi Tu Di (Sumeru), bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc, mỗi phía có một châu, cùng được một mặt Trời, mặt trăng chiếu soi, được một núi Thiết Vy (Cakravāda parvata) bao quanh, thì gọi là một Tứ Thiên Hạ. Một ngàn Tứ Thiên Hạ gọi là một Tiểu Thiên Thế Giới, một ngàn Tiểu Thiên Thế Giới gọi là một Trung Thiên Thế Giới. Một ngàn Trung Thiên Thế Giới gọi là một Đại Thiên Thế Giới.



Nếu có người hỏi, vì sao Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây? Nếu như Thế Giới Cực Lạc ở phương Đông, ắt sẽ lại hỏi vì sao ở phương Đông? Hỏi như vậy tức là giỡn chơi. Huống chi, nếu ở tại mười một vạn ức cõi Phật, quay đầu nhìn lại Cực Lạc thì Cực Lạc đã thuộc về phương Đông rồi, phương vị đâu có nhất định. Thân thể là chánh báo, những gì để thân thể nương vào mà tồn tại như thức ăn, quần áo, hoàn cảnh cư trú và Thế Giới được gọi là “*y báo*”. Thế Giới này có tên là Sa Bà, dịch nghĩa là Kham Nhẫn. Hai chữ “*Thế Giới*” xét theo Lục Thụ thì thuộc về loại Hội Ý. Ba mươi năm là một Thế, đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai là thời gian. Theo chiều ngang trọn khắp mười phương, nhằm định ranh giới là không gian. Hợp nhất thời gian và không gian là “*Thế Giới*”.

“*Cực Lạc*”, tiếng Phạn là Tu Ma Đề, còn gọi là An Dưỡng, An Lạc, Thanh Thái v.v... có nghĩa là vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, an ổn bậc nhất. Tây Phương Thế Giới chia thành bốn cõi:

**1) Phàm Thánh Đồng Cư Độ:** Là chỗ ở của kẻ đơi nghiệp Vãng Sanh. Do đơi nghiệp (mang theo nghiệp) nặng hay nhẹ khác nhau, nên chia thành ba bậc chín phẩm. Tu hành phải nên tận hết sức tiêu trừ nghiệp chướng, sẽ có thể nâng cao phẩm vị khi sanh về Tây Phương. Ở đây, tôi chỉ giảng đại lược từ ngữ Ngũ Trược (pañca kasāyāh).

- Kiếp Trược (Kalpa kasāyāh): Trược là ô nhiễm, Kiếp chỉ thời gian. Chúng sanh tội ác sâu nặng chiêu cảm đời loạn, nhân dân bệnh tật, khốn khổ, trong lịch sử thường gọi là “*thời đại hắc ám*”.

- Kiến Trược (Drsti kasāyāh): Tức là chúng sanh quan sát nhân sinh và Vũ Trụ, nảy sanh những cách nhìn sai lầm, mà tự cho là đúng.

- Phiền Não Trược (Klesa kasāyāh): Hoài nghi giáo huấn của Chư Phật, Bồ Tát, Cổ Thánh, Tiên Hiền, trái nghịch lời răn dạy, chẳng chịu vâng giữ, làm theo. Sách Hành Sự Sao Tư Trì Ký còn giảng: “*Phiền Não Trược chính là Ngũ Độn Sử*”.

- Chúng Sanh Trược (Sattva kasāyāh): Là quả báo của Kiến Trược và Phiền Não Trược, tức là sự ô nhiễm trong hoàn cảnh sống. Chẳng hạn như không khí, nguồn nước và những hoàn cảnh khác bị ô nhiễm, khí hậu biến đổi dị thường, đều thuộc về loại Trược này.

- Mạng Trược (Āyu kasāyāh): Thọ mạng giảm ngắn, chẳng thể hưởng hết tuổi Trời, là chướng ngại lớn nhất cho sự tu hành.

Hôm nay, đọc đến đoạn Kinh Văn này, nhận biết sâu xa Đức Phật đã có tiên kiến, gần như hoàn toàn nói trực tiếp đến thời đại hiện tại. Phật dạy: “*Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh*”. Lại nói: “*Hết thấy pháp chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến*”, đủ biết rằng: Đoạn trừ các điều ác, khôi phục sự thanh tịnh, ắt phải dốc công nơi tâm địa,

tâm tịnh thì cõi nước tịnh. Thân và tâm là chánh báo, hoàn cảnh là y báo. Đức Phật thường nói: “*Y báo chuyển theo chánh báo*”, vì thế, tu tâm là bậc nhất.

**2) Phương Tiệm Hữu Dư Độ:** Là nơi ở của Quyền Giáo Bồ Tát và A La Hán, Bích Chi Phật. Tây Phương Thế Giới không có Nhị Thừa, thuần là Bồ Tát. Những người đời nghiệp Vãng Sanh, chưa đoạn phiền não, Hạ Hạ phẩm Vãng Sanh, sanh sang Tây Phương cũng mang thân phận Bồ Tát, chẳng phải là Tiểu Thừa. Bất quá, Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín là học trò lớp Một, nếu học đến lớp Bảy (tức địa vị Thất Tín), đã đoạn Kiến Tư phiền não, thật sự đạt được thân tâm thanh tịnh, liền đạt đến Phương Tiệm Hữu Dư Độ. Niệm Phật mà niệm đến mức Sự nhất tâm bất loạn, liền sanh về Phương Tiệm Hữu Dư Độ. Tiểu Thừa A La Hán, Bích Chi Phật và Quyền Giáo Bồ Tát chấp trước nặng nề, dùng phương pháp phân tích, giác ngộ thân tâm Thế Giới đều chẳng phải là tướng chân thật, biết vạn vật là “*nhất hiệp tướng*”. Bất luận động vật, thực vật, hay khoáng vật đều cùng do một loại vật chất cơ bản kết hợp thành. Dùng Tích Không Quán (quán sát theo cách lần lượt phân tích sự vật cho đến khi thấy bản chất của chúng là Không) để khế ngộ Thật Tướng thì phương pháp ấy là vụng về. Ngoài ra, còn có một hạng người thông minh, vừa nghe Đức Phật nói liền có thể ngộ đến mức thấu hiểu, nhập vào Không Quán, đấy gọi là Thử Không Xảo Độ, so ra khéo léo hơn. Nếu

dùng Tứ Giáo của Tông Thiên Thai, tức Tạng Giáo, Thông Giáo, Biệt Giáo, Viên Giáo, để so sánh thì căn tánh nhạy bén nhất là Viên Giáo, kế đến là Biệt Giáo, rồi mới đến Thông Giáo và Tạng Giáo. Những điều vừa nói trên đây có lẽ khá phức tạp, chỉ dựa theo lời Đại Sư giải thích, thì mỗi cõi Phật gồm có bốn cõi, mỗi cõi đều chia thành tịnh và uế. “*Phương Tiện Hữu Dur độ, nếu dùng phép Quán phân tích cái Không vụng về để chứng nhập thì là Uế, còn thể nhập Không Quán một cách khéo léo thì là tịnh*”. Tuy cùng trong một cõi Phật, trong ấy vẫn có đẳng cấp tịnh và uế khác nhau, mong quý vị hãy khéo thấu hiểu.

**3) Thật Báo Vô Chướng Ngại Độ:** Còn gọi là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, tức cảnh giới “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*” như Kinh Hoa Nghiêm đã nói, là chỗ của bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì mới có thể đạt đến cảnh giới này, đây là địa vị kiến tánh. Nói theo Tịnh Tông thì là Lý nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm sẽ sanh về Phương Tiện Hữu Dur Độ, Lý nhất tâm bèn sanh về Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Bí quyết chính là một câu Phật hiệu niệm đến tột cùng, chẳng cần phải bận tâm, nước chảy mãi sẽ thành suối. Nếu muốn hỏi “*nhu thế nào thì mới được coi là Lý nhất tâm*”, sẽ chẳng có hy vọng gì đâu! Vì tâm chẳng thanh tịnh. Bà cụ già trong làng quê chuyện gì cũng chẳng

hiếu, bà ta có thể niệm đến Sự nhất tâm hoặc Lý nhất tâm, lâm chung biết trước lúc mất, tự tại Vãng Sanh. “*Thứ Đệ Tam Quán*” và “*Nhất Tâm Tam Quán*” đều là những danh từ trong tông Thiên Thai. Thiên Thai Đại Sư dạy phương pháp tu hành gồm “*Tam Chỉ, Tam Quán*”. Trước hết là quán Không rồi đến quán Giả, cuối cùng là quán Trung. Đây là “*Thứ Đệ Tam Quán*” (thực hành Tam Quán theo thứ tự), khế hợp với căn cơ trung hạ. Bậc lợi căn trong một niệm liền chính là Không, Giả, Trung, viên mãn Tam Không, Tam Quán, không có giới hạn. “*Trong một niệm mà tu trọn Tam Quán*” nằm ngay trong một câu Phật hiệu. Cái tâm để niệm Phật nằm ở chỗ nào? Chẳng thể được! Đức Phật được niệm ở chỗ nào? Cũng chẳng thể được! Quán sát trên mặt Thể, đều trọn chẳng thể được, chính cái Thể ấy là Không. Trên mặt Sự thì giả có, vì sự tướng vẫn rành rành. Nhưng Không và Giả là một, Không chẳng trở ngại Giả, Giả chẳng trở ngại Không, Không và Giả giống hệt như một thì chính là Trung Đạo. Trong một niệm, Không, Giả, Trung đều đầy đủ. Sau khi hiểu rõ Lý và Sự, điều gì cũng buông xuống, chẳng quan tâm đến nữa, một câu Phật hiệu ấy tương ứng với Nhất Tâm Tam Quán, thật sự niệm thành công, Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh đều chẳng còn nữa, bèn đoạn trọn vẹn ba Hoặc (Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, Vô Minh Hoặc), chứng trọn vẹn ba đức (Pháp Thân, Giải Thoát, Bát Nhã) thì kiến tánh, trí huệ Bát Nhã hiện tiền, thông đạt hết thấy pháp, quá khứ, hiện tại, vị

lai đều hiện trước mắt, đặc đại tự tại. Đạt đến cảnh giới ấy, tức là đắc Niệm Phật Tam Muội, cũng chớ nên sanh tâm hoan hỷ. Hễ hoan hỷ thì cảnh giới ấy sẽ chẳng còn nữa.

*(Giải) Thường Tịch Quang độ, phần chứng giả uế, cứu cánh mãn chứng giả tịnh. Kim vân Cực Lạc Thế Giới, chánh chỉ Đồng Cư Tịnh Độ, diệt tức hoành cụ thượng tam Tịnh Độ dã. “Hữu Phật hiệu A Di Đà”, tự chánh báo giáo chủ chi danh dã, phiên dịch như hạ quảng thích. Phật hữu tam thân, các luận đơn, phức. Pháp Thân đơn, chỉ sở chứng Lý tánh. Báo Thân đơn, chỉ năng chứng công đức trí huệ. Hóa Thân đơn, chỉ sở hiện tướng hảo sắc tượng. Pháp Thân phức giả, Tự Tánh Thanh Tịnh Pháp Thân, Ly Cấu Diệt Cực Pháp Thân. Báo Thân phức giả, Tự Thụ Dụng Báo Thân, Tha Thụ Dụng Báo Thân. Hóa Thân phức giả, Thị Sanh Hóa Thân, Ứng Hiện Hóa Thân. Hựu, Phật Giới Hóa Thân, Tùy Loại Hóa Thân. Tuy biện đơn phức tam thân, thực phi nhất, phi tam, nhi tam, nhi nhất. Bất tung hoành, bất tịnh biệt, ly quá, tuyệt phi, bất khả tư nghị. Kim vân A Di Đà Phật, chánh chỉ Đồng Cư độ trung Thị Sanh Hóa Thân. Nhưng phức tức Báo, tức Pháp dã. Phục thứ, Thế Giới cập Phật, giai ngôn “hữu” giả, cụ tứ nghĩa, đích tiêu thực cảnh, linh hân câu cố. Thành ngữ chỉ thị, linh chuyên nhất cố. Giản phi Càn thành, dương diễm, phi quyền hiện*

*khúc thị, phi duyên ảnh hư vọng, phi bảo chân thiên đản, phá ma, tà, quyền, tiểu cố, viên chương tánh cụ, linh thâm chứng cố.*

*(Giải: Thường Tịch Quang Độ, phần chứng là uế, rất ráo chứng viên mãn là tịnh. “Thế Giới Cực Lạc” đang được nói ở đây chính là nói về Đồng Cư Tịnh Độ, mà cũng là cõi Tịnh Độ theo chiều ngang có đủ cả ba cõi Tịnh Độ trên. Câu “có Phật hiệu là A Di Đà” nhằm nêu ra danh hiệu của vị giáo chủ trong chánh báo, sẽ được giải thích rộng rãi trong tiểu đoạn giảng về sự phiên dịch danh hiệu vị Phật này trong phần sau. Phật có ba thân, với mỗi thân đều luận thân đơn và thân kép. Pháp Thân đơn chỉ cho Lý tánh được chứng, Báo Thân đơn chỉ trí huệ, công đức có công năng chứng Lý tánh ấy, Hóa Thân đơn chỉ các hình tượng, tướng hảo đã được hiện bởi chân tâm. Pháp Thân kép gồm Tự Tánh Thanh Tịnh Pháp Thân và Ly Cấu Diệu Cực Pháp Thân. Báo Thân kép gồm Tự Thụ Dụng Báo Thân và Tha Thụ Dụng Báo Thân. Hóa Thân kép gồm Thị Sanh Hóa Thân và Ứng Hiện Hóa Thân. Lại còn có Phật Giới Hóa Thân và Tùy Loại Hóa Thân. Tuy phân biệt ba thân đơn và kép, nhưng thật ra, chúng chẳng phải một, chẳng phải ba, nhưng là ba, là một, chẳng dọc ngang, chẳng cùng tồn tại hay sai khác, lìa lỗi, dứt sai, chẳng thể nghĩ bàn. Nay nói A Di Đà Phật chính là nói về Thị Sanh Hóa thân của A Di Đà Phật trong cõi Đồng Cư, nhưng thân phức cũng chính là Pháp Thân, cũng chính là Báo Thân. Lại nữa, trong chánh Kinh,*

đôi với Thế Giới và Phật đều nói là “có”. Hai chữ Có ấy gồm đủ bốn nghĩa (Tứ Tất Đàn):

- Nêu ra cảnh thật khiến cho người nghe vui thích, mong cầu.
- Lời thành thật chỉ bày khiến cho người nghe chuyên nhất.
- Nhằm phân biệt rõ ràng cõi Cực Lạc chẳng phải là thành Càn Thát Bà, hay là bóng nước gợn khi Trời nắng gắt, chẳng phải là quyền biến thị hiện hay nói phương tiện nhằm thuận theo căn tánh, chẳng phải là bóng dáng hư vọng của các duyên, chẳng phải là khư khư giữ lấy thiên chân Niết Bàn, phá dẹp ma, tà, quyền, tiểu.
- Phô bày trọn vẹn tánh vốn trọn đủ, nhằm làm cho người nghe chứng nhập sâu xa).

“Cõi Thường Tịch Quang”: Các Kinh Đại Thừa thường nói Thường Tịch Quang Tịnh Độ là cảnh giới nơi quả địa Như Lai. Theo cách nói của tông Thiên Thai thì Tạng Giáo và Thông Giáo chỉ đoạn Kiến Tư phiền não, chưa phá vô minh, đương nhiên không tính tới. Thành Phật trong Biệt Giáo sẽ chứng nhập cõi Thường Tịch Quang. Nhưng nếu so sánh giữa Biệt Giáo và Viên Giáo thì hàng Sơ Địa trong Biệt Giáo phá một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân, được gọi là Pháp Thân Đại Sĩ, trên địa vị Thập Địa Bồ Tát lại có thêm địa vị Đẳng Giác, phá mười một phẩm vô minh liền chứng địa vị Diệu Giác tức là thành Phật. Như vậy thành Phật trong Biệt Giáo là phá cả mười hai phẩm vô minh. Thế nhưng vô minh có tất cả bốn



mười hai phẩm, vị Bồ Tát thành Phật trong Biệt Giáo chỉ mới phá được mười hai phẩm, vẫn còn ba mươi phẩm vô minh chưa phá. Đây là quả vị Phật trong Biệt Giáo. Cảnh giới được chứng bởi vị ấy là uế độ của cõi Thường Tịch Quang. Đức Phật trong Viên Giáo đã phá sạch bốn mươi hai phẩm vô minh, viên mãn chứng đắc Phật quả. cảnh giới của vị ấy là Thường Tịch Quang Tịnh Độ.

Pháp Môn Tịnh Độ hết sức đặc biệt, lạ lùng, dẫu là kẻ đơi nghiệp Vãng Sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, cũng có thể hưởng thụ cảnh giới Thường Tịch Quang độ, các Kinh, luận, Pháp Môn khác đều không có chuyện này! Bởi lẽ, bọn phàm phu chúng ta trong một đời chẳng thể nào chứng đắc ba cõi phía trên (tức Thường Tịch Quang, Phương Tiện Hữu Dư và Thật Báo Trang Nghiêm). Chúng ta muốn đoạn phiền não quả thật chẳng dễ dàng. Dẫu đoạn được Kiến Tư phiền não thì bất quá cũng chỉ là địa vị A La Hán trong Tiểu Thừa hay địa vị Thất Tín Bồ Tát trong Viên Giáo. Nếu muốn sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, trong một đời khó thể nào đạt được. Đối với cõi Thật Báo và cõi Tịch Quang, khởi cần phải nhắc tới nữa! Riêng cõi Phạm Thánh Đồng Cư, chỉ cần có thể chế phục phiền não là được, chế phục dễ hơn đoạn trừ. Nhưng chế phục phiền não cũng cần phải dụng công, phiền não tuy có, nhưng giữ sao cho nó chẳng khởi tác dụng. Theo đường lối thông thường thì dùng Định, Định có thể chế phục phiền não. Pháp Môn Tịnh Tông thì

dùng một câu Phật hiệu để chế phục phiền não, so với Thiên Định dễ dàng hơn nhiều. Niệm Phật chỉ cần “*niếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*” là được. Chánh niệm là một câu Phật hiệu, Cổ Đức thường nói: “*Buông xuống vạn duyên, đề khởi chánh niệm*”. Trừ một câu Phật hiệu ra, tất cả hết thảy ý niệm đều là vọng tưởng, không có gì là chân thật. Kinh Kim Cang dạy: “*Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Pháp hữu vi bao gồm hết thảy ý niệm, kiến giải, tư tưởng của chúng ta.

Chúng ta chỉ có thể sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư, chứ không thể lên cao hơn, nhưng cả ba cõi trên đều có thể thụ dụng được, thật là chẳng thể nghĩ bàn. Trong các Thế Giới Chư Phật khác, ắt phải đoạn Kiến Tư phiền não thì mới có thể hưởng thụ cõi Phương Tiện, phá một phần vô minh thì mới có thể thụ dụng cõi Thật Báo, nhất định phải dựa vào công phu của chính mình.

Kinh dạy: Sanh về Tây Phương sẽ cùng ở một chỗ với các vị thượng thiện nhân. Nếu chẳng thể đồng thời hưởng thụ cảnh giới của ba cõi trên thì làm sao có thể thấy được các vị thượng thiện nhân? Thế Giới Sa Bà của chúng ta cũng là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, nhưng chúng ta không thấy A La Hán, Bồ Tát, càng chẳng thể thấy Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí. Ở Tây Phương, hằng ngày gặp gỡ các Ngài, vì có chuyện này nên trong Kinh Vô Lượng Thọ Đức Phật đã dạy, A Di Đà Phật là “*Quang trung cực tôn, Phật trung*

*chi vương*” (quang minh tôn quý nhất, là vua trong các Phật). Đọc đến chỗ này liền hiểu rõ: Do tín nguyện trì danh, ắt sẽ đạt được công đức và lợi ích thù thắng như trong Kinh đã dạy.

Phật có ba thân là Pháp Thân, Báo Thân và Ứng Hóa Thân. Pháp Thân là Lý, Báo Thân và Hóa Thân là Sự. Lý là chủ thể có công năng biến hiện (Năng Biến), Sự là cái được biến hiện (Sở Biến). Lý chính là Chân Như bản tánh như trong Kinh đã nói. Kinh Hoa Nghiêm nói tới Nhất Chân pháp giới, lại nói “*bát khả tư nghị giải thoát cảnh giới*” (cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn) đều là nói về sự việc này. Những danh từ, thuật ngữ đồng nghĩa với Nhất Chân pháp giới nhiều đến mấy chục thứ. Vì sao lại nói ra nhiều danh từ? Nhằm mục đích khiến cho chúng ta đừng chấp trước danh tướng, khiến cho chúng ta lìa khỏi tướng danh tự, lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng tâm duyên, thì mới có thể thật sự thấu hiểu chân tướng của nó. “*Bản thể của Vũ Trụ vạn hữu*” như các nhà triết học đã nói chính là Pháp Thân. Báo Thân là trí huệ. Báo Thân là trí có khả năng chứng đắc (năng chứng trí), Pháp Thân là Lý được chứng (sở chứng lý) bởi cái trí ấy. Lý và Trí là một, chẳng phải hai. Trong triết học, Năng và Sở đối lập với nhau, nhưng Phật Pháp nói trí năng chứng và lý sở chứng là một, chẳng thể tách rời. Hóa Thân còn gọi là Ứng Thân nhằm lợi ích chúng sanh, nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Chư Phật, Bồ Tát ứng hiện tùy theo từng loại

chúng sanh. Tam thân của Chư Phật, Bồ Tát rõ ràng, tam thân của chúng ta chẳng rõ ràng, vì tâm của chúng ta bị vọng tưởng, chấp trước, thất tình, ngũ dục mê hoặc. Sự giáo học của Đức Phật chỉ nhằm phá mê, khai ngộ. Hễ ngộ sẽ liền chứng đắc Pháp Thân. Cái thân hiện thời của chúng ta là thân nghiệp báo, thuận theo nghiệp mà hứng chịu quả báo. Luân hồi trong lục đạo là vì chính mình mê mất tự tánh, do tạo nghiệp thiện hay ác mà biến hiện ra. Làm thế nào để khôi phục tam thân, làm thế nào mới thụ dụng được tam thân, đây chính là những chủ đề dạy dỗ chánh yếu của Đức Phật.

Từ ngữ “*Pháp Thân đơn*” chỉ Lý tánh được chứng. Lý và Sự là một, Tánh và Tướng là một. Đây là chân tướng của nhân sinh và Vũ Trụ, mà cũng chính là Pháp Thân. “*Báo Thân đơn*” chính là công đức trí huệ có công năng chứng được Lý Tánh. Hiểu minh bạch, đích xác chân tướng của nhân sinh và Vũ Trụ thì gọi là trí huệ, đây là Báo Thân. “*Hóa Thân đơn*” chỉ tướng hảo, sắc tướng được biến hiện. Đây là Tha Thụ Dụng. Vì sao có sanh, lão, bệnh, tử? Là vì chúng ta có tự thụ dụng, tức là chính mình mong cầu hưởng thụ. Chư Phật, Bồ Tát chẳng tự thụ dụng, thân cũng không có tướng, những tướng ấy nhằm để cho người khác hưởng dùng (tha thụ dụng). Vì thế, các Ngài không có sanh, lão, bệnh, tử. Phật Pháp dạy Vô Ngã, đối với chính mình thì nói là không có Ngã, nhưng đối với người khác thì nói có Ngã. Có Ngã là để cho người khác thụ dụng, Ngã là công cụ

để giáo hóa chúng sanh giác ngộ. Vì vậy, thân của Chư Phật, Bồ Tát tùy theo sự cảm ứng của chúng sanh mà hiện. Kinh Điển kể ra ba mươi hai ứng thân của Quán Âm Bồ Tát thì ba mươi hai ứng thân ấy là những loại tổng quát, hoàn toàn là vô tâm, mà cũng là vô niệm, nên mới có thể cảm ứng. Như gõ chuông, gõ mạnh, chuông ngân to. gõ nhẹ, chuông ngân nhỏ. Đức Phật thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, giảng Kinh hơn ba trăm hội, đều là hễ hỏi liền đáp, chẳng phải suy nghĩ. Do vậy, học Phật trong hết thầy thời, trong hết thầy chỗ, trong hết thầy cảnh duyên, chẳng sanh một niệm, chỉ dùng một câu A Di Đà Phật, dùng nhất niệm để dứt hết thầy vọng niệm. Pháp Môn này hay khéo, dễ dàng, bởi lẽ, một niệm dễ tu hơn vô niệm rất nhiều. Trong quá khứ, ta thấy phương pháp tiếp dẫn chúng sanh của nhiều vị Đại Đức là sử dụng thân giáo (dùng hành vi, ứng xử nơi thân để giáo hóa), không dùng tới ngôn ngữ. Có khi dùng ngôn giáo (dạy dỗ bằng lời nói) nhằm giải nói tường tận. Tùy căn tánh và hoàn cảnh khác biệt của từng người mà đều có thể khiến cho chúng sanh được lợi ích. Pháp Môn vô lượng vô biên, nhưng mục tiêu chỉ có một, tuy khác đường nhưng cùng về một nơi!

“*Pháp Thân phức*”: Loại thứ nhất là Tự Tánh Thanh Tịnh Pháp Thân. Thân này chỉ về bản thể, cũng chính là Pháp Thân đơn, mọi người chúng ta ai nấy đều có. Loại thứ hai là Ly Cấu Diệu Cực Pháp Thân. Nói theo phương diện sự tướng, “*Cấu*” là vô minh phiền não.

Cũng xét theo quả vị Như Lai trong Viên Giáo, bốn mươi một phẩm vô minh đều đoạn sạch thì gọi là Ly Cấu Diệu Cực Pháp Thân. Do Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phần sanh tướng vô minh chưa phá nên chẳng thể xưng là Diệu Cực. Khi thành Phật bèn có Diệu Cực Pháp Thân, từ Bồ Tát trở xuống đều không có.

“*Báo Thân phước*” chia thành Tự Thụ Dụng Báo Thân và Tha Thụ Dụng Báo Thân. Kinh Bát Nhã gọi Thật Trí là Tự Thụ Dụng Báo Thân. Kinh Bát Nhã nói “*Bát Nhã vô tri*”, Tự Thụ Dụng là vô tri. Phật vì chúng sanh thuyết pháp bèn sử dụng Quyền Trí, còn trí để chính Phật tự thọ dụng là Thật Trí. Phật là “*nói mà không nói, không nói mà nói*”. Tâm Phật thật sự thanh tịnh.

“*Hóa Thân phước*” chia thành Thị Sanh Hóa Thân và Ứng Hiện Hóa Thân. Thị Sanh Hóa Thân (thân thị hiện cho chúng sanh) là như Phật trụ trong thế gian, thị hiện có thân hình giống hệt như người đời, giảng Kinh, thuyết pháp, tám mươi tuổi Viên Tịch. Ứng Hiện Hóa Thân là thân cảm ứng xuất hiện khi cần thiết. Trong quá khứ, trước thời Kháng Chiến, vợ của Tiên Sinh Châu Bang Đạo sang Nam Kinh sống, đã gặp Địa Tạng Vương Bồ Tát hóa duyên. Đây chính là Ứng Hiện Hóa Thân của Bồ Tát. Họ Châu nhà cửa rất to, có ba lớp cửa. Một hôm, có một vị xuất gia đến nhà họ, hướng về Châu phu nhân hóa duyên, xin bà phát tâm cúng dường năm cân dầu thơm. Thuở ấy, Châu phu nhân còn chưa học Phật, chưa hề gặt đầu ung

chịu, tiếp đãi hời hợt khiến vị xuất gia ấy bỏ đi. Sau đây, Châu phu nhân nghĩ lại, nhà ta có ba lớp cửa, đều chưa mở khóa, làm sao vị xuất gia này lại bước vào được, thật chẳng hiểu nổi! Về sau, đến Đài Loan đem chuyện ấy hỏi thầy Lý. Thầy Lý nói: “*Vị xuất gia ấy chính là Địa Tạng Bồ Tát*”. Vợ chồng Châu Tiên Sinh nghe xong hết sức hồi tiếc.

“*Phật Giới Hóa Thân, Tùy Loại Hóa Thân*”. Loại này (Phật Giới Hóa Thân) chỉ riêng cho sự thị hiện dưới thân tướng Phật, tức là thân có ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, còn các thân thị hiện khác chính là Tùy Loại Hóa Thân (hóa thân theo từng loài chúng sanh). “*Tuy biện đơn phức tam thân, thực phi nhất, phi tam, nhi tam, nhi nhất, bất tung hoành, bất tịnh biệt, ly quá, tuyệt phi, bất khả tư nghị*” (Tuy phân biệt ba thân đơn và kép, nhưng thật ra chẳng phải ba, chẳng phải một, mà là ba, là một, chẳng dọc ngang, chẳng cùng tồn tại hay sai khác, dứt lỗi, tuyệt sai, chẳng thể nghĩ bàn). Đại Sư viết những lời này vì sợ chúng ta nghe xong bèn chấp trước vào danh tướng của ba thân thì hỏng mất. Nói theo mặt Lý thì có Thể, Tướng, Dụng, luận theo Phật Giới thì có ba thân, nhưng ba món này viên dung, chẳng phân biệt là theo chiều dọc (thời gian) hay chiều ngang (không gian), cũng chẳng sai biệt. Nếu chấp trước sẽ sai lầm. Nếu thuyết pháp và nghe pháp đều hiểu nguyên tắc và nguyên lý này, sẽ chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, không phân biệt, không chấp

trước. Người thuyết pháp nói pháp thanh tịnh, người nghe pháp chẳng chấp trước ngôn ngữ, danh tướng. Chẳng khởi lên phân biệt và chấp trước thì người nghe và kẻ nói đều có giác, có ngộ.

A Di Đà Phật được nói trong Kinh này rốt cuộc thuộc loại thân nào vậy? A Di Đà Phật trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư chính là Thị Sanh Hóa Thân. Ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian cũng là Thị Sanh Hóa Thân. Tuy cùng là Thị Sanh Hóa Thân, nhưng tinh thần hoàn toàn khác nhau. Phật Thích Ca thị hiện giáng sanh có đôi chút ý nghĩa “*tùy duyên*”. Đức Phật xuất hiện trong thế gian, thọ ấy, người thế gian thọ một trăm tuổi, Đức Phật tám mươi tuổi bèn Viên Tịch. Thứ nhất là vì hóa duyên (duyên hóa độ) đã hết. Thứ hai là vì Ma Vương Ba Tuần khai thỉnh, hấn bạch Phật: “*Ngài hóa độ chúng sanh đã nhiều lắm rồi, hãy nên nhập Niết Bàn*”. Phật nhận lời hấn cũng là vì tùy thuận duyên thế gian.

A Di Đà Phật ở Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là Thị Sanh Hóa Thân, Ngài sáng tạo Thế Giới Cực Lạc do nguyện vọng của hết thảy chúng sanh trong tốt cùng hư không trọn khắp pháp giới cảm ứng, nên thân tướng và cõi nước đều là Thị Sanh Hóa Thân, khác hẳn với cách thức hóa độ chúng sanh của hết thảy Chư Phật, hết sức đặc biệt, thù thắng. Nhưng xét theo Hóa Thân ấy để nói, thì nó cũng là Báo Thân, mà cũng là Pháp Thân, một chính là ba, ba chính là một. Vì thọ mạng quá dài, dấu trong tương lai khi hóa duyên đã hết, Phật sẽ



nhập Niết Bàn, Quán Thế Âm Bồ Tát liền thành Phật để nối ngôi trong Thế Giới Cực Lạc, nhưng chuyện ấy xảy ra khi nào, không ai có thể tính ra được! Trong phần trước, tôi đã nói tường tận điều này. Chúng ta Vãng Sanh Tây Phương, thọ mạng, trí huệ, thần thông, đức năng đều giống như A Di Đà Phật, ai nấy đều có phần. Nếu hiểu rõ sự thật này thì mới biết niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là một đại sự bậc nhất trong đời người, những thứ khác hoàn toàn là giả!

“*Phục thứ, Thế Giới cập Phật, giai ngôn hữu giả*” (Lại nữa, trong chánh Kinh, đối với Thế Giới và Phật, đều nói là “có”). Hai chữ “*hữu*” (tức hai chữ “*hữu*” trong câu “*hữu Thế Giới danh viết Cực Lạc*” và “*hữu Phật hiệu A Di Đà*”) này hết sức quan trọng. “*Cụ tứ nghĩa*” (có đủ bốn nghĩa): Bốn nghĩa ấy chính là Tứ Tất Đàn.

1) Thứ nhất, Thế Giới Tất Đàn: Phật thí pháp cho hết thảy chúng sanh, “*đích tiêu thật cảnh, linh hân cầu cố*” (nêu đích xác cảnh thật, khiến cho chúng sanh ưa thích, mong cầu). Cực Lạc là có thật, A Di Đà Phật cũng có thật, khiến cho tâm chúng sanh hâm mộ, hướng về.

2) Thứ hai, Vị Nhân Tất Đàn: “*Thành ngữ chỉ thị, linh chuyên nhất cố*” (lời thành thật chỉ dạy, khiến cho chúng sanh chuyên nhất). Phật dùng lời nói chân thành, chỉ dạy chúng ta tín, nguyện, trì danh, cầu sanh Tịnh Độ, tin vào bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nguyện nào cũng thực tiễn, giúp chúng sanh Vãng Sanh Tịnh Độ,

viên thành Phật đạo. Tin tưởng những lời tán thán A Di Đà Phật của hết thầy Chư Phật trong Mười Phương Thế Giới câu nào cũng chân thành, khiến cho chúng ta sanh khởi tín tâm chân thật, chuyên học Pháp Môn này. Trong một đời này, nhất định thành tựu viên mãn, được lợi ích Vô Lượng Sanh.

3) Thứ ba, Đối Trị Tất Đàn: Đại Sư nói: “*Giản phi Càn thành, dương diễm, phi quyền hiện khúc thị, phi duyên ảnh hư vọng, phi bảo chân thiên đản, phá ma, tà, quyền, tiểu cố*” (nhằm phân biệt rõ ràng cõi Cực Lạc chẳng phải là thành Càn Thát Bà, là bóng nước gợn khi Trời nắng gắt, chẳng phải là quyền biến thị hiện hay nói phương tiện nhằm thuận theo căn tánh, chẳng phải là bóng dáng hư vọng của các duyên, chẳng phải là hư hư giữ lấy thiên chân, phá dẹp ma, tà, quyền, tiểu). Đoạn văn này nói Tây Phương Cực Lạc Thế Giới và A Di Đà Phật chẳng phải là thành Càn Thát Bà. Thành Càn Thát Bà là huyễn hóa. “*Dương diễm*” cũng chẳng phải là thật, giống như “*dã mã*” (ngựa hoang) do Trang Tử đã nói (Chuyện “*dã mã*” xin đọc thiên Tiêu Dao trong sách Trang Tử, ý nói: Mây trôi trên không trung có hình giống như ngựa hoang, hư huyễn, chẳng thật). Tại Đại Lục, trên bình nguyên phương Bắc, hơi đất bốc lên trông xa như có nước, đến gần chẳng có, những con nai khát nước rảo chạy đến uống, rốt cuộc tìm không ra. Câu “*phi quyền hiện khúc thị*” (chẳng phải là quyền biến thị hiện hay nói phương tiện nhằm thuận theo căn tánh)

chính là lời phản bác Lý Trường Giả (Lý Thông Huyền). Lý Trường Giả là người thời Đường, là một vị Đại Đức lỗi lạc. Kinh Hoa Nghiêm từ xưa tới nay chỉ có hai bản chú giải nổi danh nhất, một là bộ Hoa Nghiêm Sớ Sao của Thanh Lương Đại Sư, bộ kia là Hoa Nghiêm Hợp Luận của Lý Trường Giả. Trong bộ Hoa Nghiêm Hợp Luận, Lý Trường Giả cho rằng Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là quyền biến thị hiện, tức là A Di Đà Phật nhằm tạo phương tiện tiếp dẫn chúng sanh nên bày ra cõi ấy. Ở chỗ này, Ngẫu Ích Đại Sư phản bác cách nói của Lý Trường Giả, nên mới nói “*phi quyền hiện khúc thị*”. Hàng Bồ Tát hiểu lầm Thế Giới Tây Phương rất nhiều, Lý Trường Giả nói mấy câu nói ấy có gì lạ đâu! Tây Phương Thế Giới chỉ có Chư Phật mới có thể hiểu thấu rất rõ. “*Duyên ảnh*”: Chúng sanh ngỡ bóng dáng biến hiện của các duyên Lục Trần trong tâm thức là cái tâm của chính mình, đó cũng là hư vọng. Ngoài ra, từ ngữ “bảo chân thiên đản” chỉ bậc Tiểu Thừa chứng đắc Thiên Chân Niết Bàn. Đức Thế Tôn nói Niết Bàn của Tiểu Thừa giống như trạm nghỉ giữa đường, chưa phải là mục tiêu rất rõ. Đây là đả phá những kiến giải sai lầm của ma, tà, quyền giáo, Tiểu Thừa đối với Tịnh Tông.

4) Thứ tư, Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn: Đại Sư nói: “*Viên chương tánh cụ, linh thâm chứng cố*” (phô bày trọn vẹn tánh vốn trọn đủ nhằm làm cho người nghe chứng nhập sâu xa) nhằm dạy cho chúng ta biết lợi ích do chứng quả. “*Viên*” là viên mãn, “*chương*” là phơi

bày rõ ràng, chẳng có mảy may ẩn giấu nào. “*Tánh cụ*” là nói rõ y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Thế Giới vốn đều có sẵn trong tự tánh, chẳng phải là pháp ở ngoài tâm, hoàn toàn phù hợp với những điều đã được nói trong Kinh Luận Đại Thừa Viên Giáo, quả thật có căn cứ lý luận, khiến cho chúng ta tin sâu, chẳng nghi. Chính vì tánh ta và người sẵn đủ y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, khiến cho chúng ta càng thêm tin tưởng sâu xa chính mình nhất định sẽ có thể Vãng Sanh chứng quả. Nếu vẫn còn nghi ngờ, ắt sẽ tạo thành chướng ngại lớn nhất cho việc Vãng Sanh Tịnh Độ. Vì sao Ngẫu Ích Đại Sư viết Di Đà Yếu Giải, vì sao Liên Trì Đại Sư viết Di Đà Sớ Sao? Dụng tâm của các Ngài đều nhằm đoạn nghi sanh tín cho chúng ta.

*(Giải) “Kim hiện tại thuyết pháp” giả, giản thượng y, chánh nhĩ hữu, phi quá khứ dĩ diệt, vị lai vị thành. Chánh ưng phát nguyện Vãng Sanh, thân cận thánh pháp, tức thành Chánh Giác dã. Phục thứ, nhĩ hữu hiện tại, khuyến tín tự dã. “Thế Giới danh Cực Lạc”, khuyến nguyện tự dã. “Phật hiệu A Di Đà”, khuyến trì danh diệu hạnh tự dã. Phục thứ, A Di tự Phật, “thuyết pháp” tự Pháp. Hiện tại hải hội tự Tăng. Phật, Pháp, Tăng đồng nhất Thật Tướng, tự Thể. Tùng thứ, khởi Tín Nguyện Hạnh, tự Tông. Tín Nguyện Hạnh thành, tất đắc Vãng Sanh, kiến Phật văn pháp, tự*

***Dụng. Duy nhất Phật giới vì sở duyên cảnh, bất tạp dư sự, tự Giáo Tướng dã. Ngôn lược, ý châu hỹ. Sơ, Tự Phân cảnh.***

*(Giải: “Nay hiện đang thuyết pháp” nhằm phân định trong hai thứ y báo và chánh báo đã có như đã nói trong phần trên, chẳng phải là trong quá khứ, đã diệt, chẳng phải là trong vị lai còn chưa thành, đúng là người nghe Kinh rất nên phát nguyện Vãng Sanh hòng thân cận, nghe pháp, mau thành Chánh Giác. Lại nữa, hai chữ Hữu và chữ “hiện tại” chính là phần Tựa nhằm khuyến tín. “Thế Giới tên là Cực Lạc” là phần Tựa khuyên hãy nên phát nguyện. “Phật hiệu A Di Đà”, chính là phần Tựa nhằm khuyến thực hành diêu hạnh Trì Danh. Lại nữa, A Di Đà là lời Tựa giới thiệu Phật, chữ “thuyết pháp” là lời Tựa giới thiệu Pháp, hiện tại hải hội là lời Tựa giới thiệu Tăng. Phật, Pháp, Tăng cùng một Thật Tướng, đó là lời Tựa nói về Thế. Từ đây, khởi lòng tin, phát nguyện, hành trì, là lời Tựa nói về Tông. Tín Nguyện Hạnh thành tựu, ắt được Vãng Sanh, thấy Phật nghe pháp, là lời Tựa nói về Dụng. Chỉ dùng một Phật giới dùng để làm cảnh sở duyên, chẳng xen tạp các sự khác, là lời Tựa nói về Giáo Tướng. Lời lẽ vẫn tắt, nhưng ý trọn đủ. Phần thứ nhất là Tự Phân đã giảng xong).*

Đoạn văn chú giải này chỉ rõ tình hình của Phật và đại chúng ở Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là như thế nào. Chữ “kim” chỉ đời này, chứ không phải là quá khứ hay vị lai. Đức Phật quán sát căn cơ

của chúng sanh trong thế gian, nói Nhĩ Căn của chúng ta nhạy bén nhất. Trong hội Lăng Nghiêm, Văn Thù Bồ Tát chọn lựa pháp Viên Thông, đã nói: “*Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn*” (Giáo thể chân thật của phương này, thanh tịnh ở nơi nghe tiếng). Chúng ta từ vô thủy kiếp đến nay chưa hề có khả năng vượt thoát luân hồi lục đạo. Nhĩ Căn của chúng sanh trong Thế Giới Sa Bà nhạy bén nhất. do vậy, trong bốn mươi chín năm, Đức Phật luôn dùng âm thanh để giảng Kinh, thuyết pháp. Chúng sanh sanh về Tây Phương, tập khí vẫn còn, nên A Di Đà Phật cũng thuyết pháp để giáo hóa chúng sanh. Trong các Kinh Đại Thừa nói mười phương chúng sanh căn tánh bất đồng, có nơi nhãn căn nhạy bén, cũng có nơi thiệt căn nhạy bén, như trong nước Hương Tích dùng cơm thơm để làm Phật sự. Trong Tây Phương Thế Giới, sáu trần thuyết pháp, bất cứ căn tánh nào cũng đều có thể đạt được lợi ích.

Nhà Phật thường nói: “*Thân người khó được, Phật Pháp khó nghe*”. Trong sáu đường, tuổi thọ con người chẳng dài, tuổi thọ của chư thiên lâu dài. Tầng Trời thứ nhất là Tứ Vương Thiên. Một ngày trên Tứ Vương Thiên là năm chục năm nhân gian, thọ mạng của cõi Trời này là năm trăm năm. Tính toán như vậy thì thọ mạng của chư thiên cõi Trời Tứ Thiên Vương bằng chín trăm mười hai vạn năm ngàn năm (9.125.000) trong nhân gian. Một ngày trên Trời Đao Lợi là một trăm năm trong nhân gian, tuổi thọ của họ là một ngàn năm.

Thọ mạng của chư thiên Đao Lợi là ba ngàn sáu trăm năm mươi vạn (36.500.000) năm trong nhân gian. Càng lên cao, thọ mạng của chư thiên càng dài, phước báo cũng càng lớn. Thọ mạng trong địa ngục cũng dài. Trong tác phẩm Phật Học Thập Tứ Giảng do thầy Lý biên soạn tại Từ Quang Giảng Tòa ở Đài Trung cũng từng có nói một ngày trong địa ngục bằng hai ngàn bảy trăm năm (2.700) trong nhân gian. Trung Quốc nổi tiếng là năm ngàn năm lịch sử, nhưng so với địa ngục thì vẫn chưa đầy hai ngày! Kinh Lăng Nghiêm giảng về địa ngục đặc biệt rất tường tận “*đễ vào, khó ra*” nhằm cảnh tỉnh chúng ta. Thọ mạng trong ngạ quỷ đạo cũng dài, một ngày trong quỷ đạo bằng một tháng trong nhân gian, tuổi thọ của họ là vài ngàn năm. Đầu thời Dân Quốc, bậc Đại Sư về Quốc Học là Tiên Sinh Chương Thái Viêm từng làm phán quan của Đông Nhạc Đại Đế, mỗi tối vào cõi âm để phán án, từng gặp những người thuộc thời Đường, thời Tống, cùng thảo luận văn chương với bọn họ. Chuyện này do con rể của cụ là lão Cư Sĩ Châu Kính Trụ kể cho tôi biết. Súc sanh ngu si, thọ mạng ngắn ngủi, tâm lượng nhỏ nhoi, hạn cuộc trong phạm vi cuộc sống nhỏ nhoi của chúng, chấp trước thân của chúng là chính mình, chết đi vẫn thụ thân súc sanh y như cũ. Thời Đức Phật, khi kiến tạo Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên (tinh xá Kỳ Hoàn), trông thấy một tổ kiến trên đất, Phật mỉm cười nói: “*Tổ kiến này đã trải qua bảy Đức Phật mà vẫn chưa thoát khỏi thân kiến*”. Trong lục đạo, chỉ

có nhân đạo có thể tiếp nhận Phật Pháp. Cõi Trời sung sướng, tam ác đạo quá khổ, đều chẳng dễ học đạo. Trong Kinh, Đức Phật từng nói: “*Thân người đáng quý nhất*”. Thị hiện thành Phật độ chúng sanh nhất định phải ở trong nhân đạo. Loài người nghe pháp dễ giác ngộ, ngộ xong liền có thể vượt thoát tam giới, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. Nếu được làm thân người, mà chưa thể gặp Phật, nghe pháp, hoặc nghe mà chưa thể nghiêm túc tu học, đời người có gì đáng quý nữa? Chúng ta nghe pháp trọn chẳng phải là do Đức Phật trực tiếp truyền dạy. vì thế, nghe rồi mà chưa thể khai ngộ. Trong thuở Đức Phật giảng Kinh, giảng một bộ Kinh chưa xong mà đã có nhiều người khai ngộ, chứng quả. Hiện thời nghe nói A Di Đà Phật đang thuyết pháp tại Tây Phương, cơ hội thật khó có.

**Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Đức Thế Tôn nói thọ mạng của A Di Đà Phật là vô lượng thọ, Ngài thị hiện thành Phật mới chỉ mười kiếp ở Tây Phương. Nếu chúng ta sanh về đó, trong tương lai sẽ thuộc vào bậc nguyên lão. A Di Đà Phật là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*”. Nếu đích thân nghe A Di Đà Phật thuyết pháp, lẽ đâu chẳng khai ngộ? Cổ Nhân nói: “*Đản đắc kiến Di Đà, hà sâu bất khai ngộ?*” (Chỉ được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ). Nếu hiểu rõ ràng rồi thì nhất định phải buông xuống vạn duyên, chết lòng sát đất niệm một câu Phật hiệu, chiếu theo phương pháp dạy trong Kinh Di Đà để tu học, trong một đời này**



## **nhất định thấy Phật, thấy Phật rồi sẽ thường theo học với Phật, lẽ nào chẳng thành tựu?**

Hơn nữa, “*nhị hữu hiện tại*”, bốn chữ này nhằm khuyên nên tin tưởng. “*Thế Giới danh Cực Lạc*” nhằm khuyên nên phát nguyện. Thế gian khổ nạn quá nhiều, chuyện gì cũng chướng ngại trùng trùng, chuyện chẳng như ý trong mười phần thường có tới tám chín phần. Trong một đời này, chúng ta chiêm nghiệm, nhất là trong xã hội hiện thời, quả thật đúng như vậy. Nếu nay đã biết Tây Phương Cực Lạc Thế Giới ở đâu, nơi đó không có các nỗi khổ, chỉ hưởng những niềm vui. Hơn nữa, Đức Phật nói, chỉ cần quý vị chịu về đó, ai nấy đều có thể tới đó, trọn chẳng khó khăn gì. “*Phật hiệu A Di Đà, khuyến trì danh diệu hạnh tự đã*” (Câu “*Phật hiệu là A Di Đà*” là lời tựa nhằm khuyên hành diệu hạnh Trì Danh). A Di Đà Phật hằng ngày thuyết pháp bên đó, có thể thành tựu học nghiệp và đạo nghiệp cho chúng ta. Phương pháp chỉ là niệm một câu Phật hiệu. do vậy, Phật hiệu được xếp vào Hạnh Môn.

“*Phục thứ, A Di tự Phật, thuyết pháp tự Pháp, hiện tại hải hội tự Tăng*” (Lại nữa, A Di Đà là lời tựa giới thiệu Phật, chữ “*thuyết pháp*” là phân tựa giới thiệu Pháp, hiện tại hải hội là phân tựa giới thiệu Tăng). Trong đoạn này, lời chú giải đã phối hợp Kinh Văn với Tam Bảo Phật Pháp Tăng. Phật, Pháp, Tăng có cùng một Thật Tướng, Thật Tướng là chân tâm bốn tánh. Y báo, chánh báo trang

nghiêm trong mười pháp giới do chân tâm biến hiện ra, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Do những sự thực và lý luận trong phần trên mà sanh khởi tín tâm, nguyện tâm, chấp trì danh hiệu, cầu nguyện Vãng Sanh, đây là tông chỉ của Kinh này, mà cũng dụng ý của Phật khi nói Kinh này. Tín, Nguyện, Hạnh thành tựu, hoàn toàn không nghi hoặc sự thật này, có nguyện vọng mạnh mẽ, có thể buông bỏ thân, tâm, Thế Giới. Trong mười hai thời, Phật hiệu không gián đoạn, nhất định sẽ Vãng Sanh, thấy Phật, nghe pháp, tâm nguyện liền viên mãn. Đức Thế Tôn Giảng hết thầy Kinh Luận, nội dung sâu rộng, có Sự, Lý, Tánh, Tướng, những thứ để tâm duyên vào rất rộng. Pháp Môn này chỉ duyên nơi một vị A Di Đà Phật. Trừ Phật ra, hết thầy đều chẳng phan duyên (nắm níu), chẳng xen tạp những chuyện khác, thanh tịnh khôn sánh. Luận trên phương diện giáo học, bất cứ răn dạy nào cũng đều chẳng thể sánh bằng pháp này, lời lẽ tuy không nhiều, nhưng ý nghĩa trọn vẹn, đầy đủ. Đến đây đã nói xong Tự Phần, tiếp theo là Chánh Tông Phần.

## 4.2. Chánh Tông Phần

### 4.2.1. Giảng rộng về y báo và chánh báo để khơi gợi lòng tin

***(Giải) Tín nguyện trì danh, nhất Kinh yếu chỉ. Tín nguyện vi Huệ Hạnh, trì danh vi Hành Hạnh. Đắc sanh dữ phủ, toàn do tín nguyện chi hữu vô. Phẩm vị cao hạ, toàn do trì danh chi thâm***

*thiền. Cổ Huệ Hạnh vi tiên đạo, Hành Hạnh vi chánh tu. Như mục túc tịnh vận dã.*

*(Giải: “Tín, nguyện, trì danh” là tông chỉ trọng yếu của bộ Kinh này. Tín và nguyện là Huệ Hạnh, trì danh là Hành Hạnh. Được Vãng Sanh hay không hoàn toàn là do có tín, nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp, hoàn toàn là do trì danh sâu hay cạn. Vì thế, Huệ Hạnh để hướng dẫn, Hành Hạnh là hạnh tu chánh yếu. Giống như mắt và chân cùng vận dụng vậy).*

Mấy câu này của Ngẫu Ích Đại Sư các bậc Cổ Đức từ trước đến nay chưa hề nói tới, nhưng hoàn toàn phù hợp khít khao tông chỉ của ba Kinh Tịnh Độ. Điều hiếm có là Ngài đã vì bọn chúng sanh Mạt pháp như chúng ta mà nói rõ sự kiện sau đây: Điều kiện tối trọng yếu để Vãng Sanh Tây Phương chính là “*đắc sanh dữ phủ, toàn do tín nguyện chi hữu vô. Phẩm vị cao hạ, toàn do trì danh chi thâm thiền*” (được Vãng Sanh hay không hoàn toàn là do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp, hoàn toàn là do trì danh sâu hay cạn). Tây Phương có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, phẩm vị cao hay thấp chính là do trì danh sâu hay cạn. “*Thâm*” hay “*thiền*” là do lấy sự thanh tịnh trong tâm làm tiêu chuẩn, nghĩa là: “*Thâm*” là tin sâu, nguyện sâu, hạnh sâu, niệm Phật hiệu cũng sâu. Tín nguyện trì danh là ba món tư lương. Đại Sư giải thích Kinh này, đối với Tự Phần, Chánh Tông Phần, và Lưu Thông Phần, trong mỗi phần đều bao hàm

ý nghĩa Tín, Nguyễn, Hạnh. Đây chính là chỗ khác biệt giữa Ngài và các vị Đại Đức khác. Hãy nên biết: Tín Nguyễn là Huệ, Hạnh là Phước, người niệm Phật phước Huệ song tu. Phước Huệ do tu Niệm Phật chính là phước Huệ bậc nhất trong thế gian, mọi người đừng sợ thiếu phước. Trong hết thảy Pháp Môn, Pháp Môn này dễ dàng nhất. Ngay trong một đời này, quý vị đã hưởng thụ phước Huệ mà người khác chẳng thể hưởng thụ được!

Có người nói: Nếu tôi hằng ngày niệm Phật thì làm sao duy trì đời sống? Quý vị đừng sợ, chân chánh niệm Phật thì Phật, Bồ Tát sẽ cúng dường quý vị. Thích Ca Mâu Ni Phật thuở ấy, lẽ ra phải trụ thế một trăm năm, nhưng tám mươi tuổi đã Viên Tịch, còn có hai mươi năm phước báo để dành cho tứ chúng đệ tử học Phật trong thế gian. Có một năm kết hạ an cư, lão Hòa Thượng Linh Nguyên mời tôi giảng Kinh Lăng Nghiêm tại Chùa Đại Giác ở Cơ Long. Giảng đường nằm sát vách điện Thiên Vương. Khi ấy, tôi khuyên bốn mươi mấy người đàn ông hiện diện hãy bớt làm Phật sự để niệm Phật nhiều hơn. Nếu trong Chùa mà thiếu lương thực, đại chúng bị đói, thì Vi Đà Bồ Tát sẽ bị cất chức, điều tra! Nếu chính mình lo kiếm sống thì Vi Đà Bồ Tát được một phen vui hưởng tiêu dao. Không cần phải lo lắng về lương thực! Hãy nhất tâm tu đạo, Chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ, phước ở trong ấy. Đời Đường, Pháp Sư Đạo Tuyên là Tổ Sư của Luật Tông, hằng ngày chỉ ăn một bữa, mỗi ngày được chư

thiên đưa cơm đến là chuyện mọi người đều biết cả rồi! Phước báo lớn nhất là trong một đời vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, Vãng Sanh Tịnh Độ, viên thành Phật đạo. Đây chính là điều Chư Phật, Bồ Tát ngưỡng mộ. Tín Nguyện là động lực, là sự dẫn đường, niệm Phật là chánh hạnh.

*(Kinh) Xá Lợi Phất! Bỉ độ hà cố danh vi Cực Lạc? Kỳ quốc chúng sanh, vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc.*

*(Giải) Chúng sanh thị Năng Thụ Dụng nhân, Đẳng Giác dĩ hoàn giai khả danh. Kim thả ước nhân dân ngôn, dĩ hạ hạ lệ thượng thượng dã. Sa Bà khổ lạc tạp, kỳ thật, Khổ thị Khổ Khổ, bức thân tâm cố. Lạc thị Hoại Khổ, bất cứu trụ cố. Phi khổ phi lạc thị Hành Khổ, tánh thiên lưu cố. Bỉ độ vĩnh ly tam khổ, bất đồng thử độ đối khổ chi lạc, nãi danh Cực Lạc.*

*(Chánh Kinh: Này Xá Lợi Phất! Cõi kia vì có sao tên là Cực Lạc? Chúng sanh trong cõi ấy không có các nỗi khổ, chỉ hưởng những niềm vui, nên gọi là Cực Lạc.*

*Giải: Chúng sanh là người thụ dụng. Từ Đẳng Giác trở xuống đều có thể gọi là chúng sanh. Nay ước theo nhân dân để nói, dùng trạng huống của hạng hạ hạ để suy ra tình trạng của hạng thượng thượng. Cõi Sa Bà khổ và vui xen tạp, thật ra, Khổ là Khổ Khổ, vì các nỗi khổ bức não thân tâm. Lạc là Hoại Khổ vì nó chẳng tồn tại*

*lâu dài. Chẳng khổ chẳng vui là Hành Khổ vì tánh nó đổi dời. Cõi kia vĩnh viễn thoát khỏi ba sự khổ này, chẳng giống như cõi này, lạc là do so với khổ mà nói. Vì thế, cõi ấy tên là Cực Lạc).*

Trong Kinh, hễ nhắc đến danh tự của một người nào là nhằm làm cho người ấy chú ý. Trong phần sau có những khai thị rất quan trọng. Đức Phật gọi Ngài Xá Lợi Phất bảo: “Cõi ấy vì sao gọi là Cực Lạc?” Ngài Xá Lợi Phất trợn chẳng thể đáp được, vì đây là cảnh giới thuộc Phật quả, Ngài Xá Lợi Phất chưa thành Phật, không thể đáp được. Do vậy, Đức Phật tiếp tục nói, chúng sanh trong Thế Giới ấy không có các nỗi khổ, chỉ hưởng những niềm vui. Vì thế, gọi là Cực Lạc. Đức Phật dạy trong Thế Giới này của chúng ta, có năm thứ Thọ (cảm nhận): Khổ, Lạc, Ưu, Hỷ, Xả. Thân có hai thứ Thọ là Lạc và Khổ (sướng và khổ), tâm có hai thứ Thọ là Ưu và Hỷ (buồn và vui). Nếu không có bốn thứ Thọ trên đây thì là Xả Thọ. Xả Thọ ngắn ngủi, tạm thời, nếu giữ được một thời gian dài sẽ là Định. Tuy đạt đến Tứ Thiên, Bát Định thì vẫn là Xả Thọ, chưa phải là Tam Muội. Nếu vượt qua Bát Định, đạt đến Cửu Thứ Đệ Định thì mới vượt thoát tam giới.

“*Chúng sanh thị Năng Thụ Dụng nhân*” (chúng sanh là người thụ dụng). “*Các duyên hòa hợp mà sanh*” thì gọi là “*chúng sanh*”. Con người là do các duyên hòa hợp mà sanh. Khăn lông cũng là do các duyên hòa hợp mà sanh. Không có một pháp nào chẳng phải do

các duyên hòa hợp. Từ Đẳng Giác trở xuống đều gọi là “*chúng sanh*”. Trong chín pháp giới, trừ lục đạo ra, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều là học trò của Phật. trong năm mươi một địa vị, Đẳng Giác là cao nhất. Tại Tây Phương, hưởng thụ bình đẳng. Ngoài Tây Phương Thế Giới ra, sự hưởng thụ của chúng sanh trong chín pháp giới đều chẳng bình đẳng. Thế Giới Sa Bà khổ nhiều, vui ít. Khổ là thân lẫn tâm đều chịu áp lực. Thời gian sung sướng cũng chẳng lâu dài nên gọi là Hoại Khổ. Chẳng khổ chẳng sướng là Xả Thọ, tâm chẳng thể thường giữ được trạng thái ấy nên gọi là Hành Khổ. Trong Kinh nói tới ba khổ và tám khổ. Tám khổ là “*sanh, lão, bệnh, tử, cầu chẳng được, yêu thương phải chia lìa, chán ghét phải gặp gỡ, năm Ám lừng lẫy*”. Kinh Phật giảng Sanh Khổ hết sức thấu triệt, thần thức phải ở trong bụng mẹ mười tháng, cảm nhận như đang ở trong địa ngục. Mẹ uống một chén nước lạnh, con như đang ở trong địa ngục Hàn Băng, mẹ uống một chén nước nóng, con như ở trong địa ngục Bát Nhiệt. Ra khỏi thai, chuyện đời trước quên sạch sành sanh. Lúc sanh ra, như trong địa ngục Giáp Sơn (núi ép lại). Đẻ ra, tiếp xúc không khí như địa ngục Phong Dao. Bệnh Khổ (khổ vì bệnh tật), Lão Khổ (khổ vì già nua) bày ra trước mắt, ai nấy đều cảm nhận gián tiếp hay trực tiếp. Lúc chết, thần thức tách lìa thân thể, giống như con rùa còn sống bị bóc mai. Người học Phật có công phu thật sự thì già, bệnh, chết đều không có. Tuổi già nhưng thân thể khỏe mạnh, lâm

chung biết trước lúc mất, không bệnh tật mà qua đời. Trên đây là bốn nỗi khổ “*sanh, lão, bệnh, tử*”. Thứ năm là Cầu Bất Đắc Khổ, dục vọng quá nhiều, không cách gì đạt được. Thứ sáu là Oán Táng Hội Ngộ Khổ, oan gia đối đầu, chẳng mong chạm mặt mà cứ phải gặp hoài. Thứ bảy, là Ái Biệt Ly Khổ, phải sanh ly tử biệt với người mà ta đem lòng yêu thương. Thứ tám là Ngũ Âm Xí Thịnh Khổ. Ngũ Âm là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, tức là những tạo tác sinh lý và tâm lý. Ngũ Âm là nhân, bảy thứ khổ trước là quả.

“*Lạc thị Hoại Khổ, bất cứu trụ cố*” (Lạc là Hoại Khổ, vì chẳng tồn tại lâu dài). Giống như ma túy, khổ là thật, sướng là giả. Sướng biến thành khổ, khổ chẳng thể biến thành sướng. Chẳng hạn như khiêu vũ là sung sướng, nhưng khiêu vũ liên tiếp ba ngày ba đêm thì sướng biến thành khổ. Ba ngày không ăn cơm, khổ chẳng thể nói, đến bảy ngày thì lại càng khổ hơn, trọn chẳng thể biến thành sướng. Phi khổ phi lạc cố nhiên là tốt, nhưng nó có Hành Khổ. Tục ngữ có câu “*thanh xuân bất trụ*” (tuổi xuân chẳng còn mãi), già suy trong từng sát na. Nói thật ra, từ ngày được sanh ra, con người đã bươn bả thẳng đến mộ phần chưa hề tạm ngừng. Thế Giới Cực Lạc vĩnh viễn thoát khỏi tám khổ. Khổ và Lạc là tương đối. Tại Tây Phương, Khổ lẫn Lạc đều không có, nên gọi là Cực Lạc. Loại cảnh giới này chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta chẳng những nói không ra, mà ngay cả tưởng tượng cũng không thể tưởng tượng được. Kinh Hoa Nghiêm giảng về



cảnh giới Cực Lạc tường tận nhất. Đọc Kinh Hoa Nghiêm sẽ có thể tưởng tượng được sự thù thắng trang nghiêm ở Tây Phương. Trong quá khứ, Pháp Sư Từ Vân Quán Đảnh là người sống vào đời Càn Long nhà Thanh, trước tác hết sức phong phú, đã so sánh giữa Sa Bà và Cực Lạc. Luận về khổ và lạc thì:

- Cõi này chẳng gặp Phật là khổ. Sau khi Vãng Sanh Tây Phương, hoa nở thấy Phật là vui.

- Cõi này nghe pháp rất khó. Tây Phương sáu trần đều thuyết pháp.

- Cõi này bị bạn ác lôi kéo, buộc ràng, chẳng thể thỏa lòng tu đạo. Tây Phương có các vị thượng thiện nhân tụ hội một chỗ.

*(Giải) Nhất vãng phân biệt, Đồng Cư Ngũ Trược khinh, vô phần đoạn, bất khổ. Dẫn thọ bất bệnh, bất lão, tự tại du hành, thiên thực, thiên y, chư thiện tụ hội đặng lạc. Phương Tiện thể quán xảo, vô trầm không trệ tịch chi khổ. Dẫn thọ du hý, thần thông đặng lạc. Thật Báo tâm quán viên, vô cách biệt bất dung chi khổ, dẫn thọ vô ngại bất tư nghị lạc. Tịch Quang cứu cánh đặng, vô Pháp Thân sấm lậu, chân thường lưu chú chi khổ, dẫn thọ xứng tánh viên mãn cứu cánh lạc. Nhiên Đồng Cư chúng sanh, dĩ trì danh thiện căn, phước đức đồng Phật cố, viên tịnh tứ độ, viên thọ chư lạc dã. Phục thứ, Cực Lạc tối thắng, bất tại thượng tam độ, nhi tại Đồng Cư. Lương dĩ thượng chi, tắc thập phương Đồng*

***Cư tôn kỳ thù đặc. Hạ hựu khả dữ thứ độ giả lượng. Sở dĩ, phàm phu vu nhập nhi thung dung, hoành siêu nhi độ việt. Phật thuyết khổ lạc, ý tại ư thứ.***

*(Giải: Phân biệt đại khái thì trong cõi Đồng Cư, Ngũ Trược nhẹ, không có phần đoạn sanh tử và tám khổ, chỉ hưởng những điều vui như chẳng bệnh, chẳng già, du hành tự tại, thức ăn Trời, áo Trời, các vị thượng thiện nhân tụ hội v.v... Trong cõi Phương Tiện, khéo léo quán Thế, không có nỗi khổ vướng mắc, trầm trệ vào không tịch, chỉ hưởng những sự vui như du hý, thân thông v.v... Trong cõi Thật Báo, quán tâm viên mãn, không có sự khổ cách biệt, chẳng dung thông, chỉ hưởng sự vui không chướng ngại chẳng thể nghĩ bàn. Trong cõi Tịch Quang rốt ráo bình đẳng, không các nỗi khổ như Pháp Thân rò rỉ, chân thường tuôn chảy, chỉ hưởng sự vui viên mãn rốt ráo xưng tánh. Nhưng chúng sanh trong cõi Đồng Cư do thiện căn trì danh nên phước đức giống như Phật, thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi, hưởng trọn vẹn các điều vui. Hơn nữa, Cực Lạc tối thắng chẳng ở trong ba cõi trên mà là trong cõi Đồng Cư. Ấy là vì: Trên thì các cõi Đồng Cư trong mười phương phải nhường phần đặc biệt thù thắng. Dưới thì nếu so sánh với cõi này (tức Sa Bà), cõi Đồng Cư của Thế Giới Cực Lạc vượt trội mọi mặt. Do vậy, phàm phu hãy được dự vào đó liền thông dong, vượt khỏi tam giới theo chiều ngang để được độ thoát. Đức Phật nói đến khổ và vui là nhằm ý này).*

“*Nhất vãng*” chính là đại khái, “*nhất vãng phân biệt*” chính là nói đại khái tình trạng trong bốn cõi Tây Phương. “*Đồng Cư Ngũ Trược khinh*” là lời so sánh giữa Tây Phương Thế Giới và Sa Bà. Người đời nghiệp Vãng Sanh tuy đã khuất phục, nhưng chưa đoạn được Kiến Tư, họ thật sự có Ngũ Trược từ đời quá khứ, nhưng nhẹ hơn. Mức độ Ngũ Trược nhẹ nhàng ấy, nhân thiên thừa chẳng thể sánh bằng.

“*Vô Phân Đoạn, bát khổ*”: Phân Đoạn là giai đoạn, tức là chia thành từng phần lớn, mỗi đời là một giai đoạn, đời kế tiếp lại là một giai đoạn nữa. Chữ Phân Đoạn này chỉ sự luân hồi. Nếu chia nhỏ ra thì mỗi sát na là một giai đoạn, sanh diệt trong từng sát na, đời đời không ngừng.

Thời cổ, hoàn cảnh đơn thuần, lòng người nồng hậu, giác ngộ dễ dàng. Đối với thiện, ác, nhân quả, báo ứng, tai đã quen nghe tường tận, khởi tâm động niệm đều rất chú ý. Con người hiện thời cứ tưởng khoa học phát triển, những chuyện thiện ác, báo ứng đã nói từ trước đến giờ đều là mê tín, đến nỗi đạo đức chôn vùi, phong tục cõi đời ngày một đi xuống. Những chuyện này chẳng phải là hễ tin thì có, nếu chẳng tin bèn không còn nữa! Tục ngữ có câu: “*Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo, bất thị bất báo, thời khắc vị đáo*” (Thiện có thiện báo, ác có ác báo, chẳng phải không báo, chưa tới lúc thôi).

“*Tự tại du hành*”: Du hành trong Thế Giới này tuy không bị hạn chế bởi khu vực, nhưng phải xin giấy thông hành, mà cũng chỉ giới hạn trong địa cầu. Sau khi sanh về Tây Phương, có thể đi đến bất cứ cõi nước nào, sánh với thế gian giống như Trời với đất.

“*Thiên y, thiên thực*”: Cuộc sống vật chất nơi Tây Phương là hết thảy cơm áo, sự cung ứng đều thuận theo lòng muốn. Người trong cõi Tây Phương vốn chẳng cần ăn uống, do tập khí của chúng sanh từ vô thủy kiếp đến nay, ăn uống đã trở thành thói quen. Do tập khí nên vẫn còn có ý niệm ăn uống.

“*Chư thiện tụ hội*”: Cổ Đức nói, trong cuộc sống của người thế gian đáng sợ nhất là người đồng hành. Người đồng hành là oan gia, có quan hệ rất lợi hại, khó tránh khỏi bị đôi bên ganh ghét. Thiện nhân ở Tây Phương tụ hội, nhất tâm tu đạo, trọn không có các nỗi khổ, mà có niềm vui trong bốn cõi.

“*Phương Tiện thể quán xảo*”: Người trong cõi Phương Tiện Hữu Dư đã đoạn Kiến Tư phiền não, công phu niệm Phật sâu xa, đặc Sự nhất tâm bất loạn. “*Thể Quán*”: Trí huệ càng cao, sức lãnh ngộ mạnh mẽ, biết vạn pháp đều là Không, hết thảy pháp đều chẳng thể được. Trong Thế Giới Sa Bà, người Tiểu Thừa tu đến cảnh giới này thì được gọi là “*nhập Thiên Chân Niết Bàn*”. Chân tướng của nhân sinh và Vũ Trụ phải được quán sát từ ba phương diện là Thể, Tướng và Dụng. Thể là Không, tuyệt đối chẳng đạt được. Tướng là Có, để

có thể hưởng thụ thì phải sử dụng Trung. Cổ Thánh Tiên Hiền Trung Quốc đã biết sử dụng Trung, nhà Phật gọi đó là Trung Đạo, Nho gia gọi là Trung Dung. Đức Phật nói phàm phu sử dụng Hữu, vì thế, cảm nhận nhiều khổ não. Bậc Tiểu Thừa dùng Không, thường ở trong Định, chẳng khởi tác dụng, do vậy chìm đắm, trì trệ trong Không Tịch. Bồ Tát biết sử dụng Trung, chẳng vướng mắc vào hai bên Có và Không, hết sức sống động, chỉ hưởng những niềm vui như du hý, thần thông v.v...

“*Thật Báo tâm quán viên*”: Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm sử dụng Trung. Trong phần trước, tôi đã nói đến Thứ Đệ Tam Quán (lần lượt quán Không, Giả, Trung theo thứ tự). Ba môn Không Quán, Giả Quán, Trung Quán có thứ lớp, có sai khác, cho nên có nỗi khổ cách biệt, chẳng dung thông, Đại Thừa Bồ Tát chưa đạt đến Sơ Địa trong Viên Giác là như thế đó. Nhất Tâm Tam Quán thì không có hiện tượng ấy, lấy bất cứ một pháp nào cũng đều là Không, là Giả, là Trung, ba tầng viên dung, không có nỗi khổ cách biệt, chẳng dung thông. Đây chính là “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*” như Kinh Hoa Nghiêm đã nói. Bồ Tát cùng chúng ta hòa lẫn thành một khối, hòa quang đồng trần, nhưng thụ dụng hoàn toàn khác hẳn. Lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, có Khô, Lạc, Ưu, Hỷ, Xả, nhưng Bồ Tát chẳng có, vì đã nhập cảnh giới không chướng ngại chẳng thể nghĩ bàn.

“*Tịch Quang cứu cánh đặng, vô Pháp Thân sám lậu, chân thường lưu chú chi khổ*” (Trong cõi Tịch Quang rốt ráo bình đặng, không các nỗi khổ như Pháp Thân rò rỉ, chân thường tuôn chảy): Cõi Tịch Quang cao nhất trong bốn cõi Tịnh Độ. “*Pháp Thân sám lậu*” tức là trong Chân Như bốn tánh vẫn còn chưa sạch hết phiền não. Phật Pháp nói đến Chân và Vọng, Chân là sẵn có, Vọng thì vốn không. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc*”. Một câu này của Phật đã nói toạc căn bệnh của bọn phàm phu chúng ta. Tu học trong Phật Pháp bất quá là trừ sạch vọng tưởng, chấp trước mà thôi. Nhưng hãy cầu trừ Vọng, chớ nên tìm Chân. Chấp trước phát triển thành Ngã Chấp, phá Ngã Chấp liền chứng quả A La Hán. Nói cách khác, nếu có Ngã Chấp, sẽ chẳng thể thoát khỏi tam giới. Nếu có Pháp Chấp, sẽ chẳng thể kiến tánh. Pháp Môn Đại Tiểu Thừa trong Phật Pháp đều có thể giúp con người thoát khỏi tam giới. Ngã Chấp phát triển thành Phiền Não Chướng, Pháp Chấp phát triển thành Sở Tri Chướng. Phật Pháp từ đầu đến cuối chỉ là phá hai chấp ấy mà thôi. Từ cõi Phương Tiện trở lên, không có Ngã Chấp, cõi Đồng Cư vẫn còn Ngã Chấp. Ngã Chấp không còn, Pháp Chấp đã phá được phần lớn, nhưng vẫn còn có chút thừa sót, đó gọi là “*Pháp Thân sám lậu*” (Pháp Thân rò rỉ). Cõi Tịch Quang đoạn sạch Pháp Chấp, Chân Như bốn tánh hiển hiện viên mãn, sự thụ

dụng của người trong cảnh giới ấy là “*xưng tánh viên mãn cứu cánh lạc*” (sự vui xưng tánh viên mãn rốt ráo). Đại Thừa Bồ Tát trong cõi Thật Báo đạt Lý nhất tâm bất loạn, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác và Chư Phật đều có thể gọi là “*xưng tánh*”. tuy một đẳng đã viên mãn, một đẳng chưa viên mãn, nhưng đều là xưng tánh. Đại khái sự khổ và vui trong bốn cõi là như vậy.

“*Nhiên Đồng Cư chúng sanh, dĩ trì danh thiện căn, phước đức đồng Phật cố, viên tịnh tứ độ, viên thọ chư lạc dã*” (Nhưng chúng sanh trong cõi Đồng Cư, do thiện căn trì danh nên phước đức giống như Phật, thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi, hưởng trọn vẹn các niềm vui).  
 mấy câu chú giải này phải nhớ kỹ trong lòng, hết thảy các Kinh Luận, Pháp Môn khác không có điều này. Kinh này được xưng tụng là bậc nhất trong hết thảy Kinh Phật chính là do đạo lý này. Chúng ta là đời nghiệp Vãng Sanh, nghiệp ấy chính là Ngã Chấp và Pháp Chấp, phương pháp được sử dụng là “*tín, nguyện, trì danh*”. Tin tưởng tuyệt đối A Di Đà Phật và Tây Phương Thế Giới, đây là Tín. Nhất tâm nhất ý hướng về Tây Phương, mong thấy A Di Đà Phật, đó là Nguyện. Trọn đủ Tín và Nguyện như thế, niệm một câu Phật hiệu, đó là Trì. Thiện căn, phước đức của người trì danh niệm Phật giống như A Di Đà Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật. Mười phương ba đời

hết thấy Chư Phật tu hành cho đến cuối cùng thành Phật đều là do niệm Phật mà thành Phật.

“*Viên tịnh tứ độ*”: Viên là viên mãn, chẳng có mảy may thiếu khuyết nào! Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, chẳng thể gọi là viên mãn, nhưng chúng ta đời nghiệp Vãng Sanh liền có thể thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi, hưởng trọn các niềm vui. Ngẫu Ích Đại Sư nói những lời này có quá lỗ hay không? Xin quý vị đọc bốn mươi tám lời nguyện trong chương sáu của Kinh Vô Lượng Thọ sẽ thấy là đúng hay là sai! Đại Sư dựa theo Kinh Diễm để nói. ngày nay chúng ta gặp được bộ Kinh này đúng là cơ hội khó gặp trong ngàn năm mà ta nay may mắn gặp được.

“*Cực Lạc tối thắng, bất tại thượng tam độ, nhi tại Đồng Cư*” (Cực Lạc tối thắng không do ba cõi trên, mà là do cõi Đồng Cư). Vì sao Đức Phật nói Cực Lạc là tối thắng? “*Chán khổ, cầu vui*” là chuyện thường tình của con người. Tục ngữ có câu “*nhất ẩm, nhất trác, mạc phi tiền định*” (một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng phải đã định sẵn). Phú quý, cùng quẫn, hanh thông cho đến sanh tử đều có số mạng sẵn. Cầu là vọng tưởng, cầu thần thánh ban ơn, cầu Thượng Đế giáng phước, đều là mê tín, không giúp được gì! Đức Phật dạy chúng ta, muốn cầu quả báo tốt, chỉ có tu phước, tích đức. Tu nhân sẽ đắc quả: Tài Thí đắc của cải, Pháp Thí đắc thông minh, trí huệ, Vô Úy Thí đắc khỏe mạnh, trường thọ. Chớ nên tiếc



của, mà cũng đừng tham của. Đây là tiểu nhân tiểu quả thế gian! Niệm Phật là đại phước đức tối thượng khôn sánh, trực tiếp dùng thiện nhân, thiện quả do A Di Đà Phật đã tu hành trong vô lượng kiếp để chính mình tu nhân trong hiện tại. Quả báo của niệm Phật là có thể vượt thoát luân hồi lục đạo. Sinh về Tây Phương sẽ có thể thành Phật ngay trong thân này. Hết thầy các cõi Phật trong mười phương đều có bốn cõi Tịnh Độ, nhưng các cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong đó đều thua cõi Đồng Cư của Tây Phương một bậc. Phạm phu trong Thế Giới Sa Bà muốn vượt thoát lục đạo là chuyện hết sức khó khăn, đoạn hết phiền não thì mới có thể vượt thoát. Tứ Thiên, Bát Định mới có thể không chế phiền não chẳng cho nó khởi tác dụng. Tầng Trời cao nhất trong Tứ Không Thiên là Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên có thể không chế phiền não trong tám vạn đại kiếp, thuộc về Thiên Định thế gian. Đạt đến Cửu Thứ Độ Định, thành A La Hán mới thoát khỏi tam giới, thật chẳng dễ dàng! Như nay chỉ cần đầy đủ Tín Nguyện Hạnh, thật thà niệm Phật, liền có thể vượt thoát tam giới theo chiều ngang, chẳng cần phải trải qua Tứ Thiên Bát Định, muôn người tu, muôn người Vãng Sanh. Dầu tạo tội Ngũ Nghịch, Thập Ác mà nếu quả báo còn chưa hiện tiền thì vẫn có thể thông dong tiến nhập Tây Phương Thế Giới.

*(Kinh) Hưu Xá Lợi Phát! Cực Lạc quốc độ, thất trùng lan thuẫn, thất trùng la võng, thất trùng hàng thụ, giai thị tứ bảo, châu táp vi nhiều. Thị cố bỉ quốc, danh vi Cực Lạc.*

*(Chánh Kinh: Lại này, Xá Lợi Phát! Cõi nước Cực Lạc bảy tầng lan can, bảy tầng lưới giăng, bảy tầng hàng cây, đều bằng bảy báu vây quanh trọn khắp. Vì thế, cõi ấy tên là Cực Lạc).*

Đoạn Kinh này nói rõ sự vui thuộc về địa lợi trong Tây Phương Thế Giới, cũng chính là hoàn cảnh cư trú. Nếu các vị có thời gian rảnh rỗi, có thể sang thăm Hoàng Cung tại Bắc Kinh bên Đại Lục, kiến trúc của nó từng hàng lan can. “Lan thuẫn” chính là lan can, Lan là những thanh chắn đặt nằm theo chiều ngang, Thuẫn là những thanh chắn dựng theo chiều dọc. Tôi chưa được thấy “la võng” (lưới màn) tại Trung Quốc, nhưng ở Nhật Bản thì vẫn còn. Phật Giáo Nhật Bản cũng rất hưng thịnh, gìn giữ Chùa miếu hết sức tốt đẹp. Khi tôi sang thăm Nhật Bản, chẳng thể nào không bội phục dân tộc ấy. Họ toàn tâm toàn lực hấp thụ văn minh khoa học kỹ thuật của Tây Phương, nhưng bảo vệ, giữ gìn những kiến trúc cổ cố hữu của chính mình hết sức hoàn chỉnh. Chùa miếu của họ đều là kiến trúc từ thời Đường, thời Tống, kết cấu kiến trúc theo mô thức thời Hán, thời Đường, điện vũ rất lớn mà chẳng dính một hạt bụi nào. Những vật liệu được dùng để xây cất nếu bị tổn hoại thì khi trùng tu vẫn dùng những vật liệu giống hệt như vậy để khôi phục nguyên trạng. Điện

vũ rộng rãi, đồ sộ, ngăn nắp, sạch sẽ, chẳng thể nào không khiến cho người khác kính phục. Chúng tôi thấy rồi bèn sanh tâm hổ thẹn, nhất là vì phong tục theo cổ lễ Trung Quốc thì ngay tại Trung Quốc đã chẳng còn thấy nữa, nhưng phương thức sinh hoạt giống như sách Lễ Ký đã chép vẫn còn được bảo tồn tại Nhật Bản. Y phục của người Nhật mặc được gọi là “*Hòa phục*” (Wafuku), còn gọi là “*Ngô phục*” (Gofuku), tức là y phục theo cách thức của xứ Ngô Việt vào thời đại Xuân Thu Chiến Quốc, một mực bảo tồn đến tận bây giờ. Cách phục sức ấy tại Trung Quốc đã tuyệt tích, lòng yêu mến và bảo tồn cổ tích của họ quả thật là hạng nhất trên Thế Giới. Trong những ngôi Chùa miếu lớn ở Nhật Bản, chúng tôi trông thấy “*la võng*” bện bằng những sợi đồng để bảo vệ kèo cột. Kèo cột đều là những tác phẩm nghệ thuật cao cấp, ngoài ra, “*la võng*” lại còn có thể ngăn chim sẻ làm tổ.

“*Thất trùng hàng thụ*”, “*hàng thụ*” là cây cối. Chữ “*thất*” chỉ bốn phương, trên, dưới và chính giữa, tượng trưng cho ý nghĩa viên mãn, hoàn toàn chẳng phải là con số. Ngẫu Ích Đại Sư nói “*thất*” biểu thị “*thất khoa đạo phẩm*”. “*Tứ bảo*” biểu thị “*Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*”, đều nhằm biểu thị pháp, nhưng sự biểu thị chẳng phải chỉ có vậy. Những nghĩa trên đây đều được giảng tường tận trong Kinh Vô Lượng Thọ.

*(Giải) “Thất trùng” biểu thất khoa đạo phẩm, “tứ bảo” biểu Thường, Lạc, Ngã, Tịnh tứ đức. “Châu táp nhiều” giả, Phật, Bồ Tát đẳng vô lượng trụ xứ dã, giai tứ bảo, tắc tự công đức thâm. “Châu táp vi nhiều” tắc tha hiền thánh biến, thử Cực Lạc chân nhân duyên dã.*

*(Giải: “Thất trùng” biểu thị bảy khoa đạo phẩm, “tứ bảo” biểu thị bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. “Châu táp nhiều”: Vô lượng trụ xứ của Phật, Bồ Tát v.v... đều bằng bốn báu, ấy là công đức của chính mình sâu xa, “châu táp vi nhiều” nghĩa là những vị hiền thánh khác đều trọn khắp, đấy chính là nhân duyên thật sự của cõi Cực Lạc vậy).*

Đây là nói tổng quát về sự thù thắng của Tây Phương Thế Giới, sự thù thắng ấy do đâu mà có? Một là do công đức của chính mình sâu nặng, hai là do các vị Hiền Thánh khác hiện diện trọn khắp. Chúng ta phát nguyện Vãng Sanh Tây Phương, vì trong Thế Giới Sa Bà này đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức hết sức khó khăn, vì hoàn cảnh tu học có rất nhiều chướng ngại, đâu đâu cũng bị ngăn trở, quấy nhiễu. Người sanh về Tây Phương được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, lại được ở cùng một chỗ với các vị thượng thiện nhân cõi Tây Phương. Tây Phương Thế Giới không có ai mang ác niệm, được tôn là bậc nhất trong hết thảy cõi Phật. Trong đoạn văn này, trong bảy thứ biểu thị pháp, Đại Sư chỉ nêu đại lược một thứ,

tức là Thất Khoa Đạo Phẩm (Thất Khoa Đạo Phẩm chính là ba mươi bảy đạo phẩm, chia thành bảy khoa gồm Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo).

“*Tứ bảo*” là tánh đức, tức “*Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*”. Nói thông thường thì ba thứ Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, mỗi thứ đều có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, có thể nói là bốn đức ấy bao gồm trọn khắp hết thảy pháp, nhưng chỉ người kiến tánh mới có. Phàm phu đang mê, đối với bốn chữ này chỉ là “*hữu danh vô thực*”. Chúng ta cảm thấy Thế Giới này vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Nếu chính mình không có công đức chân thật, sẽ chẳng thể nào cảm nhận Thường, Lạc, Ngã, Tịnh! Mọi sự, mọi vật trong Thế Giới ấy đều có bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, nhưng chúng ta nhìn không ra mà nghĩ cũng không nổi! Từ Mười Phương Thế Giới, những người Vãng Sanh Tây Phương vô lượng vô biên, một mình A Di Đà Phật làm sao có thể chỉ dạy chúng sanh đông đảo như thế? Đúng là chẳng biết hóa thân của A Di Đà Phật là vô lượng vô biên, hóa thân và chân thân chẳng hai, chẳng khác! Do vậy, mỗi một người Vãng Sanh đều có thể thấy A Di Đà Phật bất cứ lúc nào. Kinh nói trong cõi Tây Phương các cây báu rất nhiều, dưới mỗi cội cây báu đều có Tây Phương Tam Thánh thuyết pháp. “*Châu táp vi nhiểu*” là vô lượng hóa Phật, Bồ Tát, Đại Sư gọi là “*tha hiện thánh biến*” (các vị hiện thánh khác trọn

khấp). Thông thường, “hiền” chỉ Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hội Hương), “thánh” chỉ bậc Bồ Tát đẳng địa (từ Sơ Địa trở lên). Ở đây, “hiền” chỉ các Bồ Tát, “thánh” chỉ A Di Đà Phật.

***(Giải) Thử đẳng trang nghiêm, Đồng Cư độ thị tăng thượng thiện nghiệp sở cảm, diệt Viên Ngũ Phẩm Quán sở cảm. Dĩ duyên sanh thắng diệu Ngũ Trần vi Thế.***

*(Giải: Có những sự trang nghiêm như thế là vì cõi Đồng Cư do thiện nghiệp tăng thượng cảm thành, mà cũng do Ngũ Phẩm Quán trong Viên Giáo cảm thành, cõi Đồng Cư lấy Ngũ Trần thù thắng nhiệm mầu do duyên sanh làm Thế).*

Đại Sư lại giải thích nhân duyên của sự trang nghiêm trong bốn cõi. Nhân duyên thứ nhất: Cõi Đồng Cư là do thiện nghiệp tăng thượng cảm thành. “Tăng thượng thiện” chính là “chỉ u chí thiện” (đạt đến chí thiện), thứ thiện nghiệp này cảm thành cõi Đồng Cư. Phạm phu chẳng thể tu “tăng thượng thiện”. Ở đây, “lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, thật thà niệm Phật” chính là “tăng thượng thiện nghiệp”. Điều thiện thế gian hay xuất thế gian nào cũng chẳng thể sánh với điều thiện này. Điều thiện này có thể làm cho con người thoát khỏi tam giới theo chiều ngang, Vãng Sanh Tịnh Độ, bất thoái thành Phật. Huông chi, trong Kinh này, Đức Phật dạy “tín nguyện trì danh, thật thà niệm Phật” chính là nhiều thiện căn, nhiều phước đức, lắm nhân duyên. Phạm phu thấy người niệm Phật chẳng có gì đáng

nê, nhưng Chư Phật, Bồ Tát thấy người niệm Phật đương nhiên sẽ kính trọng. Bởi lẽ, niệm Phật là nhân, thành Phật là quả. Người ấy có thể lập tức thành Phật, long thiên, quý thần cùng ủng hộ.

Nhân duyên thứ hai là cõi Đồng Cư Tịnh Độ do Ngũ Phẩm Quán trong Viên Giáo cảm thành. Thiên Thai Trí Giả Đại Sư nương theo Quán Vô Lượng Thọ Kinh để tu hành, tức là tu các pháp quán tưởng, quán tượng. Lúc lâm chung, đờ chúng hỏi Ngài sanh về Tây Phương sẽ đạt quả vị nào. Ngài nói địa vị của Ngài chỉ là Ngũ Phẩm trong Viên Giáo. Ngũ Phẩm trong Viên Giáo chính là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Ngài nói cả đời Ngài hoằng pháp lợi sanh, hoàn toàn chẳng chuyên tu. Ý nằm ngoài lời: Nếu Ngài chuyên tu, phẩm vị ắt cao! Tông Thiên Thai nói đến Ngũ Phẩm thì: Thứ nhất là tùy hỷ, thứ hai là đọc tụng, thứ ba là giải nói (giảng Kinh, thuyết pháp), thứ tư là kiêm tu Lục Độ, thứ năm là chánh tu Lục Độ. Đây chính là nghiệp nhân của cõi Phạm Thánh Đồng Cư, bao gồm hết thầy Pháp Môn tu học trong Đại Thừa, như Kinh Vô Lượng Thọ có nói ba bậc Vãng Sanh. “*Nhất tâm tam bối*” như Pháp Sư Từ Châu đã giảng là do Ngũ Phẩm Quán trong Viên Giáo thành tựu. Dùng sự thành tựu ấy để hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ thì cũng được Vãng Sanh.

Cõi Đồng Cư “*dùng Ngũ Trần thù thắng nhiệm mầu do duyên sanh để làm Thê*”. “*Duyên*” chính là nhân duyên sanh pháp (các pháp sanh bởi nhân duyên). Thế Giới này của chúng ta cũng là duyên

sanh, nhưng chỗ sai biệt là: Trong cõi Tây Phương, Ngũ Trần thù thắng nhiệm màu, còn Ngũ Trần của chúng ta chẳng thù thắng mà cũng chẳng nhiệm màu. Vì đâu mà có sai biệt? Hai câu trên đây đã nói rất rõ ràng. Điều kiện tối thiểu để một người sanh về Tây Phương Thế Giới là thiện nghiệp tăng thượng. Chúng ta tạo nghiệp thiện, nghiệp ác, là nhiễm nghiệp, chứ không phải là tịnh nghiệp. Do vậy, Sa Bà được gọi là uế độ, ô nhiễm nghiêm trọng. Trước hết là tâm địa ô nhiễm, nên biến hiện ra Thế Giới toàn là lục trần ô nhiễm.

***(Giải) Phương Tiện Tịnh Độ, thị tức Không Quán Trí sở cảm, diệc Tương Tự Tam Quán sở cảm. Dĩ diệu Chân Đé, vô lậu Ngũ Trần vi Thễ.***

***(Giải: Phương Tiện Tịnh Độ chính là do Không Quán Trí cảm thành, mà cũng do Tương Tự Tam Quán cảm thành. Dùng vô lậu Ngũ Trần trong Chân Đé màu nhiệm để làm Thễ).***

Người sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư đã đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng chưa đoạn Trần Sa và Vô Minh. Nghiệp nhân của cõi ấy là Không Quán Trí và Tương Tự Tam Quán. Chúng đều là giáo nghĩa trong Viên Giáo. Tam Quán là Không, Giả, Trung. Tương Tự Tam Quán chính là địa vị Tương Tự trong Viên Giáo, trên thực tế, phương pháp dụng công là Nhất Tâm Tam Quán, tức là trong một niệm viên mãn trọn đủ Không, Giả, Trung. Đây là nghiệp nhân của cõi Phương Tiện Hữu Dư. Tịnh Độ được cảm bởi cái nhân ấy là



Chân Đế màu nhiệm, mà cũng là Chân Đế chẳng thể nghĩ bàn được nói trong Viên Giáo.

“*Vô lậu Ngũ Trần vi Thế*” (Ngũ Trần vô lậu làm Thế): Thế Giới này của chúng ta là hữu lậu, còn Tịnh Độ là vô lậu. “*Lậu*” là tên gọi khác của phiền não. Có phiền não và vọng tưởng thì là Hữu Lậu, giống như chén trà có vết nứt, rót nước vào sẽ rịn ra, tỷ dụ trong Chân Như bốn tánh xuất hiện vấn đề, công đức nơi chân tánh bị rò rỉ mất. Căn bệnh là do có phiền não, nên Bát Nhã, trí huệ, vô lượng công đức bị rỉ mất, bị phiền não gây chướng ngại, chẳng thể khởi tác dụng. Dầu có khởi tác dụng thì cũng như không. Người trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư chưa đoạn phiền não, nhưng sự hưởng thụ là do công đức của A Di Đà Phật biến hiện, nên Ngũ Trần trong cõi Đồng Cư được gọi là “*thắng diệu Ngũ Trần*”. Bản thân cõi Phương Tiện Hữu Dư đã có một phần công đức, đồng thời lại được A Di Đà Phật gia bị nên Ngũ Trần trong cõi Phương Tiện Hữu Dư gọi là “*vô lậu Ngũ Trần*”.

***(Giải) Thật Báo Tịnh Độ, thị diệu Giả Quán Trí sở cảm, diệt Phần Chứng Tam Quán sở cảm. Dĩ diệu Tục Đế, vô tận Ngũ Trần vi Thế.***

***(Giải: Thật Báo Tịnh Độ do Giả Quán Trí màu nhiệm cảm thành, mà cũng do Phần Chứng Tam Quán cảm thành, lấy vô tận Ngũ Trần trong Tục Đế màu nhiệm làm Thế).***

Cõi Phương Tiện thiên trọng tu hành cho chính mình, do trí huệ, đức năng của chính mình còn chưa đủ, tuy có lợi tha, nhưng trên thực tế là tự lợi. Cõi Thật Báo không giống như vậy, năng lực của chính mình kiện toàn, trí huệ hiển lộ, nên thiên trọng lợi tha. Để lợi tha thì phải nhập Giả (nhập Tục Đế), đến Mười Phương Thế Giới giúp Phật Giáo hóa. Chúng sanh có cảm, Bồ Tát liền có ứng. Biết nguyên lý này sẽ chẳng cảm thấy lạ lùng nữa! Pháp Thân trọn khắp hết thảy chỗ. Giống như làn sóng vô tuyến điện trọn khắp hết thảy chỗ, chỉ cần bắt đúng băng tần là nghe được. Bồ Tát hóa thân cũng giống như vậy. Chúng sanh có tâm cảm, còn Phật, Bồ Tát vô tâm mà ứng. Phương thức ứng hiện là tùy loại hóa thân. Trước kia, lý này rất khó hiểu, hiện thời có thể nhờ vào khoa học, kỹ thuật để chứng minh nhiều chuyện chẳng thể nghĩ bàn trong Phật học.

Tam Quán gồm Chân, Giả, Trung: Chân là còn gọi là Không Quán, tức là quán bản thể của hết thảy các pháp. Giả là quán tướng của hết thảy các pháp. “*Diệu Giả Quán Trí*” tức là biết “*Có chính là Không, Không chính là Có*” như Tâm Kinh đã dạy: “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*”. Đó gọi là Diệu, mà cũng có thể gọi là Phần Chứng Tam Quán. Tam Quán của Viên Giáo chẳng thể nghĩ bàn. Ở đây, từ ngữ “*Diệu Giả Quán Trí*” chỉ quán trí của những vị Phần Chứng Bồ Tát trong Viên Giáo, tức bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ. Trong Tịnh Tông,

Diệu Giả Quán Trí được gọi là Lý nhất tâm bất loạn. Do Diệu Giả Quán Trí cảm được cõi Tịnh Độ là “*diệu Tục Đế*”, nó cũng là “*Tục Đế chẳng thể nghĩ bàn*” trong Viên Giáo, vừa là Chân, vừa là Giả, vừa là Trung. Quán Trí trong một niệm có thể giác quán Không, Giả, Trung. Sắc tướng bên ngoài đích thực là Không, Giả, Trung, đó là Tam Đế (Chân Đế, Tục Đế, Trung Đế) chẳng thể nghĩ bàn, không một pháp nào chẳng phải là Tam Đế màu nhiệm.

“*Vô tận Ngũ Trần vi Thế*” (vô tận Ngũ Trần làm Thế của cõi Thật Báo) giống như Kinh Hoa Nghiêm đã nói: Thế Giới vô lượng vô biên. Nơi hết thấy phàm phu sanh tử luân hồi cũng chính là nơi Chư Phật, Bồ Tát tiếp dẫn, độ thoát chúng sanh. Chúng sanh vô lượng, Thế Giới vô biên, Chư Phật, Bồ Tát cũng vô lượng vô biên. “*Vô tận Ngũ Trần làm Thế*” hiển thị Phật Pháp rộng lớn vô biên.

***(Giải) Thường Tịch Quang độ, thị tức Trung Quán Trí sở cảm, diệt Cứu Cánh Tam Quán sở cảm, dĩ diệu Trung Đế, xứng tánh Ngũ Trần vi Thế.***

***(Giải: Cõi Thường Tịch Quang do Trung Quán Trí cảm nên, mà cũng do Cứu Cánh Tam Quán cảm nên, dùng Ngũ Trần xứng tánh trong Trung Đế màu nhiệm làm Thế).***

Đến chỗ này, quả vị Phật siêu việt bốn mươi một địa vị Bồ Tát. Khi ấy, vô minh phiền não hoàn toàn đoạn sạch, công đức nơi tự

tánh viên mãn, chẳng có mảy may thiếu khuyết nào, chân tướng của nhân sinh và Vũ Trụ mới hiện tiền. Trung Quán Trí được nói ở đây chính là Cứu Cánh Tam Quán, tức là đã đạt đến cảnh giới viên mãn rốt ráo trong sự tu học của Đại Thừa. Thiên Thai Đại Sư nói Tam Chỉ, Tam Quán, nội dung của pháp ấy xuyên suốt Tông Môn, Giáo Hạ. Tuy Tịnh Tông chuyên niệm một câu Phật hiệu, công phu niệm Phật hiệu có sâu hay cạn khác nhau, nhưng xét trên cảnh giới thì cũng chẳng trái nghịch nguyên tắc Tam Quán. Chẳng hạn như Tịnh Tông thường nói tới Sự nhất tâm bất loạn và Lý nhất tâm bất loạn. Còn như công phu thành phiền cũng được gộp trong Sự nhất tâm bất loạn là vì “*thành phiền*” chính là công phu ở mức độ cạn nhất của Sự nhất tâm bất loạn. Có thể không chế Kiến Tư phiền não chẳng cho chúng nó hiện hành thì gọi là “*thành phiền*”. Nếu đoạn được Kiến Tư, thì là viên mãn chứng được “*Sự nhất tâm*”, đoạn được bốn mươi một phẩm vô minh chính là viên mãn chứng được “*Lý nhất tâm*”. Nếu một câu Phật hiệu cũng trải qua những cảnh giới này, tương ứng với nội hàm của phép Chỉ Quán như Thiên Thai Đại Sư đã giảng, cõi Tịnh Độ cảm được sẽ là Diệu Trung Đê. “*Xứng tánh Ngũ Trần làm Thể*”, đến lúc ấy, Ngũ Trần Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp hoàn toàn là tự tánh, do tánh đức hiện ra, là lý thể của cõi Thường Tịch Quang.

Đoạn văn giải thích này chứa đựng ý nghĩa rất sâu, cảnh giới rất cao, người tu hành đã lâu ít nhiều gì cũng thấu hiểu được mấy phần, đến đây mới là đạt đến rốt ráo viên mãn. Tuy Tây Phương có bốn cõi, nhưng khác với bốn cõi của Mười Phương Thế Giới. Trong mười phương, bốn cõi Tịnh Độ khác biệt, trong cõi Đồng Cư chẳng thể thấy được Bồ Tát, La Hán trong cõi Thật Báo hoặc cõi Phương Tiện. Bốn cõi Tịnh Độ của Tây Phương là Hiền Thánh ở cùng một chỗ. Hễ ai sanh về đó đều có thể thấy được. Các Kinh Điển Đại Thừa khác chưa hề nói tới chỗ thù thắng này.

***(Giải) Dục linh dị giải, tác thứ phân biệt. Thật tứ độ trang nghiêm, vô phi nhân duyên sở sanh pháp, vô bất tức Không, Giả, Trung. Sở dĩ Cực Lạc Đồng Cư tịnh cảnh, Chân, Tục viên dung, bất khả hạn lượng, hạ giai phỏng thử.***

*(Giải: Muốn cho người đọc dễ hiểu, nên phân biệt như vậy. Thật ra, sự trang nghiêm trong bốn cõi không gì chẳng phải là pháp do nhân duyên sanh, không gì chẳng chính là Không, Giả, Trung. Do vậy, tịnh cảnh trong cõi Đồng Cư của Cực Lạc là Chân và Tục viên dung chẳng thể hạn lượng. Những lời giải thích trong những phần dưới đều phỏng theo cách luận định ở đây).*

Trạng huống chân thật trong Tây Phương Thế Giới là bốn cõi viên dung, nhưng Phật hoàn toàn sử dụng những kiến thức thông thường, so đo của phàm phu để giới thiệu cõi Tây Phương cho chúng

ta. Nói “*cõi Tây Phương có các đẳng cấp Thanh Văn, Bồ Tát*” thì chính là Đức Phật đã nói một cách phương tiện cho chúng ta dễ hiểu. Chứ thật ra, trạng huống của A Di Đà Phật và Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là: Trên thực tế, tuy có bốn cõi, nhưng viên dung, không hề cách biệt. Nói “*người, Trời*” nhằm biểu thị pháp sanh bởi nhân duyên, nói “*La Hán*” nhằm biểu thị các pháp do nhân duyên sanh ấy chính là Không, nói “*Bồ Tát*” nhằm biểu chúng chính là Giả, nói “*Phật*” nhằm biểu thị chúng chính là Trung. Bốn cõi đều là Trung. Ở đây là nói phương tiện, chứ trên thực tế, tịnh cảnh trong cõi Đồng Cư của Cực Lạc là “*Chân và Tục viên dung, vừa là Không, vừa là Giả, vừa là Trung*” chẳng thể hạn lượng!

***(Giải) Vấn: Tịch Quang duy lý tánh, hà đắc hữu thứ trang nghiêm?***

***Đáp: Nhất nhất trang nghiêm, toàn thể lý tánh. Nhất nhất lý tánh, cụ túc trang nghiêm, phương thị Chư Phật cứu cánh y quả. Nhược Tịch Quang bất cụ thắng diệu ngũ trần, hà dị Thiên Chân Pháp Tánh?***

***(Giải: Hỏi: - Tịch Quang chỉ là lý tánh, sao lại có những thứ trang nghiêm ấy?***

***Đáp: - Trong mỗi một thứ trang nghiêm, toàn bộ cái Thể của nó là lý tánh. Mỗi một lý tánh có đầy đủ sự trang nghiêm thì mới là y***

*báo rớt rảo nơi quả vị của Chư Phật. Nếu cõi Tịnh Quang chẳng trọn đủ Ngũ Trần thù thắng nhiệm màu thì có khác gì Thiên Chân Pháp Tánh?)*

Hành giả do nghiên cứu Kinh Luận tràn lan quá mức liền nêu ra nghi vấn, cho rằng “*ba cõi trước trong bốn cõi Tịnh Độ là Sự, còn cõi Tịnh Quang là Lý*”. Sự thì có tướng, chứ Lý làm sao có tướng được? Sao lại nói đến sự trang nghiêm trong cõi Tịnh Quang? Người ấy thật chẳng biết Sự và Lý là một, chẳng phải hai. Xét theo Sự thì có thể nói tới sự trang nghiêm, nhưng xét theo Lý, đương nhiên cũng có thể nói tới sự trang nghiêm. Nói theo mặt Sự, cõi Phương Tiện, cõi Thật Báo, toàn thể đều do Lý thể biến hiện ra. Do vậy, nói: “*Mỗi một trang nghiêm, toàn bộ cái Thể của nó là lý tánh*”. Chẳng riêng gì A Di Đà Phật là như thế, mà y báo của hết thầy Chư Phật đều chẳng ra ngoài lệ ấy. Chỉ là do Bồ Tát và phàm phu nhìn thấy, cảm nhận khác nhau! Phật là giác chứ không mê, phàm phu là mê chứ chẳng giác, sai biệt ở chỗ này.

**Nếu luận về Lý và Sự thì phàm và thánh giống hệt như nhau. Nếu cõi Tịnh Quang chẳng trọn đủ Ngũ Trần thù thắng nhiệm màu thì có khác gì La Hán trong Tiểu Thừa? Tiểu Thừa La Hán khôi thân diệt trí, nhập Thiên Chân Niết Bàn, thứ gì cũng chẳng có, vạn pháp đều là Không, giống như Tứ Không**

Thiên, nhưng Phật thì có Ngũ Trần thù thắng màu nhiệm để lợi lạc khắp các chúng sanh.

Đoạn văn chú giải này đã khái thị cho ta mấy điều sau:

1. Pháp giới vốn là Nhất Chân, Kinh Hoa Nghiêm nói điều này rất thấu triệt, pháp giới vốn luôn là Nhất Chân. Chân thì chẳng biến đổi, Giả sẽ bị biến đổi. Đeo cặp kính màu sẽ nhìn thấy màu sắc của những thứ bên ngoài bị biến đổi hoàn toàn. Thật ra, sự vật bên ngoài hoàn toàn chẳng biến đổi. Vốn là Nhất Chân mà biến thành mười pháp giới! Mười pháp giới là do cảm nhận sai lầm, chẳng phải là sự thật. Sự thật là Nhất Chân. Nhận biết sai lầm phát sanh từ vọng tưởng, chấp trước. do vọng tưởng, chấp trước mà thấy pháp giới khác nhau. Nếu trừ sạch vọng tưởng, chấp trước, sẽ thấy được Nhất Chân pháp giới, vì nó vốn ở ngay trước mắt. Đức Phật nói mười pháp giới chỉ do Thức biến, chúng là giả. Nhất Chân pháp giới chỉ do tâm hiện, nó là thật. Có thể thấy rằng: Chân và Giả giống hệt như nhau, Lý và Sự chẳng hai, hễ gỡ cặp kính xuống thì sẽ giống hệt.

2. Kinh còn dạy: *“Hết thấy pháp sanh từ tâm tưởng”*. Đây chính là *“duy thức sở biến”*. Chủ thể của sự biến hiện (năng biến) là tâm tưởng, cái được biến hiện (sở biến) chính là vạn vật và cảnh giới. Lý tuy sâu, nhưng là sự thật. Phạm phu chỉ có thể thấy được cõi Đồng Cư. Thanh Văn sống trong cõi Phương Tiện, có



thể thấy cõi Đông Cự. Bồ Tát có thể thấy cõi Phương Tiện lẫn cõi Đông Cự. Chỉ có Phật là có thể thấy các cõi. Đây chính là cách nói thông thường. Nếu sanh về Tây Phương thì do bốn cõi viên dung, cho nên chúng sanh trong cõi Cực Lạc đều có thể thấy trọn hết bốn cõi Tịnh Độ. Đức Phật khuyên con người niệm Phật là do đạo lý này. Trong những Thế Giới Phật phương khác, bốn cõi tách rời, nhưng người trong cõi Tây Phương cũng có thể thấy khắp bốn cõi Tịnh Độ của hết thảy Thế Giới Chư Phật trong Mười Phương, thật chẳng thể nghĩ bàn!

*(Kinh) Hựu Xá Lợi Phát! Cực Lạc quốc độ, hữu thất bảo trì, bát công đức thủy, sung mãn kỳ trung. Trì để thuận dĩ kim sa bố địa, tứ biên giai đạo, kim, ngân, lưu ly, pha lê hợp thành. Thượng hữu lâu các, diệp dĩ kim, ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não, nhi nghiêm sức chi. Trì trung liên hoa, đại như xa luân, thanh sắc thanh quang, hoàng sắc hoàng quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang, vi diệu hương khiết.*

*(Giải) Thượng minh trụ xứ, kim minh sanh xứ. Bảo trì kim, ngân đẳng sở thành, bát đồng thứ phương thổ, thạch dã. Bát công đức thủy giả: Nhất trừng thanh, dị thứ phương hôn trước. Nhị thanh lãnh, dị hàn nhiệt. Tam cam mỹ, dị hàm đạm liệt vị. Tứ khinh nhuyễn, dị trầm trọng. Ngũ nhuần trạch, dị súc hủ thốn sắc. Lục an hòa, dị cấp bạo. Thất trừ cơ khát, dị sanh lãnh. Bát trường*

*đưỡng chư căn, dị tôn hoại chư căn, cập lệ lệ tăng bệnh một nịch đẵng dã. Sung mãn kỳ trung, dị khô kiệt, phiếm lạm. Để thuận kim sa, dị ô nê.*

*(Chánh Kinh: Lại này Xá Lợi Phát! Cõi nước Cực Lạc có ao bằng bảy báu, nước tám công đức chứa đầy trong ấy. Đáy ao thuận dùng cát vàng trải đất, bạc lên, lối đi ở bốn phía đều do vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành. Phía trên có lầu, gác, cũng dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não để trang hoàng. Hoa sen trong ao to như bánh xe, hoa màu xanh tỏa ánh sáng xanh, hoa màu vàng tỏa ánh sáng vàng, hoa màu đỏ tỏa ánh sáng đỏ, hoa màu trắng tỏa ánh sáng trắng, vi diệu, thơm, sạch.*

*Giải: Đoạn trên nói về chỗ ở, đoạn này nói về chỗ hành nhân Vãng Sanh Tịnh Độ sẽ sanh ra. Ao báu bằng vàng, bạc v.v... hợp thành, chẳng giống như phương này ao bằng đất, đá. Nước tám công đức là:*

- 1. Trong lắng, khác với nước phương này vẫn đục, dơ bẩn.*
- 2. Trong mát, khác với nước phương này nóng, lạnh.*
- 3. Ngọt ngào, khác với nước phương này mặn, nhạt, hoặc có vị hèn tệ.*
- 4. Mềm nhẹ, khác với nước phương này thô nặng.*
- 5. Tươi nhuận, khác với nước phương này thối rữa, màu sắc bệch bạc.*

6. An hòa, khác với nước phương này chảy xiết dữ dội.

7. Trừ đói khát, khác với nước phương này khiến người uống vào hay đụng đến phát rét.

8. Tăng trưởng các căn, khác với nước phương này tổn hoại các căn và tăng thêm những bệnh dịch dữ dội, chết chìm v.v...

“Đầy ắp trong ấy”: Khác với nước phương này hoặc khô cạn, hoặc tràn ngập. “Đáy ao thuần là cát bằng vàng” khác với phương này đáy ao là bùn lầy).

Đoạn Kinh này chỉ rõ sanh về Tây Phương là “liên hoa hóa sanh”, không có thai sanh (sanh trong bào thai) và các thứ khổ khác. Hoàn cảnh của chỗ sanh là ao báu do bảy chất báu hợp thành. A Di Đà Phật phước cực lớn, vô lượng kiếp tu trì, mỗi một kẻ Vãng Sanh tối thiểu đều tu thiện nhân tăng thượng, phước báo của chúng sanh quá lớn. Do vậy, hoàn cảnh y báo đều bằng các thứ báu hợp thành, hoàn toàn khác Sa Bà. Nước cũng như vậy, có rất nhiều ưu điểm, rõ ràng nhất là tám điều:

(1) Trong lắng: Chẳng có mảy may tạp chất nào.

(2) Trong mát: Vĩnh viễn giữ cùng một nhiệt độ.

(3) Ngon ngọt: Hết sức ngon miệng.

(4) Mềm nhẹ: Có thể chảy ngược lên trên.

(5) Tươi nhuận: Chẳng bị hư rữa.

(6) An hòa: Không có sóng to, sóng dữ.

(7) Trừ đói khát: Chẳng những hết khát mà còn khỏi đói.

(8) Trưởng dưỡng các căn: Khiến cho con người khỏe mạnh, sống lâu.

Quán Kinh nói nước trong cõi Cực Lạc có thể chảy quanh thân cây lên tận ngọn cây, cực kỳ mềm mại, nhẹ nhàng, đẹp mắt. Không chỉ có rất nhiều ưu điểm như thế mà còn có thể thuyết pháp. Nước chảy vang ra tiếng diễn nói Khô, Không, Vô Thường, Vô Ngã, các Ba La Mật và các pháp Đại, Tiểu Thừa. Nước vốn là vật vô tình, A Di Đà Phật dùng trí huệ đức năng của chính mình biến nó trở thành công cụ để thuyết pháp, nhằm thỏa mãn nhu cầu nghe pháp của chúng sanh, thật chẳng thể nghĩ bàn!

*(Giải) Giai đạo tứ bảo, dị chuyên thạch. Bệ cấp danh Giai, thân đồ viết Đạo. Trùng ốc vi lâu, sầm lâu danh các. Thất bảo lâu các, dị thử phương thổ, mộc, đan thanh dã. Lâu các thị trụ xứ cấp pháp hội xứ. Đản đắc bảo trì, liên bào khai phu, tiện khả đặng tứ ngạn, nhập pháp hội, kiến Phật, văn pháp dã. Hoa luân giả, Luân Vương kim luân, đại tứ thập lý, thả cử tối tiểu giả ngôn. Nhược cứ Quán Kinh, cấp Vô Lượng Thọ hội, đại tiểu thật bất khả lượng. Do Đồng Cư Tịnh Độ, thân tướng bất đẳng cố dã. Thanh sắc danh Ưu Bát La, hoàng sắc danh Câu Vật Đầu, xích sắc danh Bát Đầu Ma, bạch sắc danh Phân Đà Lợi. Do sanh thân hữu quang, cố liên bào diệc hữu quang. Nhiên Cực Lạc liên hoa, quang sắc vô lượng, thử*

***diệc lược ngôn nhĩ. “Vi diệp hương khiết”: Lược thán liên hoa tứ đức. Chất nhi phi hình viết Vi. Vô ngại viết Diệp. Phi hình tắc phi trần, cố Khiết dã. Liên bào như thử, sanh thân khả tri.***

*(Giải: Bạc lên, lối đi bằng bốn báu nhằm phân biệt khác với cõi này, bạc lên, lối đi bằng gạch, đá. Có tầng bạc gọi là Giai, đường bằng phẳng gọi là Đạo. Nhà nhiều tầng là Lôu, lầu cao là Các. Lôu gác bằng bảy báu, khác với phương này, lầu các được dựng bằng đất, gỗ, sơn màu xanh đỏ. Lôu gác là chỗ ở và nơi cử hành pháp hội. Nhưng hễ được sanh vào ao báu, thì khi búp sen nở, liền có thể lên bốn bờ, vào pháp hội, thấy Phật, nghe pháp. Hoa sen to như bánh xe: Kim luân của Chuyển Luân thánh vương to bốn mươi dặm. Hơn nữa, ở đây chỉ nêu ra hoa nhỏ nhất. Nếu căn cứ theo Quán Kinh và pháp hội Vô Lượng Thọ trong Kinh Đại Bảo Tích thì hoa sen lớn hay nhỏ thật sự chẳng thể lường được, vì thân tướng của những người trong cõi Đồng Cư khác nhau. Hoa sen màu xanh gọi là Ưu Bát La (Utpala), hoa màu vàng gọi là Câu Vật Đầu (Kumuda), hoa đỏ gọi là Bát Đầu Ma (Padma), hoa trắng gọi là Phân Đà Lợi (Pundarīka). Do thân của người sanh về đó có quang minh nên búp sen cũng có quang minh. Nhưng hoa sen trong Cực Lạc màu sắc và quang minh vô lượng, ở đây cũng chỉ là nói đại lược mà thôi. “Vi diệp hương khiết” là từ ngữ khen ngợi đại lược bốn đức của hoa sen. Có chất mà không có hình thì gọi là Vi. Vô ngại là Diệp. Không có hình thì*

*không có trần, nên là Khiết. Búp sen như thế thì thân của người được Vãng Sanh cứ suy theo đó sẽ có thể biết được).*

Chung quanh ao bảy báu là đường đi, đều bằng bảy báu tạo thành. Lâu có hai tầng, còn Các có hai, ba tầng như hình bảo tháp, trên đỉnh nhỏ dần. Những vật liệu xây dựng đều bằng bảy báu. Lâu các là nơi ở, mà cũng là chỗ để giảng Kinh, thuyết pháp. Chúng sanh từ Mười Phương Thế Giới sanh về Tây Phương đều là liên hoa hóa sanh. Hoa sen ở trong ao bảy báu. Hoa nở, thấy Phật, ngộ Vô Sanh, cảnh giới ấy là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đều thuộc về cảnh giới của Pháp Thân Đại Sĩ, thấy được Báo Thân của Phật. Khi hoa chưa nở cũng được thấy Phật, nhưng thấy Ứng Hóa Thân của Phật. Chính mình chưa tu đến cảnh giới ấy, nhưng nhờ bản nguyện, oai thần của A Di Đà Phật gia trì, cũng có hưởng thụ cõi Thật Báo. Nếu có thể “*hoa nở, thấy Phật*” thì chính mình thật sự đạt đến cảnh giới ấy.

Kinh nói hoa sen to như bánh xe. Trong lời chú giải có nói bánh xe ở đây là kim luân (bánh xe vàng) của Luân Vương (Cakra varti rāja: Chuyển Luân Thánh Vương) to bốn mươi dặm. Ở đây, lời chú giải cho biết trên Thế Giới có người thống trị, được gọi là Luân Vương, ông ta là người thống trị toàn Thế Giới. Trong lịch sử, chưa có Luân Vương xuất hiện. Đức Phật nói Luân Vương thống trị một đơn vị Thế Giới được mặt Trời, mặt trăng chiếu sáng, gồm bốn đại bộ châu, lấy núi Tu Di làm trung tâm, mặt Trời, mặt trăng xoay

quanh núi Tu Di. Trước kia, người ta thường nghĩ một Thế Giới là một hệ Thái Dương, lấy mặt Trời làm trung tâm. Trên thực tế, Kinh nói lấy núi Tu Di làm trung tâm. Lão Cư Sĩ Hoàng Niệm Tổ cho rằng mặt Trời xoay quanh hệ Ngân Hà, trung tâm của hệ Ngân Hà được các nhà Thiên Văn Học gọi là lỗ đen (black hole). Cái lỗ đen ấy có thể là núi Tu Di. Nếu thuyết ấy là sự thật thì một đơn vị Thế Giới chính là một hệ Ngân Hà. Người thống trị cả một hệ Ngân Hà gọi là Kim Luân Vương. Người cai quản ba phần tư hệ Ngân Hà là Ngân Luân Vương. Cai quản một nửa hệ Ngân Hà là Đồng Luân Vương. Người cai quản một phần tư hệ Ngân Hà là Thiết Luân Vương. Tuy các vị vua này tồn tại, chúng ta cũng không thấy họ được. Luân vương có một vật báu, Ngài thường dùng nó làm phương tiện giao thông, trong một ngày đêm có thể tuần tra giáp vòng hệ Ngân Hà.

Kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh đều nói phàm ai sanh về Tây Phương Thế Giới thì thân thể, dung mạo, sự thụ dụng của người đó sẽ được A Di Đà Phật gia trì, đều cùng giống hệt, chỉ riêng hoa sen là lớn hay nhỏ khác nhau. Bởi lẽ, hoa sen lớn hay nhỏ là do công phu niệm Phật của chính mình sai khác. Do vậy, Ngẫu Ích Đại Sư nói: *“Được Vãng Sanh hay không, hoàn toàn do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp, hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn”*. Hoa sen và phẩm vị có quan hệ mật thiết.

Người ở Tây Phương Thế Giới thân có quang minh, hoa sen cũng có quang minh. Quang minh có vô lượng màu, ở đây chỉ nói có bốn màu là nói đại lược. Hoa sen vi diệu thơm sạch, cũng bằng các chất báu hợp thành, hình dạng tùy theo niệm lực mà lớn hay nhỏ khác nhau. Hết thảy thụ dụng trong Tây Phương không gì chẳng thuận theo lòng muốn, tự tại vô ngại chẳng thể nghĩ bàn, dầu có hình sắc cũng thông suốt vô ngại, tức là “*Sự Sự vô ngại*” như Kinh Hoa Nghiêm đã nói. Cảnh giới từ chư thiên trở lên đã là Sự Sự vô ngại, huống hồ sự trang nghiêm nơi quả địa Như Lai này! Chúng sanh trong Mười Phương Thế Giới nghe nói danh hiệu A Di Đà Phật, biết ở phương Tây có một Thế Giới tên Cực Lạc. Nếu có thể tin tưởng, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh thì trong ao bảy báu ở Tây Phương sẽ trở một búp sen, trên hoa có ghi tên họ của chính mình. Chúng ta niệm Phật trong nhân gian, hoa sen trong ao bảy báu sẽ càng niệm càng lớn dần. Nếu đổi sang tin tưởng Pháp Môn khác hoặc tham Thiền, hoặc học Mật, hoa ấy liền khô héo. Hết thảy cảnh sắc trong Tây Phương Thế Giới đều là bất sanh bất diệt, chỉ riêng hoa sen là biến hóa vô thường. Trong Đại Kinh (Kinh Vô Lượng Thọ) có nói các thứ báu trong Tây Phương Thế Giới không chỉ quang minh, màu sắc vi diệu mà còn có mùi thơm. Vì thế, Tây Phương còn được gọi là Hương Quang Trang Nghiêm (cõi được trang nghiêm bằng hương thơm và quang minh), quả thật là cảnh tượng tột bậc màu nhiệm.



Hoa sen không có hình dạng nhất định, tuy biến hóa, hiện hữu, nhưng trọn chẳng phải là Sắc Trần. Vì thế, không bị ô nhiễm, thuần là khiết tịnh, chỉ do tâm hiện ra. Hoa sen thù thắng viên mãn như thế chính là chỗ để người Vãng Sanh sanh vào. Vì thế, thân thể, sắc tướng của người ấy so với hoa sen càng thù thắng hơn nữa!

*(Kinh) Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.*

*(Giải) Minh thượng trụ xứ, sanh xứ, chủng chủng trang nghiêm, giai thị A Di Đà Phật đại nguyện, đại hạnh, xướng tánh công đức chi sở thành tựu. Cố năng biến nghiêm tứ chủng Tịnh Độ, phổ nhiếp thập phương tam thế nhất thiết phàm thánh, linh Vãng Sanh dã. Phục thứ, Phật dĩ đại nguyện, tác chúng sanh đa thiện căn chi nhân, dĩ đại hạnh, tác chúng sanh đa phước đức chi duyên, linh tín nguyện trì danh giả niệm niệm thành tựu như thị công đức, nhi giai thị dĩ thành, phi kim, phi dương*

*(Chánh Kinh: Này Xá Lợi Phất, cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế đấy.*

*Giải: Câu này nói rõ các thứ trang nghiêm nơi chỗ ở và chỗ sanh về đều được thành tựu bởi đại nguyện, đại hạnh và công đức xướng tánh của A Di Đà Phật. Vì thế, có thể trang nghiêm trọn khắp bốn thứ Tịnh Độ, có thể nhiếp khắp hết thấy phàm thánh trong Mười*

*Phương Thế Giới Vãng Sanh. Lại nữa, Phật dùng đại nguyện để làm cái nhân nhiều thiện căn cho chúng sanh, dùng đại hạnh để làm cái nhân lắm phước đức cho chúng sanh, khiến những kẻ tín nguyện trì danh trong mỗi niệm thành tựu công đức như thế, những công đức như thế đều là đã thành, chứ không phải là trong hiện tại hay tương lai mới thành).*

Chỗ ở trong Tây Phương Thế Giới là đại hoàn cảnh, còn chỗ đê thọ sanh là tiêu hoàn cảnh, đều được thành tựu bởi đại nguyện đại hạnh và công đức xứng tánh của A Di Đà Phật. Nói theo mặt Lý, trí huệ, đức năng, tài nghệ của Mười Phương Chư Phật đều là bình đẳng, bốn nguyện độ sanh cũng giống nhau, nhưng phương pháp tiếp dẫn chúng sanh hoàn toàn khác biệt. Do duyên bất đồng nên A Di Đà Phật đặc biệt hữu duyên với mười phương chúng sanh. Duyên liên quan đến nguyện. Tuy hằng ngày niệm câu “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*” trong Tứ Hoàng Thệ Nguyện, nhưng trên thực tế, chúng ta hoàn toàn không có tâm lượng ấy. Chỉ nghĩ độ chúng sanh trong thành của mình hay trong nước của mình là đã khá lắm rồi, nhưng vẫn còn hữu hạn. Mỗi một vị Phật lấy một Đại Thiên Thế Giới làm khu vực giáo hóa, chỉ riêng A Di Đà Phật nguyện lực vô lượng vô biên, không có giới hạn. Lúc Ngài còn tu nhân, đã phát nguyện không giống những vị Phật khác. Hết thầy Chư Phật có duyên với một Thế Giới nào đó, liền đến Thế Giới ấy để hóa độ chúng sanh.

Nhưng Thế Giới được Phật Giáo hóa ấy vốn đã có sẵn, ắt Chư Phật phải dời sang Thế Giới ấy để biến lời phát nguyện thành sự thật. Tây Phương Thế Giới là do A Di Đà Phật sáng tạo, phàm những ai muốn sanh sang đây phải hội đủ điều kiện là “*tín, nguyện, trì danh, trong tâm thanh tịnh*”. Nếu không, sẽ chẳng có hy vọng Vãng Sanh.

A Di Đà Phật nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn, rộng lớn, bao la, sâu thẳm, tích lũy công đức, do công đức xứng tánh lưu lộ từ Chân Như bản tánh mà thành tựu. Nói theo Lý, Thế Giới này của chúng ta là xứng tánh, nhưng nói theo Sự thì chẳng xứng tánh. Bởi lẽ, bản tánh của chúng ta có chướng ngại, có Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh. Mọi sự, mọi vật quả thật xứng tánh, nhưng rọi qua ba thứ phiền não ấy, đều bị biến chất, khác hẳn Chân Tánh. Công đức xứng tánh ở Tây Phương được bốn nguyện, oai thần của A Di Đà Phật gìn giữ. Người từ mười phương sanh về Cực Lạc, ai nấy đều được tự tại, đều có thể tự độ. Do vậy, ở Tây Phương, ba thứ phiền não chẳng sanh, hết thấy những thứ xứng tánh chẳng bị biến chất. Đồng thời, cõi Cực Lạc thành tựu trang nghiêm cũng là do oai thần của mười phương hết thấy Chư Phật Như Lai gia trì A Di Đà Phật và Thế Giới Cực Lạc, cũng như gia trì mỗi một người niệm Phật Vãng Sanh. Trong hết thấy các cõi Phật, chỉ có Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là vĩnh viễn giữ được công đức xứng tánh, không bị biến chất mảy may, đúng là chẳng thể nghĩ bàn. Thế Giới này của chúng ta là uế độ, xã hội rất

loạn, phong khí bại hoại, tham ăn của hối lộ, làm việc trái pháp, chỗ nào cũng đều như thế. Do vậy, người thông minh thật sự giác ngộ liền buông xuống hết thảy, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Phật Di Đà do đại nguyện, đại hạnh, sáng lập một trường sở tu học tốt đẹp, có bốn thứ Tịnh Độ trang nghiêm trọn khắp, viên dung vô ngại, nhiếp trọn khắp hết thảy phàm thánh trong mười phương ba đời sanh về đây. Ngay cả Phật cũng muốn Vãng Sanh Cực Lạc. Tông Thiên Thai nói những quả vị Phật trong Tạng Giáo, Thông Giáo, Biệt Giáo, trừ quả vị Phật trong Viên Giáo ra, những quả vị trong ba giáo Tạng, Thông, Biệt đều đã chứng quả nhưng chưa viên mãn, cũng muốn Vãng Sanh.

Có nguyện thì ắt phải có hạnh, bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật đều đã viên mãn. Ngài đã thành Phật mười kiếp, chứng tỏ mỗi một nguyện đều được thực hiện viên mãn. Cùng một đạo lý, chúng ta hiện thời đang tu nhân, nguyện đã phát cũng phải được thực hiện, tận tâm tận lực làm, tuyệt đối chớ nên nói xuông, mà phải thật sự có trí huệ, phương tiện thiện xảo thì mới có thể tương ứng với Phật đôi chút. Kinh dạy: *“Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy”*. Người học Pháp Môn này rất nhiều, người Vãng Sanh ít ỏi. Lắng lòng quán sát sẽ thấy là do thiện căn, phước đức chẳng đủ. Niệm Phật là phải biến thiện căn, phước đức của A Di Đà Phật thành thiện căn, phước đức của chính

mình, biến như thế nào, đó là vấn đề. Kinh Vô Lượng Thọ dạy “*người thiện căn, phước đức chín muồi sẽ chịu tiếp nhận, còn kẻ chưa chín muồi, có đưa cho họ, họ cũng chẳng muốn*”. Thiện căn, phước đức chín muồi tuyệt đối chẳng phải là ngẫu nhiên. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Vương Tử A Xà Thế và năm trăm vị trưởng giả trong đời quá khứ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật, nghe Phật Thích Ca giảng Kinh Vô Lượng Thọ bèn mong mỗi trong tương lai chính mình sẽ thành Phật giống hệt A Di Đà Phật, nhưng hoàn toàn chẳng phát nguyện Vãng Sanh. Thiện căn cúng dường bốn trăm ức Phật vẫn chưa đủ, chưa thể khơi gợi bọn họ phát ra lòng tin chân thật, nguyện thiết ra, thật là khó nói! Có những người vừa nghe nói Pháp Môn Niệm Phật liền lập tức tiếp nhận, sốt sắng phụng hành, tin giữ không sai chạy, phần nhiều là hạng ông già bà cả ăn chay trong làng quê! Những người ấy từ vô thủy kiếp đến nay đã cúng dường vô lượng Chư Phật Như Lai, thiện căn, phước đức đã chín muồi, đã đem thân, tâm, Thế Giới, buông xuống hết thảy. Một niệm tương ứng với đại nguyện, đại hạnh của A Di Đà Phật, thiện căn, phước đức của chính mình đã chín muồi, đồng thời lại tiếp nhận thiện căn, phước đức của A Di Đà Phật để tăng thêm cho bản thân, lẽ đâu họ chẳng Vãng Sanh? Biểu hiện của sự chín muồi thật sự thì thứ nhất là hoan hỷ, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra, không có chuyện gì khiến họ hoan hỷ. Niệm Phật như thế sẽ có thể biến bản

nguyện của A Di Đà Phật thành thiện căn tăng thượng của chính mình, biến đại hạnh của A Di Đà Phật thành phước đức tăng thượng của chính mình.

“*Phi kim, phi đương*” có nghĩa là công đức của A Di Đà Phật đã thành tựu viên mãn, chẳng phải là hiện thời mới tu, cũng chẳng phải là sẽ tu trong tương lai, công đức của Phật khiến cho người tín nguyện trì danh, niệm niệm thành tựu công đức giống hệt như thế. Trong lúc này, người niệm Phật còn chưa Vãng Sanh, còn đang trong thời gian tu hành, “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Nếu tương ứng thì tâm của hành nhân sẽ giống như tâm Phật.

***(Giải) Thứ tác dĩ A Di chủng chủng trang nghiêm, tác tăng thượng bản chất, đời khởi chúng sanh tự tâm chủng chủng trang nghiêm, toàn Phật tức sanh, toàn tha tức tự, cổ viết: “Thành tựu như thị công đức trang nghiêm”.***

***(Giải: Đây chính là dùng các thứ trang nghiêm của A Di Đà Phật để làm bản chất tăng thượng nhằm dẫn khởi những thứ trang nghiêm trong tự tâm của chúng sanh. Toàn thể Phật chính là chúng sanh, toàn thể Tha chính là Tự. Vì thế, nói: “Thành tựu công đức trang nghiêm như thế đây”).***

Trong Phật Pháp, Kinh Luận, tông phái tuy nhiều, nhưng quy nạp lại thì chẳng ngoài hai tông là Tánh và Tướng, cũng tức là hai tông Không và Hữu. Ở đây, Đại Sư nói các thứ trang nghiêm của A Di Đà Phật đều được thành tựu bởi công đức xứng tánh của A Di Đà Phật. Điều này thuộc về Tánh Tông. Nói “*làm bản chất tăng thượng nhằm dẫn khởi những thứ trang nghiêm trong tự tâm của chúng sanh*” thì thuộc về Tướng Tông. Nói tới bản chất và dẫn khởi thì tôi nêu lên một tỷ dụ. Giống như cuộn phim trong máy chụp hình, đó là bản chất, là rỗng rang. Ánh sáng chiếu qua một tấm phim thì hình ảnh trong tấm phim ấy bèn được in ra, trở thành một tấm hình. Đây chính là sự trang nghiêm trong tự tâm của chúng sanh được dẫn khởi. Chúng ta đọc ba Kinh một luận Tịnh Độ, trong tâm ta vốn chẳng có Thế Giới Cực Lạc, nghe Kinh xong, trong tâm liền nảy sanh ấn tượng về Thế Giới Cực Lạc. Duyên có bốn thứ, tức là Thân Nhân Duyên, Vô Gián Duyên, Sở Duyên Duyên và Tăng Thượng Duyên:

1) Thân Nhân Duyên chính là chân tâm bản tánh của chính mình chẳng hai, chẳng khác với hết thầy Chư Phật. Tự tánh đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm. Trong bản tánh chứa đựng những chủng tử, không gì chẳng bao gồm. Ý báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, hết thầy vạn pháp đều do tánh của chính mình biến hiện ra. Đây chính là những thứ sẵn có trong Chân Như bản tánh. Nếu chỉ có mình Thân Nhân Duyên mà không có ba thứ duyên

sau đó thì cũng chẳng có cách nào kết quả. Nhà Phật nói nhân quả, nhưng thật ra là “*nhân duyên quả*”. Hết thấy pháp đều thuộc về duyên sanh, nhưng chẳng nói là “nhân sanh” vì nếu có nhân mà chẳng có duyên thì cũng chẳng thể sanh được.

2) Loại thứ hai là Thứ Đệ Duyên, còn gọi là Vô Giáns Duyên. Chúng sanh và Phật khác nhau, Phật không có vọng niệm, chánh niệm vĩnh viễn chẳng đoạn. Chúng ta có vọng niệm, biến đổi trong từng sát na.

3) Loại thứ ba là Sở Duyên Duyên, lại càng khác biệt. Đức Phật duyên vào Thường Tịch Quang, chúng ta duyên theo thiên biến vạn hóa.

4) Loại thứ tư là Tăng Thượng Duyên. Chúng ta nghĩ đến tham, sân, si, mạn, yêu ma, quỷ quái liền làm Tăng Thượng Duyên cho chúng ta. Nghĩ đến Phật, Phật liền làm Tăng Thượng Duyên cho chúng ta. Vật tụ họp theo từng loài, người họp theo bầy. Các thứ trang nghiêm trong Tịnh Độ do A Di Đà Phật biến hiện tạo thành Tăng Thượng Duyên hết sức thù thắng, dẫn khởi ba thứ duyên kia (tức Thân Nhân Duyên, Vô Giáns Duyên và Sở Duyên Duyên) của chúng ta, khiến cho tánh đức của chúng ta chẳng hai, chẳng khác với tánh đức của A Di Đà Phật, tánh đức hoàn toàn lưu lộ. A Di Đà Phật nêu gương, đó là “*bản chất*”. Như bốn mươi tám nguyện trong Kinh Vô Lượng là bản chất của A Di Đà Phật. Chúng ta đọc thuộc bốn



mười tám nguyện, hiểu rõ bốn mươi tám nguyện, sau đó chúng ta học theo A Di Đà Phật, cũng phát đại nguyện như thế, dẫn khởi những nguyện nơi tâm tánh của chúng ta biến hiện thành các sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo.

“*Toàn Phật tức sanh, toàn Tự tức Tha*”: Ý nghĩa này rộng lớn vô biên, không có cùng tận. Ví dụ như nói: “*Toàn Sự tức Lý, toàn Tánh tức Tướng*” thì cũng là đồng nghĩa. Nếu khế nhập cảnh giới ấy thì chẳng những không có phiền não, mà sanh tử cũng không. Ngộ đạo lý này thì chính là Phật, Bồ Tát, mê đạo lý này thì chính là phàm phu. Hễ ngộ thì là Nhất Chân pháp giới, hễ mê thì là mười pháp giới. Mê càng sâu, càng sẽ đọa xuống. Chữ “*toàn Phật*” chỉ bản chất của Phật và các thứ trang nghiêm nơi y báo và chánh báo trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Tánh đức của mỗi một người Vãng Sanh hoàn toàn chưa hiển lộ, trông thấy cảnh giới của A Di Đà Phật thì tánh đức của họ sẽ tự nhiên dậy động. Tây Phương Thế Giới là như vậy, mà Thế Giới hiện tại của chúng ta (tức Thế Giới Sa Bà) cũng chưa bao giờ chẳng giống như vậy. Hiện thời, chúng ta dùng nghiệp lực của mọi người làm “*bản chất tăng thượng*”. Cách nghĩ, cách nhìn, cách làm của mọi người trong hiện tại đều chẳng phải là thiện nghiệp. Bản thân chúng ta vốn sẵn tốt lành, nhưng ở trong Sa Bà đã lâu, tự nhiên bị nhiễm rất nhiều tập khí ác, đây là vì hoàn cảnh xui khiến như vậy. Tây Phương Thế Giới A Di Đà Phật tự tánh viên

mãn, lấy tánh đức ấy làm bản chất cho chúng ta. Do vậy, hễ sanh về Tây Phương, chẳng mấy chốc, chúng ta sẽ được huân nhiễm, trở thành có phẩm đức thù thắng. Tây Phương Thế Giới khác biệt những Thế Giới khác ở chỗ này. Chữ Tha trong câu “*toàn Tha tức Tự*” chỉ A Di Đà Phật, tức là Tự Tánh Di Đà. Đây là quả, cho nên nói: “*Thành tựu như thị công đức trang nghiêm*” (thành tựu công đức trang nghiêm như thế). Đại Sư sử dụng văn tự không nhiều, nhưng giảng giải Tây Phương Thế Giới, bất luận Sự hay Lý, Tánh hay Tướng, đều giảng hết sức thấu triệt. Quả thật là một bộ sách hay, khó có!

***(Kinh) Hựu Xá Lợi Phát! Bỉ Phật quốc độ thường tác thiên nhạc, hoàng kim vi địa, trú dạ lục thời, vũ thiên Mạn Đà La hoa. Kỳ độ chúng sanh, thường dĩ thanh đàn, các dĩ y kích, thịnh chúng diệu hoa, cúng dường tha phương thập vạn ức Phật, tức dĩ thực thời, hoàn đảo bốn quốc, phạn thực Kinh hành.***

***(Chánh Kinh: Lại này Xá Lợi Phát! Cõi nước Phật ấy thường tấu nhạc Trời, vàng ròng làm đất. Ngày đêm sáu thời tuôn mưa hoa Mạn Đà La. Chúng sanh cõi ấy, thường vào sáng sớm, ai nấy dùng lẵng đựng hoa, đựng các hoa đẹp, cúng dường mười vạn ức Phật ở phương khác. Liên trong khoảng bữa ăn, trở về nước mình, dùng cơm xong đi Kinh hành)***

Tây Phương Thế Giới thường có nhạc Trời tấu trên không trung, tùy theo ý thích của từng người mà nghe loại âm nhạc mình yêu thích. Mặt đất và đường đi đều phủ vàng ròng. “*Trú dạ lục thời, vũ thiên Mạn Đà La hoa*” (Ngày đêm sáu thời, tuôn mưa hoa Mạn Đà La). Đức Phật thuận theo quan niệm về thời gian của chúng sanh trong cõi này (Sa Bà) mà nói “*ngày đêm sáu thời*” chứ thật ra, ở Tây Phương không có ngày đêm!

“*Mạn Đà La*” (Māndārava, Mandāraka) là tiếng Phạn, dịch nghĩa là “*Thích Ý*”, tức là thấy và nghe đều đẹp ý mình. Về tình trạng sinh sống của chúng sanh cõi ấy, họ có thần thông rộng lớn, thường vào lúc sáng sớm, ai nấy dùng lẵng đựng hoa đựng các loại hoa đẹp, cúng dường mười vạn ức Phật trong những phương khác. “*Mười vạn ức*” ở đây cũng là nói phương tiện, chứ thật ra chẳng phải chỉ có mười vạn ức, nói như vậy nhằm thích hợp với những người Vãng Sanh từ Thế Giới Sa Bà, tình ý rất sâu, chẳng bỏ được quê nhà, mỗi ngày đều có thể quay về nhìn ngó, đồng thời cúng dường mười vạn ức Phật ở những phương khác. Đủ thấy họ có thuật phân thân. Những người Vãng Sanh Tây Phương đều có năng lực này. Cúng Phật phước đức lớn nhất, mỗi ngày nghe Phật thuyết pháp, thiện căn, phước đức ngày ngày tăng trưởng, chúng ta cũng chẳng thể nào tưởng tượng được. Tại Tây Phương thành Phật dễ dàng, đạo lý là ở chỗ này. Từ Kinh Điển, chúng ta đọc thấy khi

Thích Ca Mâu Ni Phật giảng Kinh, thuyết pháp, trong thính chúng có người vừa nghe một nửa bộ Kinh đã chứng quả. Nếu nghe hết thầy Chư Phật thuyết pháp, lẽ đâu chẳng đại triệt đại ngộ? Sanh về các cõi Phật khác, chỉ nghe một vị Phật thuyết pháp, còn tại Tây Phương có thể tham lễ, nghe Kinh, nghe pháp với khắp các vị Phật, chẳng thể so sánh được! Sáng dậy đi cúng dường Chư Phật, lúc quay trở về nhằm đúng lúc ăn cơm trưa. Ăn xong tản bộ, cuộc sống tiêu dao, tự tại. Vãng Sanh Tây Phương thì phạm vi hoạt động là tận hư không, trọn pháp giới, nguyên lực tương ứng với A Di Đà Phật.

*(Giải) Nhạc thị Thanh Trần. Địa thị Sắc Trần. Hoa thị Sắc, Hương nhị Trần. Thực thị Vị Trần. Thịnh hoa, tán hoa, Kinh hành thị Xúc Trần. Chúng sanh Ngũ Căn đối Ngũ Trần khả tri. “Thường tác” giả, tức lục thời dã. “Hoàng kim vi địa” giả, thất bảo sở nghiêm địa giới. Thử thị hoàng kim dã. Nhật phân sơ, trung, hậu, danh “trú tam thời”. Dạ phân sơ, trung, hậu, danh “dạ tam thời”. Cổ vân “trú dạ lục thời”. Nhiên bỉ độ y chánh các hữu quang minh, bất giả nhật nguyệt, an phân trú dạ? Thả thuận thử phương, giả thuyết phân tế nhĩ.*

*(Giải: Nhạc là Thanh Trần, đất là Sắc Trần, hoa là hai trần Sắc và Hương. Thức ăn là Vị Trần. Đựng hoa, rải hoa, Kinh hành là Xúc Trần. Ta có thể nhận biết đây là Kinh Văn đem Ngũ Căn của chúng sanh đối ứng Ngũ Trần. “Thường tấu” là suốt cả sáu thời. “Vàng*

*ròng làm đất” là cõi đất được trang nghiêm bằng bảy báu, Thế là vàng ròng. Ngày chia thành sơ, trung, hậu, gọi là ngày ba thời. Đêm chia thành sơ, trung, hậu, gọi là đêm ba thời. Vì thế, nói: “Ngày đêm sáu thời”. Nhưng y báo và chánh báo trong cõi ấy mỗi thứ đều có quang minh, chẳng cần đến mặt Trời, mặt trăng, há chia thành ngày đêm? Chỉ thuận theo phương này mà giả nói có phân chia thời hạn vậy)*

Trong Thế Giới Sa Bà, đối tượng nhận thức của năm căn được quy nạp thành năm loại lớn, tức Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, đều chẳng thanh tịnh. Do vậy, dùng chữ Trần để biểu thị. Trần (bụi bặm) có nghĩa “ô nhiễm”. Cái bàn hai ngày không lau sẽ phủ một lớp bụi. Đức Phật nói năm thứ Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc ô nhiễm tâm thanh tịnh và bản tánh của chúng ta. vì thế gọi là Trần. Tây Phương cũng có năm thứ này, nhưng hoàn toàn chẳng ô nhiễm, vì thế gọi là “*thắng diệu Ngũ Trần*”. Thắng diệu (nhiệm màu tột bậc) ở chỗ chẳng ô nhiễm. Ngũ Căn của chúng ta tiếp xúc Ngũ Trần, kết quả có thể suy ra được. Chữ “*thường tác*” ý nói: Ngày đêm sáu thời không gián đoạn. “*Hoàng kim vi địa*”: Chẳng qua là dùng tất cả những thứ đang có trong Thế Giới của chúng ta làm tỷ dụ để nói, chứ vàng của chúng ta mà đem so với vàng trong Tây Phương Thế Giới thì bất luận chất lượng, màu sắc, quang minh đều chẳng thể sánh bằng. Ngày chia làm Sơ, Trung, Hậu, gọi là “*ngày ba thời*”. đêm

chia làm Sơ, Trung, Hậu, gọi là “*đêm ba thời*”. Đây là cách chia thời gian ở Ấn Độ như trong phần trước đã giải thích. Y báo và chánh báo trong Tây Phương Thế Giới mỗi thứ đều có quang minh. Thế Giới ấy được gọi là “*Thế Giới quang minh*”, không có mặt Trời, mặt trăng, tinh tú, chẳng chia ra ngày và đêm nên không có quan niệm thời gian. Quan niệm không gian cũng chẳng có. Tây Phương Thế Giới có đường đi, nhưng không tên đường, số nhà. Đây kia có thể giao tiếp bằng cách dung tâm cảm. Phật nói “*ngày đêm sáu thời*” là thuận theo phương này mà giả nói có phân chia như vậy.

***(Giải) Mạn Đà La, thử vân Thích Ý, hựu vân Bạch Hoa. “Y kích” thị thịnh hoa khí. “Chúng diệu hoa”, minh phi Mạn Đà La nhất chủng. Ung như Diệu Kinh tứ hoa, biểu tứ nhân vị. Cúng dường tha phương Phật, biểu chân nhân hội xu cực quả, quả đức vô bất biến dã. Thả cứ Sa Bà ngôn thập vạn ức Phật, ý hiển sanh Cực Lạc dĩ, hoàn cúng Thích Ca, Di Lặc, giai bất nan nhĩ. Nhược A Di thần lực sở gia, hà viễn bất đáo tai!***

***(Giải: Mạn Đà La, cõi này dịch là Thích Ý, còn dịch là Bạch Hoa. “Y kích” là dụng cụ đựng hoa. “Chúng diệu hoa” chỉ rõ chẳng phải chỉ có một loại hoa Mạn Đà La. Hãy nên hiểu là bốn loại hoa như trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nhằm biểu thị bốn địa vị tu nhân. “Cúng dường Phật ở phương khác” biểu thị do nhân chân thật sẽ tiến đến quả cùng tột, quả đức không gì chẳng trọn khắp. Hơn***

*nữa, dựa theo Sa Bà mà nói mười vạn ức Phật, nhằm nêu rõ ý: Đã sanh về Cực Lạc, trở về cúng dường Thích Ca, Di Lặc đều chẳng khó khăn gì! Nếu được thần lực của A Di Đà Phật gia bị thì xa cách mấy mà chẳng đến được ư?)*

“*Mạn Đà La*”, Hán dịch là Thích Ý, còn dịch là Bạch Liên Hoa. “*Y kích*” là dụng cụ đựng hoa. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói bốn thứ hoa cũng nhằm biểu thị pháp, mỗi thứ đều có vô lượng phẩm loại, tùy ý thích của mỗi người mà biến hóa. “*Cúng dường tha phương Phật, biểu chân nhân hội xu cực quả, quả đức vô bất biến dã*” (Cúng dường Chư Phật ở phương khác nhằm biểu thị do cái nhân chân chánh sẽ tiến đến cái quả tốt cùng, quả đức không gì chẳng trọn khắp). Tây Phương Thế Giới hoàn toàn dùng chân Phật, chân sự để làm cảnh giới sở duyên, chẳng giống như chúng ta vẽ một bức tượng Phật. Tượng Phật chẳng phải là Phật thật. Trong Tây Phương Thế Giới, hoàn toàn là thật, lại còn thật sự là Báo Thân viên mãn, chứ không phải Ứng Hóa Thân. Do vậy, thành Phật nhanh chóng, không có bất cứ chướng ngại nào, nguyên nhân là do điều này. Trong những Thế Giới khác chẳng dễ gì thấy Phật, ngay như thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, các vị đệ tử thường tùy chúng là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, hoàn toàn không phải là mỗi người ngày nào cũng có cơ hội thỉnh giáo. Nếu lấy cảnh giới của Phật làm nhân địa tu hành của chính mình thì sẽ có thể thành tựu

Phật quả viên mãn. Ân đức của Phật Thích Ca đối với chúng ta rất lớn. Trong tương lai, Đức Thích Ca đã diệt độ, Di Lặc thành Phật, nếu quý vị đã sanh về Tây Phương mà vẫn còn muốn trở lại Sa Bà nhìn ngó người nhà, quyến thuộc thì mỗi ngày đều có thể trở về. Người Tây Phương thiên nhãn thấy thấu suốt, thiên nhĩ nghe thông suốt. Túc Mạng Thông của A La Hán chỉ có thể biết chuyện trong năm trăm đời. Năng lực của thiên nhãn chỉ giới hạn trong một Tiểu Thiên Thế Giới, không thể thấy đến một Trung Thiên Thế Giới. Người đời nghiệp Vãng Sanh vào Tây Phương Thế Giới, chưa đoạn Kiến Tư phiền não, Thiên Nhĩ của họ có thể nghe thấu âm thanh ngoài mười vạn ức cõi Phật, Thiên Nhãn cũng giống như thế. Tha Tâm Thông có thể biết khởi tâm động niệm của chúng sanh ở ngoài mười vạn ức cõi Phật. Năng lực ấy chẳng phải do chính mình tu được, mà là do bản nguyện của A Di Đà Phật gia trì. Do vậy, Đại Sư nói: “*Nhược A Di thần lực sở gia, hà viễn bất năng đáo!*” (Nếu được thần lực của A Di Đà Phật gia trì thì xa đến đâu mà chẳng thấu tới).

*(Giải) Thực thời, tức thanh đán, cổ vân “tức dĩ”, minh kỳ Thân Túc bất khả tư nghị. Bất ly bỉ độ, thường biến thập phương, bất giả du thời hồi hoàn dã. Thử văn hiển Cực Lạc, nhất thanh, nhất trần, nhất sát na, nãi chí khóa bộ, đàn chỉ, tất dữ thập phương Tam Bảo, quán triệt vô ngại. Hựu, hiển tại Sa Bà, tắc*



*trước trọng ác chướng, dữ Cực Lạc bất cách nhi cách, sanh Cực Lạc, tặc công đức thậm thâm, dữ Sa Bà cách nhi bất cách dã.*

*(Giải: “Thực thời” chính là lúc sáng sớm, nên nói “tức dĩ” (liền ngay), chỉ rõ Thần Túc chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng lìa cõi ấy mà thường trọn khắp mười phương, chẳng mất thời gian quay trở lại. Đoạn văn này nêu rõ một thanh, một trần, một sát na, thậm chí cát bước, khảy ngón tay trong cõi Cực Lạc đều cùng với Mười Phương Tam Bảo quán triệt vô ngại. Lại còn, chỉ rõ: Trong Sa Bà, trước nặng, ác chướng, chẳng cách ngăn Cực Lạc mà thành ngăn cách. Sanh về Cực Lạc, công đức rất sâu, tuy cách ngăn Sa Bà mà chẳng hề ngăn cách).*

**Trong sáu thứ thần thông, có một thứ gọi là Thần Túc Thông. “Thần” là thần kỳ chẳng thể lường, chẳng thể suy nghĩ được. “Túc” là viên mãn, biểu thị biến hóa tự tại. Truyện Tây Du Ký nói Tôn Ngộ Không có bảy mươi hai phép biến hóa, đấy chính là thần thông. Người sanh về Tây Phương nghe Kinh, nghe pháp trong giảng đường của A Di Đà Phật, đồng thời phân thân đến khắp các cõi Phật trong mười phương để cúng Phật, độ chúng sanh, đi về tự tại. Phân thân đến Mười Phương Thế Giới, ở lại đó một thời gian tùy theo duyên của chúng sanh. Hết thấy chúng sanh sanh về Tây Phương đều viên mãn đầy đủ sáu thứ thần thông, đều cùng Mười Phương Tam Bảo quán triệt vô ngại,**

một thanh, một trần, một sát na, cho đến trong một động tác nhỏ nhất trong khoảng thời gian khảy ngón tay trong cuộc sống thường nhật, tùy tiện lấy một pháp nào cũng là toàn thể pháp giới. Do vậy, mười phương ba đời hết thấy Chư Phật Như Lai không ngừng hướng về hành giả nói pháp là chuyện có thể xảy ra. Bởi lẽ, hết thấy vô ngại. Như trong Kinh Đại Thừa có nói *“trong một đầu lông chuyển đại pháp luân, không có mấy may chướng ngại nào”*. Kinh Hoa Nghiêm bảo *“một chính là nhiều, nhiều chính là một. Một và nhiều viên dung, tự tại vô ngại”*.

*“Hựu hiển tại Sa Bà, tắc trước trọng ác chướng, dữ Cực Lạc bất cách nhi cách”* (Lại nữa, hiển thị trong cõi Sa Bà, do trước nặng, ác chướng, chẳng cách ngăn Cực Lạc mà thành ngăn cách). Thế Giới này của chúng ta ô nhiễm rất nặng, các nhà khoa học đã đưa ra lời cảnh cáo: Nếu chẳng cấp tốc giảm thiểu sự ô nhiễm môi trường, năm mươi năm sau, quả địa cầu sẽ chẳng thích hợp cho con người sống nữa. Có thể đạt được hiệu quả hay không, tôi cảm thấy hết sức khó khăn. Nhà Phật nói: *“Y báo chuyển theo chánh báo”*. Y báo là hoàn cảnh, chánh báo là lòng người. Trong tâm chúng ta bị ô nhiễm còn nghiêm trọng hơn hoàn cảnh bị ô nhiễm. Do tư tưởng, kiến giải của chúng ta sai lầm mà dẫn đến những hành vi sai lầm. Muốn cầu xã hội an định, ắt phải dốc sức tịnh hóa lòng người. Trong giai đoạn hiện

**thời này, hết sức khó khăn. Người tạo Thập Ác trong xã hội rất nhiều. Trước kia, tạo Thập Ác còn có tâm hổ thẹn, hiện thời lại coi đó như một hiện tượng bình thường! Do Thế Giới Sa Bà có những thứ trọc nặng, ác chướng ấy, cho nên xa cách Cực Lạc. Hai Thế Giới chẳng ngăn cách mà thành ngăn cách!**

Trong các bộ Cao Tăng Truyện và Cư Sĩ Truyện của Trung Quốc, có không ít người đã được chứng kiến cảnh giới của Thánh Nhân, như câu chuyện Thiên Sư Pháp Chiếu của Tịnh Độ Tông đến Đại Thánh Trúc Lâm Tự ở Ngũ Đài Sơn, thấy Văn Thù Bồ Tát mà tôi đã nhắc đến trong phần Huyền Nghĩa. Sau khi Bồ Tát thuyết pháp xong, Sư hướng về Văn Thù Bồ Tát thưa hỏi: *“Trong thời kỳ Mạt Pháp, chúng sanh tu pháp nào thì thích hợp?”* Văn Thù Bồ Tát bảo: *“Tu pháp Ngũ Hội Niệm Phật là thích hợp nhất”*. Văn Thù Bồ Tát còn niệm mấy câu cho Sư nghe. Ngài Pháp Chiếu vốn học Thiên, qua cuộc kỳ ngộ ấy, bèn chuyên tu Tịnh Độ. Về sau, Ngài trở thành Tổ Sư đời thứ tư của Tịnh Độ Tông.

Thế Giới này của chúng ta là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Ngài Văn Thù là Thánh Nhân, chúng ta không thấy được. Tuy không ngăn cách với chúng ta mà thành ngăn cách. Trong Cao Tăng Truyện, những tình huống giống như vậy rất nhiều. Lại như trong Tam Muội Thủy Sâm, Quốc Sư Ngô Đạt gặp Tôn Giả Ca Nặc Ca, cũng như hoa Đàm thoáng hiện.

***(Giải) “Phạn thực Kinh hành” giả, niệm thực, thực chí, bất giả an bài. Thực tất, bát khứ, bất lao cử thức. Dẫn Kinh hành kim địa, hoa nhạc ngu lạc, nhậm vận tân tu nhi dĩ.***

***(Giải: “Phạn thực Kinh hành” là nghĩ tới ăn, đồ ăn hiện tới, chẳng mất công xếp đặt. Ăn xong, bát biến mất, chẳng mất công lau, cất. Chỉ Kinh hành trên đất vàng, vui hưởng hoa, âm nhạc, tùy ý tán tu mà thôi)***

Đoạn này giảng đại lược về tình hình cuộc sống của đại chúng trong Tây Phương Thế Giới. Trong phần trên, tôi đã có nói, từ cõi Trời Sắc Giới trở lên, không có ham muốn ăn uống. Từ Dục Giới thiên trở xuống, ai nấy đều chẳng thể tránh khỏi Ngũ Dục. Trong Sắc Giới Thiên, từ tầng Trời Sơ Thiên trở lên, chẳng có Ngũ Dục, lấy Thiền Duyệt làm thức ăn. Tây Phương Thế Giới vượt trời chư thiên rất nhiều, mười tám tầng Trời của Sắc Giới trong cõi Sa Bà trọn chẳng thể sánh bằng. Thanh Văn, Duyên Giác cũng chẳng thể sánh bằng. Phạm phu đời nghiệp Vãng Sanh từ vô thủy kiếp đến nay có tập khí này, chẳng thể đoạn được, có lúc khởi lên ý niệm muốn ăn cơm. Ý niệm vừa dậy, cảnh giới liền hiện tiền, hết thấy thụ dụng thuận theo ý nghĩ hiện ra, chẳng cần phải sắp đặt. Ăn xong, bát biến mất, chẳng mất công rửa chén, rửa đĩa. Hết thấy thụ dụng trong Tây Phương Thế Giới đều ứng theo ý nghĩ mà xuất hiện, bất luận hoàn cảnh vật chất hay hoàn cảnh nhân sinh đều thù thắng nhất. Từ đây, ta

có thể biết rõ tình trạng cuộc sống hằng ngày của các vị thượng thiện nhân.

***(Kinh) Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.***

***(Chánh Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế đấy)***

Người đời nghiệp Vãng Sanh hoàn toàn dựa vào công đức gia trì từ bốn nguyện của A Di Đà Phật, điều khó có gì đáng quý hơn là họ có thể tùy ý phân thân qua lại các cõi Phật trong Mười Phương, cúng Phật, nghe pháp, độ sanh, giống như các vị Pháp Thân Đại Sĩ chẳng hai, chẳng khác. Như Quán Kinh và Vô Lượng Thọ Kinh đã dạy, phàm ai Vãng Sanh đều có năng lực gần giống như Phật. Phật có thể từ trong tay biến hiện vật dụng thường ngày, như quần áo, thức ăn và tràng, phan, lọng báu, hoa Trời, âm nhạc để cúng Phật và cũng đồng thời lợi ích hết thảy chúng sanh. Mười Phương Thế Giới chẳng có việc này, chỉ riêng Tây Phương là như thế.

***(Kinh) Phục thứ, Xá Lợi Phất! Bỉ quốc thường hữu chúng chúng kỳ diệu tạp sắc chi diệu, bạch hạc, không tước, anh vũ, xá lợi, calăng tân già, cộng mạng chi diệu. Thị chư chúng diệu, trú dạ lục thời, xuất hòa nhã âm. Kỳ âm diễn sướng Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, như thị đẳng pháp. Kỳ độ***

*chúng sanh, văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.*

*(Chánh Kinh: Lại này, Xá Lợi Phất! Cõi ấy thường có các loài chim nhiều màu, kỳ diệu như bạch hạc, chim công, chim vẹt, xá lợi, ca lãng tần già, cộng mạng. Những con chim ấy ngày đêm sáu thời hót tiếng hòa nhã. Tiếng hót ấy diễn nói thông suốt Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần... những pháp giống như vậy. Chúng sanh cõi ấy nghe tiếng ấy rồi, thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng)*

Phần đẹp đẽ tinh diệu nhất trong cuộc sống của đại chúng ở Tây Phương Thế Giới chính là thuyết pháp trang nghiêm. Giống như trong một trường học, sinh hoạt thường ngày của thầy và trò là học tập. Thời gian đẹp nhất của con người là lúc đi học, hễ bước chân ra xã hội khổ nạn trùng trùng. Người trong Tây Phương Thế Giới cuộc sống hết sức tự tại, có thể học môn gì mình thích học, làm những chuyện mình thích làm. Trong nhà trường, lúc vào lớp, hoặc khi nghe thầy thuyết pháp hết sức nghiêm túc, ắt phải cung kính. Hễ có chút tùy tiện nào liền cảm thấy thiếu tôn kính, oai nghi bị khiếm khuyết. A Di Đà Phật hiểu tâm lý của chúng sanh. Do vậy, biến hóa rất nhiều loài chim để thuyết pháp khiến cho mọi người có thể tùy ý nghe pháp, chẳng bị bó buộc mảy may nào! Các loài chim ấy, ngày

đêm sáu thời, hót tiếng hòa nhã, diễn nói các pháp. Đại chúng muốn nghe pháp nào, chúng liền nói pháp ấy.

*“Kỳ âm diễn sướng Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, như thị đẳng pháp”* (Âm thanh ấy diễn nói thông suốt Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, các pháp giống như vậy). Mấy câu này bao gồm hết thầy giáo nghĩa Đại Tiểu Thừa. Nghe Phật Pháp xong, tâm an, lý đặc, tâm an thì không có tạp niệm, mọi ý niệm thầy đều là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Ngũ Căn, Ngũ Lực v.v.. là nói đến thánh giáo, còn niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng là nói tới tu hành.

*(Giải) “Chúng chúng kỳ diệu tạp sắc”, ngôn đa thả mỹ dã. Hạ lược xuất lục chúng. Xá lợi, cưu vôn Thu Lộ, Kỳ Thiên Sư vôn thị Xuân Oanh, hoặc nhiên. Ca lãng tàn già, thử vôn Diệu Âm, vị xuất xác thời, âm siêu chúng diệu. Cộng mạng, nhất thân, lương đầu, thức biệt, báo đồng. Thử nhị chúng, Tây Vực Tuyết Sơn đẳng xứ hữu chi, giai ký thử gian ái thưởng giả, ngôn kỳ tự nhi dĩ. Lục thời xuất âm, tắc tri Tịnh Độ bất dĩ diệu thể vi dụ. Lương dĩ liên hoa thác sanh chi thân, bốn vô hôn thù, bất giả dụ ngọa dã. Ngũ Căn đẳng giả, Tam Thập Thất Đạo Phẩm dã. Sở vị Tứ Niệm Xứ, nhất Thân Niệm Xứ, nhị Thọ Niệm Xứ, tam Tâm Niệm Xứ, tứ Pháp Niệm Xứ.*

*(Giải: “Chủng chủng kỳ diệu tạp sắc” ý nói các loài chim trong cõi Cực Lạc đã nhiều còn đẹp. Tiếp đó, Kinh nêu đại lược sáu loại. Xá lợi, thời cổ dịch là Thu Lộ, Kỳ Thiên Sư nói nó chính là chim Xuân Oanh, chắc có lẽ là đúng. Ca lãng tàn già, cõi này dịch là Diệu Âm. Chim này khi chưa ra khỏi vỏ trứng, tiếng hót của nó đã vượt trội các loài chim khác. Cộng Mạng là chim có hai đầu một thân, mỗi đầu có thân thức khác biệt, nhưng có chung một báo thân. Hai loại chim này có ở những nơi như Tuyết Sơn v.v... bên Tây Vực. Đều là mượn tên những loài chim được yêu thích, tán thưởng trong cõi này để tạm mô tả những loài chim trong cõi Cực Lạc mà thôi. Do Kinh chép “sáu thời vang tiếng hót” nên biết là trong Tịnh Độ chẳng coi chim đậu là đêm. Ấy là vì thân sanh từ hoa sen sanh ra, vốn chẳng có buồn ngủ, nên đêm chẳng cần ngủ. Ngũ Căn v.v... là nói về ba mươi bảy đạo phẩm, nghĩa là: Tứ Niệm Xứ gồm một là Thân Niệm Xứ, hai là Thọ Niệm Xứ, ba là Tâm Niệm Xứ, bốn là Pháp Niệm Xứ).*

*“Chủng chủng kỳ diệu tạp sắc chi điểu” nghĩa là chủng loại rất nhiều. Tiếp đó, Kinh Văn chỉ nêu đại lược sáu loài. Bạch hạc, chim công, chim vẹt, đều là những thứ ai cũng biết, chẳng cần phải bàn tới. “Xá lợi” (Śāri), thời cổ dịch là Thu Lộ, Kỳ Thiên Sư đời Tống bảo nó là chim Xuân Oanh, cũng có lý. “Ca lãng tàn già” (Kalavinka) là tiếng Phạn, dịch thành Diệu Âm. Khi chim chưa ra*



khởi vỏ trứng đã có thể hót tiếng du dương. Cộg Mạng (Jivajivaka) là loại chim một thân hai đầu, có hai thần thức. Tại Trung Quốc, chưa hề thấy loại chim này. Tương truyền, ở núi Hỷ Mã Lạp Nhã (Himalaya) có loại chim này. Nhằm ứng với những loài chim xinh đẹp người đời ưa thích, A Di Đà Phật dùng thần lực biến hiện nhiều loài chim đẹp để chẳng có trong nhân gian. Do Tây Phương không có tối tăm, nên loài cầm điều thuyết pháp suốt ngày đêm sáu thời không gián đoạn. Người trong cõi Tây Phương liên hoa hóa sanh, vốn không ngủ nghỉ. Vì thế, ăn uống lẫn ngủ nghỉ đều chẳng cần. Khi tinh thần con người sung mãn thì thời gian ngủ rất ít. Người thật sự có công phu, ít vọng niệm, ít phiền não, tinh thần bị tiêu hao cũng ít. Thuở Đức Phật tại thế, quy định các đệ tử chỉ ngủ trong lúc Trung Dạ, tức là mười giờ đi ngủ, hai giờ đêm thức dậy. Hiện thời có người ngủ tám tiếng vẫn chưa đủ, lãng phí thời gian tốt đẹp nhất, thật là đáng tiếc. Hễ tinh thần tốt đẹp, nhất định cuộc sống sẽ sung sướng.

“*Ngũ Căn đấng giả, tam thập thất đạo phẩm dã*” (Ngũ Căn v.v... là ba mươi bảy đạo phẩm). Câu này là nói tổng quát. Trong Kinh chỉ nói bốn thứ “*Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần*”. Ba mươi bảy đạo phẩm được chia thành bảy loại, Ngẫu Ích Đại Sư bổ sung ba thứ còn lại để nói. Ba thứ ấy là Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc. Thông thường, chúng ta chỉ biết ba mươi bảy đạo phẩm là pháp Tiểu Thừa. Thật ra, pháp này chung

cho cả Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa. Trong Kinh Niết Bàn, Đức Phật dạy: “*Nếu ai có thể quán Bát Chánh Đạo thì sẽ minh tâm kiến tánh*”. Câu này giảng rõ ba mươi bảy đạo phẩm là pháp Đại Thừa. Trong Đại Trí Độ Luận, Long Thọ Bồ Tát cũng nói ba mươi bảy phẩm không gì chẳng thâm nhiếp, vô lượng đạo phẩm đều nằm trong ấy. Ngài còn nói ba mươi bảy đạo phẩm bao gồm hết thấy Phật Pháp Đại Thừa. Tây Phương là Đại Thừa viên đốn, há có Tiểu Thừa ư?

Tứ Niệm Xứ thuộc về Quán Trí, người ta thường gọi là nhân sinh quan, Vũ Trụ quan. Trong ấy có mê, có ngộ. Niệm là trí huệ quán sát, chứ không phải ý niệm. Chữ Xứ chỉ cảnh giới được quán. Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc có ích rất lớn cho người sơ học. Thường có người nói “tu học rất lâu, niệm Phật, tham Thiền, trì chú, tu Định, công phu đều chẳng đắc lực”, nguyên nhân là vì đã coi thường ba phương pháp tu học cơ bản này. Nhưng vì sao trong Kinh Đức Phật chẳng nói tới ba thứ này, mà lại bắt đầu bằng Ngũ Căn, Ngũ Lực? Vì Ngũ Căn, Ngũ Lực là pháp của người trong cõi Tây Phương tu hành. Họ đã tu ba môn trước rồi, không cần phải nói lại nữa. Nhưng đối với hàng sơ học chúng ta thì nhất định phải nói rõ. Tứ Niệm Xứ là:

1) “*Quán thân bất tịnh*”: Thân chẳng sạch sẽ. Người tu hành lợi dụng thân thể để thành tựu đạo nghiệp, chẳng cần phải đả đuổi nó. Người thế gian lợi dụng nó để tạo nghiệp, đáng tiếc quá! Những

thứ do thân thể bài tiết ra đều không sạch sẽ. Quán thân thể của chính mình bất tịnh, chẳng đáng tham ái, thì làm sao tham ái thân thể của người khác cho được? Muốn buông xuống hết thân, tâm, Thế Giới thì phải bắt đầu từ cái thân của chính mình. Chẳng còn phải nhọc lòng vì cái thân thể này nữa thì mới có thể dưỡng sinh tốt đẹp. Người biết dưỡng sinh ít bệnh tật, có thể trường thọ. Thân thể con người và toàn thể Vũ Trụ là một. Thuận theo tự nhiên sẽ mạnh khỏe. Chẳng hạn như thức ăn trong mùa Đông phải ăn đồ mát, mùa Hạ phải ăn đồ nóng. Hiện thời con người làm ngược lại, hoàn toàn chẳng tương ứng với tự nhiên. Vì vậy, trăm thứ bệnh đổ ra. Thiên Nguyệt Lệnh trong bộ sách cổ Lễ Ký của Trung Quốc có nói về cách sinh sống, ăn ở, một năm bốn mùa mười hai tháng, mỗi tháng ăn gì đều ghi chép tường tận. Cách ăn và dùng loại củi nào để nấu đều quy định cẩn kẽ, những điều này gần như đã thất truyền. Nguyên tắc dưỡng sinh trong Phật Pháp là coi thân thể như một cỗ máy, thân phải động, tâm phải tịnh. Hiện thời, thân mọi người bất động, cốt sao nhàn hạ, sung sướng cái thân, còn tâm thì suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, hết sức tương phản. Người trong cõi Tây Phương thân Kim Cang bất hoại, chẳng cần ăn uống nên không bị bệnh tật.

2) “*Quán Thọ thị khổ*”: Con người suốt đời phấn đấu là vì lẽ gì? Đạt được gì? Đến tuổi già càng khổ, sống rất quạnh quẽ. Những chung cư dành cho người nhà ở Mỹ chăm sóc người già kể ra cũng

chu đáo, nhưng vẫn khó tránh khỏi bệnh tật rề rề, khổ vì nằm bẹp giường, chỉ ngồi ăn đờ chét mà thôi. Đức Phật nói tam giới đều khổ. Cũng có lúc vui, nhưng thời gian vui chẳng dài, vui rồi lại khổ nên gọi là Hoại Khổ, chẳng khổ chẳng vui là Hành Khổ, vì nó dòi dãi không ngừng, biến hóa vô thường. Nói thật đấy! Người học Phật cuộc sống khác hẳn, có viễn cảnh tương lai sáng sủa. Niệm Phật tâm thanh tịnh, đọc Kinh sẽ khai ngộ. Huống chi Kinh dạy: “*Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền tương lai, nhất định thấy Phật*”. Cư Sĩ Bành Tế Thanh đã chép trong Vãng Sanh Truyện chẳng ít vị nam nữ tại gia Cư Sĩ lúc lâm chung biết trước lúc mất. Nói chung những người ấy sống vào cuối đời Minh, đầu đời Thanh. Bốn chục năm qua, tại Đài Loan, tôi đích thân mắt thấy tai nghe người đứng qua đời, người ngồi mà mất, chứng tích đều hầy còn, tuyệt đối chẳng phải là bịa chuyện.

3) “*Quán tâm vô thường*”: Người thế gian khổ nhất là ý niệm nẩy sanh không ngừng. Đây là tập khí từ vô thủy kiếp đến nay, đó cũng là nhân tạo nên luân hồi trong lục đạo. Phật Giáo tuy có nhiều Pháp Môn, nhưng đều nhằm mục đích tu Định, phương pháp khác nhau, nhưng mục đích là một. Định là bốn tâm, ý niệm là vọng tâm. Làm thế nào để trừ bỏ vọng tâm, khôi phục bốn tâm, đây là công phu thật sự. Vọng tâm là cội nguồn của hết thảy vọng tưởng, phiền não. Chẳng những khi thức nó nẩy sanh liên tục không ngừng, mà khi ngủ

nó cũng biến thành mộng. Vọng tâm sanh diệt trong từng sát na, thấy hết thấy cảnh giới đều là sanh diệt. Trong Kinh Phật nói hết thấy pháp bất sanh bất diệt, chúng ta nhìn không ra. Phật dùng Định tâm chẳng sanh diệt nên thấy hết thấy pháp bất sanh bất diệt. Chúng ta dùng cái tâm sanh diệt để nhìn hết thấy pháp nên hết thấy pháp đều có sanh diệt. Chẳng hạn như, hết thấy động vật đều có sanh, lão, bệnh, tử. Đức Phật nói bất sanh bất diệt là thật, sanh diệt là giả. Không có ý niệm là nhất tâm, những gì được hiện bởi nhất tâm là chân. Đây là Nhất Chân pháp giới. Hễ ý niệm dấy lên thì sẽ thấy mười pháp giới. Vọng tâm vô thường, hãy nên bỏ đi, phải tích cực tu Định, người trong Thế Giới Tây Phương đều giữ được chân tâm thường trụ. Thường trụ là bất động. Chúng ta tập khí nặng nề, lại thêm hoàn cảnh quynh rũ, mê hoặc, khó thể thường trụ bất động.

4) “*Quán pháp vô ngã*”: Ba thứ đầu trong Tứ Niệm Xứ thuộc về nhân sinh quan của bản thân chúng ta. Loại thứ tư chính là Vũ Trụ quan. Chữ Ngã trong “*quán pháp vô ngã*” có nghĩa là “*tự tại*”. Kinh Kim Cang dạy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Kinh còn dạy: “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Đây là “*quán pháp vô ngã*”. Mọi người thường cho rằng hết thấy pháp đều có thật. Do vậy, khởi lên lắm thứ phiền não như tham, sân, si, mạn. Kẻ ngu muội ngộ thân có thật, hết thấy vạn vật cũng có thật. Do vậy, hết sức đoạt lấy, tạo tác Thập Ác, chẳng may may cân nhắc,

e dè, nhưng tạo nghiệp ắt có quả báo. Đời sau phải đền trả, sợ rằng phải mang lông đội sừng. Người đầu óc tinh táo chẳng tạo ác nghiệp, biết đời người sống trong cõi này, hết thảy thụ dụng đều có số mạng định sẵn, chẳng cần phải mong cầu xằng bậy. Kẻ thông minh hơn thì biết tuy số mạng đã định sẵn, nhưng làm lành có thể xoay chuyển số mạng. Bậc có đại trí huệ có thể thoát khỏi tam giới, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi.

Tứ Niệm Xứ thuyết minh chân tướng của Vũ Trụ và nhân sinh. Người học Phật trọn chẳng có ưu lự, chẳng vì riêng mình mà tính toán tương lai, đoạn ác, tu thiện, hết thảy tạo tác chẳng suy tính cho chính mình, mà nghĩ tưởng cho đại chúng. Hành như thế thì hoàn cảnh sinh hoạt ắt sẽ mỗi ngày chuyển biến dần dần tốt đẹp hơn. Dẫu trong đời trước có oan gia đối đầu thì đến cuối cùng cũng biến thành bạn tốt, hết thảy chướng ngại cũng dần dần hóa giải. Đời sống phải chú trọng tiết kiệm, tiết kiệm một phần sẽ có thể giúp đỡ người khác một phần. Điều này có thể thực hiện được, chứ không phải là một yêu cầu cao xa gì! Do chúng ta coi thường bốn cách tu trì này mà công phu chẳng đắc lực, trí huệ chẳng mở mang, Tam Muội chẳng thành. Nếu lưu ý những điều này, buông thân, tâm, Thế Giới xuống, hy sinh mình vì người khác thì chẳng những công phu đắc lực, mà còn tăng trưởng phước huệ, tín tâm ngày càng mạnh, trong cuộc sống

sẽ cảm nhận được nhiều cảm ứng, những thứ cảm ứng ấy tuyệt đối là chân thật, chẳng hư dối!

*(Giải) Tứ Chánh Cần: Nhất, dĩ sanh ác pháp linh đoạn, nhị, vị sanh ác pháp linh bất sanh, tam, vị sanh thiện pháp linh sanh, tứ, dĩ sanh thiện pháp tăng trưởng. Tứ Như Ý Túc: Nhất, Dục Như Ý Túc, nhị, Tinh Tấn Như Ý Túc, tam, Tâm Như Ý Túc, tứ, Tư Duy Như Ý Túc.*

*(Giải: Tứ Chánh Cần: 1. Pháp ác đã sanh khiến đoạn. 2. Pháp ác chưa sanh làm cho chẳng sanh. 3. Pháp thiện chưa sanh khiến sanh. 4. Pháp thiện đã sanh khiến cho tăng trưởng. Tứ Như Ý Túc: 1. Dục Như Ý Túc. 2. Tinh Tấn Như Ý Túc. 3. Tâm Như Ý Túc 4. Tư Duy Như Ý Túc)*

Ba mươi bảy đạo phẩm chia thành bảy loại lớn, còn gọi là “bảy khoa”. Thứ nhất là Tứ Niệm Xứ. Tứ Niệm Xứ là dùng trí huệ quán sát Vũ Trụ và nhân sinh, đây là “*thấy thấu suốt*” (khán phá). Thấy thấu suốt rồi mà nếu chẳng tích cực đoạn ác tu thiện thì sẽ biến thành tiêu cực. Do vậy, lại nói tới khoa thứ hai là Tứ Chánh Cần. “*Cần*” là siêng năng gắng sức đoạn ác tu thiện. Tiêu chuẩn thiện ác xưa nay, trong nước, ngoài nước khác nhau, có sai khác đôi chút, hãy nên lấy Phật Pháp làm chuẩn. Phật Pháp lấy Giới Luật làm chuẩn. Giới khác Thiện. Mục đích của Thiện là được phước, mục đích của Giới là đắc Định. Giới có thể xuất tam giới, nhưng phước báo thì chẳng thể.

Kinh Luận nói bậc chứng quả La Hán liền vượt thoát tam giới, sở chứng của họ là Cửu Thứ Đệ Định, nghĩa là loại Thiên Định xuất thế gian. Những thứ như Tứ Thiên Bát Định được gọi là Thiên Định thế gian. Trong Kinh Đại Thừa, Đức Phật đã từng nói “*những gì tương ứng với tự tánh thì là thiện, những gì chẳng tương ứng tự tánh là ác*”. Tiêu chuẩn này rất cao, thực hiện cũng khó. Nếu nói theo tiêu chuẩn của Tịnh Tông thì thực hiện hoàn toàn chẳng khó khăn gì!

Phật hiệu là danh hiệu của tánh đức, niệm một câu A Di Đà Phật chính là “*xứng tánh khởi tu, toàn thể tu chính là tánh*”. Chẳng có mấy người niệm Phật thật sự biết đạo lý trong ấy: “*Tùng tiếng Phật hiệu đều tương ứng với tự tánh*”. Niệm Phật là điều lành nhất trong những điều lành, đạt đến tột cùng điều thiện. Nếu chẳng thể đạt đến cảnh giới này thì cũng có thể lùi xuống mong cầu mức độ thấp hơn, tức là lấy Giới Luật làm chuẩn mực. Nói theo người hiện thời, trì giới là “*vâng giữ phép tắc*”. Giới là răn cấm, Luật là pháp luật. Đức Phật chế định Giới Luật không giống với pháp luật thế gian. Pháp luật thế gian nhằm duy trì luân thường, đạo lý, giữ cho xã hội an định, hòa bình. Còn Giới Luật của Phật Pháp nhằm làm cho chúng sanh ra khỏi tam giới, thoát luân hồi, mục đích khác nhau. Văn kiện pháp luật thế gian cứ sau bao nhiêu năm là phải sửa đổi, điều chỉnh, vì xã hội biến đổi rất lớn. Pháp luật xưa nay, trong nước, ngoài nước đều khác nhau. Giới Luật nhà Phật ngàn đời bất biến, do nó siêu việt



thời gian và không gian. Giới Luật do Đức Phật chế định từ ba ngàn năm trước thích hợp với con người thuộc bất cứ thời đại ấy, giúp họ đắc Định, khai Huệ, liễu sanh tử, thoát tam giới. Ngày nay, căn cứ vào Giới Luật trước kia để tu trì thì vẫn có thể đắc Định, khai Huệ, liễu sanh tử, thoát tam giới giống hệt như vậy!

Nhà Phật thường nói đến Tam Tụ Tịnh Giới. Trong Giới Luật, phần lớn nói về Oai Nghi, tức những quy định, khuôn phép trong cuộc sống thường ngày. Chẳng hạn như Cụ Túc Giới của người xuất gia gồm hai trăm năm mươi điều, trong ấy, những điều thật sự là Giới Luật không nhiều, chỉ có bốn giới trọng, tức “*giết, trộm, dâm, dối*”. Tiếp theo là mười ba điều gọi Tăng Tàn Giới, tổng cộng gồm mười bảy điều là Giới Luật. Những điều khác liên quan đến oai nghi, xử thế, đãi người, tiếp vật, sinh hoạt thường nhật, ăn uống, cử động. Những điều ấy cũng giống như văn kiện mang tánh chất kỷ niệm, vì cuộc sống hiện tại của chúng ta và người thời cổ Ấn Độ đã hoàn toàn khác nhau, phải hiểu rõ tinh thần thật sự của Giới Luật rồi mới có thể biết trì giới như thế nào. Trên phương diện vận dụng thì phải tuân thủ pháp luật, phong tục, tập quán của con người hiện đại, nhập gia tùy tục, đến bất cứ quốc gia nào cũng phải sao cho thích ứng với bối cảnh văn hóa, phong tục, tập quán của nước ấy. Hễ đến một địa phương khác thì phải hòa lẫn thành một khối với địa phương ấy, để khỏi đến nỗi nảy sanh hiểu lầm. Đức Phật nói: “*Hễ những gì là tự lợi*

*thì đều là ác, phàm những gì lợi tha thì đều là thiện*”. Lễ Phật, lễ Bồ Tát tuy cũng gọi là thiện, nhưng cái đạt được là phước. Nếu muốn nhờ vào đó để đắc Định, liễu sanh tử, thoát tam giới thì chẳng thể được. Qua Kinh Luận, chúng ta đọc thấy rất nhiều: Luân hồi trong tam giới lục đạo do chính mình tạo ra. Nguyên nhân chủ yếu là Ngã Chấp, khởi tâm động niệm đều có Ngã, gia đình của ta, tài sản của ta, đây là cái nhân tạo ra luân hồi. Nếu chuyển được ý niệm, nghĩ đến hết thấy chúng sanh trong quốc gia và trên Thế Giới, tâm lượng mở rộng, Ngã Chấp sẽ dần dần nhạt bớt, từ từ bỏ được Ngã Chấp, lục đạo luân hồi sẽ không còn nữa. Vì sao người niệm Phật lúc lâm chung chẳng thể Vãng Sanh? Chính là vì tham luyến người nhà, quyến thuộc, tài sản, sự nghiệp của chính mình, bỏ không được. Sau khi chết đi sẽ thành quỷ giữ thân. Ở Mỹ, nghe nói có rất nhiều ngôi nhà có ma, là vì những người chủ nhà chết đi rồi vẫn bỏ không được căn nhà ấy. Đây đều là vì Ngã Chấp quá nặng, niệm niệm luôn nghĩ đến hạnh phúc của chính mình, sai lầm quá đỗi!

Tứ Chánh Cần gồm bốn điều, ở đây tôi chia ra trình bày như sau:

1) “*Ác pháp đã sanh khiến dứt*”: Phàm những chuyện gì lợi mình tổn người đều là ác, nhất định phải đoạn dứt, từ nay trở đi không làm nữa! Quả báo của ác niệm và ác hạnh là trong tam ác đạo. Nếu đã tạo ác niệm, ác hạnh thì từ nay trở đi đừng làm nữa. Không có ác duyên nên cũng chẳng bị đọa vào tam đồ. Nhân quả chẳng thể

tiêu được, nhân chẳng thể nắm bắt được, nhưng duyên thì có thể nắm bắt. Đoạn trừ ác duyên khiến cho thiện duyên tăng trưởng thì quả báo mong mỏi sẽ có thể đạt được.

2) “*Ác pháp chưa sanh khiến cho chẳng sanh*”: Thời thời, khắc khắc luôn đề phòng sợ phạm lỗi ác niệm, ác hạnh, ác khẩu, chẳng để cho chúng nảy sanh, ắt phải chú trọng cả Sự lẫn Lý. Nếu chẳng hiểu thấu triệt lý luận, dù hết sức đề nén chúng trên mặt Sự vẫn khó thể đạt được. Nói cách khác, mức độ nhẫn nại có hạn. Nếu lý luận dung hợp sự thật, sẽ nhẫn nại vô hạn. Về Lý thì phải đọc Kinh, về Sự thì tốt nhất là niệm Phật. Chúng ta là phàm phu, tập khí từ vô thủy kiếp đến nay chưa đoạn, vọng niệm và ác niệm có thể khởi lên bất cứ lúc nào, có lúc chẳng không chế chúng được. Ý niệm vừa dấy lên, ngay lập tức niệm Phật, ác niệm sẽ chẳng tiếp tục nữa. Một câu Phật hiệu là Giác.

3) “*Pháp thiện chưa sanh khiến sanh*”: Trong Kinh, Đức Phật nói rất nhiều thiện pháp, chúng ta chẳng nghĩ tới mà cũng chưa làm được. Phải thường đọc Kinh Phật, lại còn phải đọc nhuần nhừ, ghi nhớ trong lòng, hễ gặp cảnh giới hiện tiền, lời Phật Giáo huấn sẽ bừng bừng phát sanh. Thời cổ, cuộc sống an định, quan hệ giữa con người với nhau tốt đẹp. Đọc sách Thánh Hiền, ghi nhớ kỹ càng giáo huấn của Thánh Hiền trong lòng, chẳng đến nỗi trái nghịch quá mức. Phật Pháp truyền sang Trung Quốc đã hai ngàn năm, dân gian cũng

lấy giáo huấn của Phật làm tiêu chuẩn. Từ sau cuộc vận động Ngũ Tứ đầu thời Dân Quốc, “*đả đảo Khổng gia điểm*”, không đọc sách Nho nữa. Phật Pháp thuộc về Tôn Giáo, là mê tín, cũng bỏ đi. Cuộc sống không còn tiêu chuẩn để noi theo nữa! Trong thời đại này, đặc biệt hữu hiệu là chân tướng nhân sinh Vũ Trụ như trong Phật Pháp đã giảng. Phật Pháp chẳng phải là những giáo thuyết do những Tôn Giáo tôn thờ thần thánh lập ra, mà cũng chẳng phải là một Tôn Giáo nhằm mục đích khuyến thiện, mà thực sự là một nền giáo dục cao tột vô thượng. Những giáo huấn hết sức quý báu của Cổ Thánh Tiên Hiền Trung Quốc cũng rất nhiều. Trong bốn mươi năm đầu thời Dân Quốc, tại các trường đại học ở Đài Loan có mấy vị giáo sư dốc sức gìn giữ và xiển dương nền văn hóa cổ hữu. Thuở ấy, ở Đài Bắc có một viện bảo tàng nghệ thuật văn hóa, người chủ trì là một vị giáo sư đại học của Đài Loan, chuyên in những cổ thư Trung Hoa. Về sau, Thương Vụ Ấn Thư Quán cũng đem bộ Tứ Khố Toàn Thư in ra. Thế Giới Thư Cục cũng in bộ Tứ Khố Hội Yếu. Đại Tạng Kinh cũng được in mấy lần. Đối với công tác duy trì, bảo vệ sách vở cổ, quả thật đảo báu Đài Loan đã có công hiến. Tuy xuất bản thật phong phú, nhưng nếu không có người đọc thì có khác gì giấy lộn? Phân lượng của bộ Tứ Khố Toàn Thư quá lớn, mỗi cá nhân đọc suốt đời cũng không hết. Tôi nghĩ như thế này: Trích lục những câu văn tinh yếu trong bộ sách ấy, nhất là những lời giáo huấn cần thiết nhất cho xã

hội chúng ta hiện thời như tu thân, tề gia, luân lý, đạo đức, tha thứ, thông cảm lẫn nhau, chung sống hòa bình. Đối với toàn thể nhân loại những lời giáo huấn ấy đều là nhu cầu bức thiết. Sau khi hội tập, biên soạn thành một cuốn sách nhỏ lưu truyền trong cõi đời, đối với đại chúng sẽ có lợi ích không gì lớn bằng.

4) “*Pháp thiện đã sanh khiến cho tăng trưởng*”: Đã làm chuyện lành thì tiếp tục làm cho tăng trưởng, chẳng để nó lui sụt.

Tứ Niệm Xứ là thấy thấu suốt, Tứ Như Ý Túc là buông xuống. Buông xuống là tự tại, Như Ý là “*quay đầu*”. Nhà Phật nói “*hồi đầu thị ngạn*” (quay đầu là bờ). Trong quá khứ, người phú quý tay thường cầm một cây Như Ý. Đầu cây Như Ý uốn cong vòng lại, chính là nhằm biểu thị pháp, phải biết “*hồi đầu*”. Đức Phật dạy bốn việc:

1) Thứ nhất là Dục Như Ý Túc. Dục là dục vọng, bất luận là vật chất hay tinh thần hãy đều nên biết đủ. Hễ biết đủ sẽ được đại tự tại. Hưởng thụ vật chất không cần phải truy cầu (mong cầu, theo đuổi) quá lộ. Truy cầu vật chất không thể nào chẳng tạo nghiệp, phước báo tuy có cũng sẽ bị giảm bớt. Nếu xoay chuyển ý niệm, vì xã hội, đại chúng tạo phước thì sẽ được vui sướng ngay trong ấy. Nếu chỉ vì chính mình mà truy cầu, ắt sẽ có được, mất. Hễ có mất, ắt sẽ đau khổ. Nếu vì đại chúng, chuyện chẳng thành tự thì là đại chúng vô phước, ta chẳng thẹn với lòng.

2) Thứ hai là Tinh Tấn Như Ý Túc. Dùng cách nói hiện thời để giải thích câu này thì là “*thường lạc*”. Trên phương diện tu trì, hễ có lãnh ngộ thì bất luận tiến nhiều hay tiến ít, trong tâm ắt cảm thấy vui sướng.

3) Thứ ba là Tâm Như Ý Túc. Từ ngữ này có khi được dịch là Niệm Như Ý Túc, có nghĩa là “*an tâm*”. Mọi sự chỉ cầu sao cho tâm được yên.

4) Thứ tư là Tư Duy Như Ý Túc, có nghĩa là “*lý đắc*” (thấu hiểu lý). Trong thế gian, người có hạnh phúc chân thật nhất chính là người chẳng bỏ uổng một đời, sống có giá trị, có ý nghĩa, không gì hơn niệm Phật Vãng Sanh, viên thành Phật đạo. Vấn đề là làm thế nào để tâm an trụ trong Pháp Môn Niệm Phật. Người ta thường nghe rồi chẳng thể tiếp nhận là vì nghĩ trong Kinh Luận Đại Thừa còn có những Pháp Môn thù thắng hơn, sao chẳng tận hết sức học rộng, nghe nhiều, sẽ có ích cho sự tu hành? Có kiểu suy tưởng này thì quả thật là vì người ấy vẫn chưa hiểu trọn vẹn lý luận. Trong một đời, nếu gặp được một vị thầy tốt, cùng với đồng tu đạo hữu tốt dùi mài lẫn nhau thì còn có hy vọng thành tựu, nhưng điều này chỉ có thể gặp, chứ không thể cầu. Nếu chẳng gặp được thiện tri thức, thì lại nên như thế nào? Trong thời đại hiện tại, tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng. Gặp phải một gã tà sư, bị hắn ta dạy dỗ sai lầm! Điều gì được nghe đầu tiên sẽ là chánh yếu. Nếu gặp gỡ chánh pháp,

ngược ngạo sanh lòng chống đối, không có khả năng phân biệt đúng, sai, chân, vọng, chịu thua thiệt to lớn thì thật đáng sợ quá! Tu học trong thời này, chẳng thể không chú ý, cẩn thận. Điều thứ nhất là phải nhận biết bản chất của Phật Giáo: Phật Pháp là nền giáo dục viên mãn chí thiện đối với hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới. Đức Phật nói hết thảy pháp trong bốn mươi chín năm, nội dung chính là nói rõ chân tướng Vũ Trụ và nhân sinh. Để hiểu rõ chân tướng, lý đặc thì tâm an, chỉ có một phương pháp là đọc Kinh. Cổ Nhân dùng đọc tụng Kinh Điển để nhập môn, thông thường lấy năm năm làm hạn, nghe lời thầy chỉ dạy. Các tông phái khác nhau sẽ phải đọc tụng các Kinh Luận khác nhau. Như học Hoa Nghiêm thì phải đọc Kinh Hoa Nghiêm, hễ không thuộc sẽ không có cách nào quán chiếu được! Mấy năm gần đây, có người đến hỏi tôi nhập môn như thế nào? Tôi nói: “*Đọc Vô Lượng Thọ Kinh mỗi ngày ba biến. Trước hết, hãy đọc ba năm. Đọc xong ba ngàn biến sẽ biết đãi người, xử thế như thế nào, sẽ tâm an lý đặc trong cuộc sống, pháp hỷ sung mãn, niệm một câu A Di Đà Phật mới đắc lực*”.

Kinh này không nhắc tới cả ba khoa trên đây là vì nói theo thói quen: Nói phần sau sẽ bao gồm cả phần trước, dầu không nói thì vẫn được bao gồm trong ấy. Ba khoa gồm mười hai điều (tức Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần và Tứ Như Ý Túc) trong phần này, người Tây Phương đã sớm tu hành viên mãn. Đại Sư chú giải Kinh vẫn nhắc tới

những khoa mục này là vì muốn giảng trọn vẹn ba mươi bảy đạo phẩm cho chúng sanh trong đời sau. Mười hai khoa này có ích rất lớn đối với người niệm Phật. Công phu Niệm Phật chẳng đắc lực, nguyên nhân chủ yếu là vì xem nhẹ mười hai khoa mục tu hành này. Do vậy, người niệm Phật đối với mười hai khoa mục này phải đặc biệt lưu ý. Hãy đoạn trừ quan niệm tự lợi, luôn luôn dấy lên ý niệm lợi người nhằm tạo phước cho xã hội, buông thân, tâm, Thế Giới xuống, biết đủ, thường vui, tâm an, lý đắc, tín nguyện trì danh, lẽ nào chẳng Vãng Sanh?

***(Giải) Ngũ Căn giả, tín chánh đạo, cập trợ đạo pháp, danh Tín Căn. Hành chánh đạo cập chư trợ đạo thiện pháp, cần cầu bất tức, danh Tinh Tấn Căn. Niệm chánh đạo cập chư trợ đạo thiện pháp, cánh vô tha niệm, danh Niệm Căn. Nhiếp tâm tại chánh đạo cập chư trợ đạo thiện pháp trung, tương ứng bất tán, danh Định Căn. Vị chánh đạo cập chư trợ đạo thiện pháp, quán u Khổ đẳng Tứ Đế, danh Huệ Căn.***

***(Giải: Ngũ Căn: Tin vào chánh đạo và pháp trợ đạo, gọi là Tín Căn. Hành chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo, siêng cầu chẳng nghỉ, gọi là Tinh Tấn Căn. Niệm chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo, trọn không có niệm nào khác, gọi là Niệm Căn. Nhiếp tâm nơi chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo, tương ứng, chẳng tán loạn, gọi***



*là Định Căn. Vì chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo mà quán Tứ Đế như Khổ v.v... thì gọi là Huệ Căn)*

Đây là khoa thứ tư trong ba mươi bảy đạo phẩm. “*Căn*” là nói tỷ dụ, như thảo mộc có rễ, có thể sanh trưởng, mang ý nghĩa gìn giữ, nên gọi là Căn. Tổng cộng gồm năm điều, tức là “*Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ*”. Khoa mục tiếp theo là Ngũ Lực, danh xưng hoàn toàn tương đồng. Trong Kinh Di Đà, Đức Phật nói: Người trong Thế Giới Tây Phương, bất luận từ xứ nào sanh về, phẩm vị cao hay thấp, đều phải tu học năm điều này.

1) *Tín Căn*: Tín là tin vào chánh đạo. Đức Phật nói rất nhiều Pháp Môn đều là chánh đạo, nhưng hoàn toàn chẳng thể thích hợp với căn cơ của hết thảy mọi người. Như vào tiệm thuốc, trăm ngàn thứ thuốc tễ đều là thuốc hay, tùy theo căn bệnh mà cắt thuốc, uống vào sẽ hết bệnh. Do vậy, Cổ Đức thường răn dạy chúng ta phải chọn lựa Pháp Môn để thâm nhập một môn, còn chuyện quảng học đa văn là vì lợi lạc người khác. Nếu muốn làm thầy thuốc thì thứ gì cũng phải hiểu. Quý vị biên toa thuốc là cho người khác uống, chứ không phải để chính mình uống. Người tu Tịnh Độ lấy “*tín, nguyện, trì danh*” làm chánh đạo. Trong ba Kinh một luận Tịnh Độ có rất nhiều phương pháp đoạn ác tu thiện, như ba phước trong Quán Kinh đều thuộc về pháp trợ đạo, giúp chúng ta thành tựu nhất tâm bất loạn và Niệm Phật Tam Muội. Nếu tin sâu chẳng nghi những điều này thì là

“*có Căn*”. Nếu nghe Pháp Môn này cũng sanh lòng hoan hỷ, nhưng chưa hạ quyết tâm, tức là có Tín nhưng không có Căn. Hoặc là Thiên Tịnh Song Tu, Mật Tịnh Song Tu cho đến Mật Tịnh Thiên Tam Tu đều là “*không có Căn*”. Nếu Tín có Căn thì sẽ khởi lên tinh tấn

2) Tấn Căn: Tinh tấn là chân tu, Tinh là tinh thuần, Tấn là chẳng lười. Nếu có Tấn mà chẳng tinh ròng thì là Tạp Tấn, sức mạnh bị phân tán, tinh thần chẳng thể tập trung. Tín và Tấn nếu không có Căn, xét đến nguyên nhân vẫn là do thiếu sót cơ sở tốt đẹp là mười hai điều trong ba khoa trước. Phân tích tỉ mỉ, ngày nay niệm Phật chẳng đắc lực, tinh thần tán loạn, muốn cho thân tâm thanh tịnh, công phu đắc lực thì chẳng thể không càng thêm nghiêm túc tu tập ba khoa trước, chẳng mệt mỏi, chẳng biếng nhác. Trong học tập, phát sanh pháp hỷ và phát sanh trí huệ.

3) Niệm Căn: Niệm chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo, không nghĩ gì khác. Trong mười hai thời, thường niệm danh hiệu Phật, đây chính là pháp chánh đạo. Thường nghĩ tới lời Phật Giáo huấn, đây là trợ đạo thiện pháp. Hoàn toàn không xen tạp vọng niệm. niệm như vậy thì mới có thể sanh ra sức mạnh, tự có cảm ứng. Phiền não, vọng niệm ít đi thì tâm thanh tịnh, trí huệ tăng trưởng. Đây chính là hiệu quả tương ứng. Đọc Kinh hiểu rõ hơn trước, càng niệm càng cảm thấy có ý nghĩa mới mẻ, pháp vị mới mẻ, công phu càng sâu, thấu hiểu càng rộng.

4) Định Căn: Nhiếp tâm nơi chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo, tương ứng không tán loạn. Các địa vị Bồ Tát đều chẳng tách rời phương pháp tu học này.

5) Huệ Căn: Chánh đạo và trợ đạo trọng yếu như nhau. Liên Trì Đại Sư coi “*tín, nguyện, trì danh*” là chánh đạo mà cũng coi đó là trợ đạo. Chánh Trợ Song Tu đều là tín nguyện trì danh. Những vị Tổ Sư Đại Đức khác cho rằng phép quán tưởng và quán tượng trong Quán Kinh là trợ đạo. Những khai thị ấy đối với người có thiện căn sâu dày thì có ích không chi lớn bằng, nhưng đối với chúng ta thì chẳng đúng bệnh cho lắm. Là vì chúng ta trước hết phải hiểu rõ trạng huống thân tâm của chính mình, rồi lại còn phải coi trọng cả hiểu lẫn hành ba phước trong Quán Kinh và ba khoa trước của ba mươi bảy đạo phẩm trong sách Yếu Giải thì mới có hiệu quả thật sự.

**Có những kẻ cho rằng chuyên niệm một bộ Kinh dường như vẫn chưa đủ, cần phải học nhiều hơn. Lão Cư Sĩ Hoàng Niệm Tổ dạy người học Phật phải học nhiều Kinh Luận, cụ từng chỉ định từ mười đến hai mươi thứ, nhưng tôi dạy người học Phật phải chuyên, là vì tôi thấy có nhiều người khi lâm chung biết trước lúc mất, tự tại Vãng Sanh, lúc sống họ chưa từng đọc một bộ Kinh nào. Đủ thấy một bộ Kinh đủ lắm rồi, nhiều quá sẽ tạp. Chúng ta thấy Phật Pháp mênh mêng như sương khói tỏa trên mặt biển, làm sao không ngưỡng mộ, khâm phục? Hễ**

ngưỡng mộ, khâm phục sẽ mê! Do vậy, tôi thường nói “*Phật Pháp là mê cung*”, người học Phật chẳng thể không cẩn thận. Phật Thích Ca không hề có ý gạt người, Ngài muốn phổ độ chúng sanh, chứ không chuyên độ một mình quý vị! Huống chi Kinh Đại Thừa nói: “*Một Kinh thông, hết thấy Kinh thông!*” Như Huệ Năng Đại Sư của Thiên Tông, Sư chưa hề đọc một bộ Kinh nào. Thiên thứ nhất trong Đàn Kinh thuật tiểu sử của Sư. Sư là người bán củi, đưa củi đến giao cho người ta, ngẫu nhiên nghe có người đọc Kinh Kim Cang, Sư vừa nghe liền khai ngộ. Về sau, tới núi Hoàng Mai yết kiến Ngũ Tổ, Ngũ Tổ sai Sư làm việc nặng trong nhà bếp. Lão Hòa Thượng muốn truyền pháp, đệ tử Thần Tú giữ chức Thủ Tọa viết một bài kệ. Đại Sư nghe xong bèn sửa lại bài kệ ấy. Do nhân duyên đó, Ngũ Tổ bèn đem y bát truyền cho Sư. Lúc ấy, Sư mới hai mươi bốn tuổi. Ngũ Tổ bảo Sư hãy bỏ trốn để lánh nạn. Giữa đường, Sư gặp Tỳ Kheo ni Vô Tận Tạng đem Kinh Niết Bàn thỉnh giáo Sư. Kinh Niết Bàn có tới ba mươi sáu quyển. Sư nói Sư không biết chữ, bảo bà Vô Tận Tạng đọc cho Sư nghe. Sư nghe xong liền giảng giải cho Vô Tận Tạng, giảng hết một bộ. Ở Tào Khê, những chuyện giống như vậy thật nhiều. Như Thiên Sư Pháp Đạt niệm Kinh Pháp Hoa ba ngàn biến mà vẫn chưa khai ngộ. Kinh Pháp Hoa gồm bảy quyển, niệm ba ngàn biến phải mất mười năm công phu. Tới thỉnh giáo

Ngài Huệ Năng, Ngài Huệ Năng nói: “Ông đọc cho ta nghe!” Sư nghe xong hai phẩm, phẩm thứ hai là phẩm Phương Tiện, Lục Tổ liền giảng những ý nghĩa trong Kinh giảng cho Pháp Đạt, Pháp Đạt nghe xong cũng khai ngộ.

Một Kinh thông, hết thấy Kinh thông. Chúng ta cần gì phải kiếm thêm phiền toái? Cứ nhờ vào một câu Phật hiệu, niệm đến nhất tâm bất loạn thì chính là Niệm Phật Tam Muội, Định, Huệ hiện tiền. Định hiện tiền thì chẳng bị ngoại giới lay động, Huệ hiện tiền sẽ thông đạt hết thấy pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Người thông minh chẳng làm chuyện ngốc nghếch. Tôi giảng Kinh gần bốn mươi năm, ở Đài Trung, tôi theo học Kinh Luận với thầy Lý hơn ba mươi thứ, nhưng tôi thật sự dụng công chỉ có năm bộ Kinh. Như Kinh Hoa Nghiêm tôi chỉ nghe giảng một quyển, mà một bộ Hoa Nghiêm tôi cũng giảng được. Kinh Pháp Hoa và Kinh Địa Tạng tôi đều chưa học, nhưng cũng đã giảng Pháp Hoa Đại Ý và Kinh Địa Tạng. Kinh Điển Thiên Tông là Kinh Kim Cang tôi chưa từng học, Chứng Đạo Ca của Ngài Vĩnh Gia, Tín Tâm Minh, Đại Châu Hòa Thượng Ngũ Lục tôi cũng giảng rất nhiều lần, nhưng những thứ ấy tôi đều chưa học qua. Nếu thâm nhập một môn sẽ hiểu được tinh túy của môn ấy, nhất là Kinh A Di Đà và Kinh Vô Lượng Thọ đều là những bộ Kinh Đại Thừa chẳng thể nghĩ bàn, phân lượng không nhiều, nhưng

**nội dung gần như không gì chẳng bao gồm, hết thảy Pháp Môn đều chẳng thể vượt ra ngoài phạm vi của hai Kinh này. Nếu thâm nhập một môn, sẽ có thể dùng thời gian ít nhất mà thật sự đạt được Định Huệ. Thông đạt Sự, Lý, nhất định phải chuyên, phải tinh thì mới có thể tương ứng, không tán loạn.**

*“Vị chánh đạo cập chư trợ đạo thiện pháp, quán u Khổ đẳng Tứ Đế, danh Huệ Căn”* (Vị chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo mà quán Tứ Đế như Khổ v.v..., gọi là Huệ Căn). Phạm phu tuy thông minh, nhưng thiếu trí huệ, thông minh là do tâm ý thức sanh ra, còn trí huệ thì phải lìa tâm ý thức. Huệ là do Định sanh, tâm địa thanh tịnh có thể sanh ra trí huệ. Trí huệ hiện tiền, có thể nhận thức chánh đạo và trợ đạo rõ ràng, Tứ Niệm Xứ Quán chính là nhân sinh quan chánh xác đối với chân tướng của Vũ Trụ.

***(Giải) Ngũ Lực giả, Tín Căn tăng trưởng, năng phá nghi hoặc, phá chư tà tín, cập phá phiền não, danh Tín Lực.***

*(Giải: Ngũ Lực: Tín Căn tăng trưởng có thể phá nghi hoặc, phá các tà tín và phá phiền não, gọi là Tín Lực)*

Lực là tu hành có công phu. Cây cối đến giai đoạn trưởng thành liền có sức mạnh. Trong Tín có trí huệ chân thật. Quán Kinh nói ra chân lý sau đây: *“Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật”* (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật). Đây là lý luận căn bản nhất. Tin tưởng chắc

chấn điều này chẳng nghi thì trong đời này sẽ nắm chắc Vãng Sanh. Trong Di Đà Yếu Giải, Ngẫu Ích Đại Sư đã nói Tín gồm có sáu thứ. Điều thứ nhất là phải Tín Tự, tức là tin tưởng vào cái được gọi là “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”. Thế Giới Cực Lạc và A Di Đà Phật là do tâm tánh của chính mình biến hiện, Thế Giới Sa Bà cũng là do tự tánh của chính mình biến hiện. Y báo và chánh báo chẳng tách rời tâm tánh, tâm tánh mới chính là “*tạo vật chủ*” (tạo hóa) thật sự. Thiên Tông nói “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Thiên dùng phương pháp tham cứu. chúng ta dùng phương pháp niệm Phật. Niệm đến mức Sự nhất tâm bất loạn liền đoạn phiền não. Niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn liền kiến tánh. Hiểu rõ đạo lý này thì nghi hoặc “*có thể Vãng Sanh để một đời thành Phật hay không? Có thể thông đạt hết thảy Pháp Môn hay không*” sẽ tiêu trừ. Do vậy nói “*Tín Căn tăng trưởng, năng phá nghi hoặc*” (Tín Căn tăng trưởng, phá được nghi hoặc).

“*Phá chư tà tín, cập phá phiền não*” (Phá các tà tín và phá phiền não): Ở đây, “*tà tín*” bao gồm hết thảy tín ngưỡng, thậm chí những điều tin tưởng của Tiểu Thừa Thanh Văn, Duyên Giác và Quyền Giáo Bồ Tát trong Phật Giáo, những thứ ấy so với Đại Thừa đều là chẳng chánh. Nếu nâng lên mức cao hơn, nâng lên tới tiêu chuẩn tuyệt đối, chỉ có Pháp Môn Niệm Phật tín nguyện trì danh là chân chánh nhất trong các pháp chân chánh, những Pháp Môn Đại

Thừa khác đều là những pháp thiên lệch trong các Pháp Môn được coi là chân chánh. Thiện Đạo Đại Sư nói: *“Sở dĩ Như Lai xuất hiện trong cõi đời, chỉ nhằm nói ra Di Đà nguyện hải”*. Tín tâm kiên cố sẽ có sức mạnh, tự nhiên phá được các phiền não. Phá sạch phiền não sẽ sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư.

***(Giải) Tinh Tấn Căn tăng trưởng, phá chủng chủng thân tâm giải đãi, thành biện xuất thế đại sự, danh Tinh Tấn Lực.***

*(Giải: Tinh Tấn Căn tăng trưởng, phá các thứ biếng nhác nơi thân tâm, hoàn thành đại sự xuất thế, gọi là Tinh Tấn Lực).*

Trong Đại Thừa Phật Pháp, thiện căn duy nhất của Đại Thừa Bồ Tát là Tinh Tấn. Thiện căn thế gian gồm ba loại là *“không tham, không sân, không si”*. Tất cả hết thảy thiện pháp trong lục đạo của thế gian đều do ba thiện căn này sanh ra. Người ta làm bất luận chuyện gì cũng dễ dàng biếng nhác, lui sụt. Người tu pháp xuất thế gian đông đảo, nhưng người thành tựu ít ỏi, nguyên nhân là do biếng nhác, lui sụt. Đối với đại sự xuất thế gian mà luôn có thể tinh tấn, không lui sụt thì những chuyện nhỏ nhặt trong thế gian chẳng cần phải nói nữa. Chính mình thường trách móc tại sao công phu của bản thân không đắc lực, lấy niệm Phật để nói thì có người niệm ba năm, năm năm, chẳng có một tí hiệu nghiệm nào hết! Ấn Quang Đại Sư dạy: *“Khi niệm Phật, vọng niệm xen tạp vào đấy đó là hiện tượng bình thường, chẳng cần phải bận lòng lo lắng. Hễ nó khởi lên, cứ*



*mặc kệ nó, chỉ chú ý vào Phật hiệu*”. Dầu có vọng niệm cũng có thể nhờ nó để trừ nghiệm công phu của chính mình. Nói chung, ai trong khoảng thời gian tàn một cây hương (một tiếng rưỡi) mà có dăm ba vọng niệm thì công phu đã khá lắm rồi. Công phu như vậy cần phải mất ba năm. Nếu chẳng tích cực thì niệm ba mươi năm cũng chẳng đạt được! Nếu thật sự hiểu rõ sự thật, sẽ nhất định coi cầu sanh Tịnh Độ là đại sự bậc nhất trong một đời, ắt phải tinh tấn, không ăn cơm cũng chẳng sao, không có áo mặc cũng chẳng trở ngại gì, không có việc làm cũng không quan trọng, chứ không niệm Phật là không được. Dùng tinh thần ấy để niệm Phật, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Xã hội này khổ nạn quá nhiều, lo buồn chẳng thể giải quyết được, hết thấy vọng tưởng, chấp trước, so đo đều chẳng thể giải quyết vấn đề. Nhất là sống trong thời đại này, khiến cho chúng ta cảm thấy đời người khó khăn, khổ sở. Nếu chẳng cầu thoát lìa thì chỉ có liên tục chịu tội mà thôi!

***(Giải) Niệm Căn tăng trưởng, phá chư tà niệm, thành tựu nhất thiết xuất thế chánh niệm công đức, danh Niệm Lực.***

***(Giải: Niệm Căn tăng trưởng, phá các tà niệm, thành tựu hết thấy công đức chánh niệm xuất thế, gọi là Niệm Lực)***

Những cách nhìn và cách nghĩ sai lầm vừa nói trong phần trên đều là tà niệm. Thậm chí, đối với Phật Pháp cũng có những cách

nhìn và cách nghĩ sai lầm giống như vậy thì sẽ gây trở ngại rất lớn trong sự tu học. Niệm Căn đặc lực thì hết thấy sai lầm không còn nữa. So sánh trên phương diện tu trì, Pháp Môn Tịnh Tông đơn giản hơn. Càng đơn giản, càng dễ thành tựu. Nhất tâm chuyên trì danh hiệu Di Đà, nhất tâm chuyên cầu Vãng Sanh Tịnh Độ thì niệm ấy có sức mạnh, những vọng niệm khác tự nhiên chẳng sanh. Nhất tâm có sức mạnh, nhị tâm sẽ phân tán. Khi trí huệ chưa hiện tiền, Định Huệ chưa thành tựu thì chánh hay tà đều chẳng liên quan gì đến ta, tạm thời bỏ chúng qua một bên. “*Hết thấy công đức chánh niệm xuất thế*” chính là tín nguyện trì danh, mà cũng là như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm liên tục*”. Có như vậy thì Niệm Căn mới có thể thành tựu.

***(Giải) Định Căn tăng trưởng, năng phá loạn tưởng, phát chư Sự Lý Thiên Định, danh Định Lực.***

***(Giải: Định Căn tăng trưởng, phá được loạn tưởng, phát khởi các Sự Lý Thiên Định, gọi là Định Lực).***

Định phá được phiền não. Chữ “*loạn tưởng*” chỉ tham, sân, si, mạn, nghi. Định có thể phá được năm loại sai lầm lớn về mặt tư tưởng ấy. Sự và Lý bao gồm hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian. Hiểu rõ Lý rồi thì lý đặc, tâm an. Sự và Lý đều rất phức tạp: Hễ có một Lý ắt có một Sự, có một Sự ắt có một Lý. Chẳng thể nào có Sự ở ngoài Lý hoặc Lý ở ngoài Sự được! Thiên Định là ngoài chẳng chấp

tướng, trong chảng dấy lên phân biệt. Hết thấy sự đều thông đạt là Chiếu Kiến, chảng phải là nghiên cứu. Nghiên cứu là dùng ý thức. Phật Pháp dùng tham cứu, lia tâm ý thức để tham cứu. “*Thức*” là thức thứ sáu có công năng phân biệt, Ý là thức thứ bảy (Mạt Na Thức) có đặc tánh chấp trước, Tâm là thức thứ tám (A Lại Da Thức), chứa đựng chủng tử. “*Lìa tâm ý thức*” là chảng phân biệt, chảng chấp trước, chảng giữ lại ấn tượng.

***(Giải) Huệ Căn tăng trưởng, năng giá thông biệt chư Hoặc, phát chân vô lậu, danh Huệ Lực.***

***(Giải: Huệ Căn tăng trưởng, có thể ngăn chặn các Hoặc chung và riêng, phát khởi vô lậu chân thật, gọi là Huệ Lực)***

“*Giá*” có nghĩa là ngăn dứt. “*Hoặc*” là mê hoặc. Nói đơn giản, tất cả hết thấy mê hoặc đều chảng ngoài ba loại lớn là Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh. Ba loại lớn này biến hiện thành vô lượng tư tưởng, kiến giải, hành vi sai lầm cho đến quả báo sướng khổ khác nhau. Chỉ có trí huệ chân thật mới có thể ngăn dứt ba loại phiền não lớn này. Từ Tiểu Thừa Sơ Quả cho đến Đại Thừa Đẳng Giác Bồ Tát đều chảng thể lìa khỏi nguyên tắc, nguyên lý tu học của Ngũ Căn và Ngũ Lực.

***(Giải) Thất Bồ Đề Phần, diệt danh Thất Giác Phần. Trí huệ quán chư pháp thời, thiện năng gián biệt chân ngụy, bất mậu thủ chư hư ngụy pháp, danh Trạch Pháp Giác Phần.***

*(Giải: Thất Bồ Đề Phần còn gọi là Thất Giác Phần. Khi dùng trí huệ quán các pháp, có thể khéo phân biệt chân và ngụy, chẳng làm lẫn giữ lấy pháp hư ngụy thì gọi là Trạch Pháp Giác Phần).*

Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Phạn, nghĩa là Giác. Nó có tác dụng ngăn ngừa chướng ngại phát sanh trong quá trình tu học của hành giả. Trí huệ do Căn và Lực sanh ra. Môn cuối cùng trong Ngũ Căn và Ngũ Lực trong phần trên đều là trí huệ. Nếu không có Căn và Lực thì sẽ không có cách nào phân định hết thấy pháp là chân hay vọng. Nói tới “*chân vọng*” thì từ ngữ này bao quát rất nhiều thứ, đúng sai, tà chánh, thiện ác, thiên viên, đều bao gồm trong ấy. Ất phải có trí huệ chân thật thì mới có thể phân biệt Pháp Môn nào cần phải học. Đối với căn tánh của chính mình cũng phải dùng trí huệ để quán sát, chẳng thể xử sự theo tình cảm. Bởi lẽ, một pháp dù vi diệu đến mấy cũng chưa chắc đã khế hợp căn tánh của chính mình. “*Chư pháp*” bao gồm pháp thế gian và xuất thế gian. Ba khoa trước trong ba mươi bảy đạo phẩm, tức Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, dễ hiểu, dễ học. Còn khoa này khó hiểu, khó học vì chúng ta không có trí huệ chân thật, chẳng dễ gì phân biệt hết thấy các pháp chân vọng, tà chánh. Thường chọn làm Pháp Môn, lãng phí tinh lực

lần thời gian. Nếu có thể sớm quay đầu lại thì còn được. nếu chấp mê chẳng ngộ, khó thể thành tựu ngay trong một đời. Nếu là người không có trí huệ, nhưng thật sự có thiện căn, phước đức thì cũng có thể thành tựu. Người có thiện căn sẽ có thể tin, người có phước đức sẽ chịu tu, người thật thà, trung hậu dễ thành tựu. Từ xưa đến nay, những người niệm Phật Vãng Sanh trong Tịnh Tông quá nửa là nhờ vào thiện căn, phước đức mà được thành tựu. Tâm địa chân thành, cung kính, nghe đến Pháp Môn này sẽ tin vào Thánh Ngôn Lượng, Phật, Bồ Tát, Tổ Sư, Đại Đức chẳng gạt ai. “*Thật thà*” chính là bí quyết thành công. Nói đến thành phần tri thức thì phiền lắm. Họ nhất định phải hiểu rõ sự tình. nếu không, sẽ chẳng thể hoàn toàn tin tưởng, sốt sắng tu học. Thuở Đức Phật tại thế, thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng Kinh hơn ba trăm hội, chuyên nhằm xây dựng tín tâm, phá mê khai ngộ cho những kẻ ấy.

Dùng trí huệ quán sát thế gian, hiểu rõ chân tướng của pháp thế gian, chẳng lãng phí thời gian làm những chuyện chẳng liên can. Bất luận tạo thiện nghiệp tạo ác nghiệp đều là tạo nghiệp luân hồi lục đạo. Phật dạy chúng ta đoạn ác tu thiện. “*thiện*” ấy không phải là thiện trong “*thiện, ác*”. Thiện và ác là tương đối, hai bên đều lìa bỏ thì mới là chân thiện. Trong cuộc sống thường ngày có chuyện tốt lẫn chuyện xấu, khởi lên ý niệm tạo tác ắt sẽ rớt vào một bên. Dầu làm hết thủy thiện sự, trong tâm chẳng giữ lại ấn tượng, tận hết sức

thực hiện những chuyện tạo lợi ích cho chúng sanh trong thế gian. Trong tâm gìn giữ sự thanh tịnh, đạt đến mức tam luân thể không. Học Phật thì hết thấy Pháp Môn đều tốt lành, hết thấy Kinh Điển Đại Tiểu Thừa do Đức Phật nói đều có thể khiến cho con người viên thành Phật đạo. Nói theo mặt Lý là như thế, nhưng trên mặt Sự, căn tánh mỗi người khác nhau. Trong thuở ấy, Đức Phật giáo hóa chúng sanh, người đến chẳng cự tuyệt, kẻ đi chẳng giữ lại, không có sách giáo khoa, cũng không có Kinh bản. Trong đại hội, hễ ai hỏi, Phật liền đáp. Người đương cơ nghe giảng sẽ đạt được lợi ích. Lợi ích đạt được sâu hay cạn tỷ lệ thuận với căn cơ dày hay mỏng, như có người may mắn gặp Phật, đích thân nghe pháp âm, có thể là nghe xong liền khai ngộ, chứng quả. Chúng sanh đời sau có duyên với Phật kém hơn một bậc. Sau khi Phật diệt độ, các đệ tử kết tập lời Phật thuyết pháp thành Tam Tạng Kinh Luật Luận, người đời sau đọc đến, lắng lòng suy nghĩ xem căn tánh của chính mình có khế hợp Pháp Môn do Đức Phật đã dạy hay không? Nếu chính mình không có năng lực chọn lựa Pháp Môn thì Phật đặc biệt từ bi dạy chúng ta hãy tu Pháp Môn Niệm Phật. Trong Kinh Đại Tập, Đức Phật dạy: *“Thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu. Thời kỳ Tượng Pháp, Thiên Định thành tựu. Thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu”*, giống như Đức Phật đã thọ ký cho chúng ta. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Đức Phật nói: *“Thời Mạt Pháp, đến cuối cùng, hết thấy Kinh Điển đều bị diệt sạch,*

*vẫn giữ lại Kinh Vô Lượng Thọ tồn tại một trăm năm trong cõi đời”.*

Kinh A Di Đà và Kinh Vô Lượng Thọ là cùng một bộ Kinh. Kinh Vô Lượng Thọ được gọi là Đại Bản, Kinh A Di Đà được gọi là Tiểu Bản, hết sức thích hợp cho thời pháp diệt tận, chỉ cần chịu tu, sẽ có thể thành tựu ngay trong một đời. Vì thế, được gọi là Phật Pháp “*đương sanh thành tựu*” (thành tựu ngay trong một đời). Từ xưa, Tổ Sư, Đại Đức đã căn cứ trên Kinh Văn, chia thời gian sau khi Đức Phật diệt độ thành năm thời kỳ, mỗi thời kỳ dài năm trăm năm:

- Năm trăm năm thứ nhất là Giới Luật kiên cố.
- Thứ hai là Thiên Định kiên cố.
- Thứ ba là Đa Văn kiên cố, nhằm đúng vào thời đại hoàng kim của Phật Pháp trong triều đại Tùy Đường. Mọi người đều nghiên cứu lý luận, trước thuật rất nhiều.
- Thứ tư là Tháp Miếu kiên cố, ít người thật sự tu hành, chỉ lo dựng Chùa.
- Thứ năm là đấu tranh kiên cố, trong thời kỳ này có lắm sự tranh đấu. Vì vậy, Ngẫu Ích Đại Sư bảo chúng ta hãy “*tùy thuận giáo huấn chân thật*” của Chư Phật, “*Chư Phật*” chính là A Di Đà Phật, “*giáo huấn*” là tín nguyện trì danh. Không riêng gì A Di Đà Phật, thậm chí Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật và mười phương ba đời hết

thầy Chư Phật cũng dị khẩu đồng âm hộ trì, tán thán, khuyên khắp các chúng sanh trong đời sau hãy cầu sanh Tịnh Độ.

Chúng ta phải biết: Pháp thế gian dù chân hay vọng đều chớ nên giữ lấy. Nếu chẳng tu thiện sẽ trái nghịch bốn nguyện độ sanh của Chư Phật. Chúng ta đoạn ác tu thiện, sốt sắng nỗ lực thực hành, nhưng chẳng mong cầu gì! Trong Phật Pháp, chuyên tu Pháp Môn Niệm Phật thì có thể gọi là “*khéo chọn lựa pháp*”.

***(Giải) Tinh tấn tu chư đạo pháp thời, thiện năng giác liễu, bất mậu hành u vô ích khổ hạnh, thường cần tâm tại chân pháp trung hành, danh Tinh Tấn Giác Phần.***

***(Giải: Khi tinh tấn tu các pháp đạo, có thể khéo hiểu rõ, chẳng làm lạc hành các khổ hạnh vô ích, thường dốc lòng siêng năng hành pháp chân thật thì gọi là Tinh Tấn Giác Phần).***

“*Tinh*” là tinh thuần không tạp, “*tấn*” là chẳng lùi. Tinh tấn nhất định phải là cầu giác ngộ trong Phật Pháp bằng tịnh niệm. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta “*nhiep trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*” mới là chân tinh tấn. Trong sáu căn, sự giao tiếp giữa trong và ngoài được cai quản chủ yếu bởi ý thức. Tác dụng của năm căn là nhận biết sự vật, chứ không phân biệt. Thức thứ sáu là Ý Thức khởi tác dụng, phân biệt thiện, ác, tốt, xấu. Mắt chỉ thấy, chứ không phân biệt, thì tâm định. Hiểu khá rõ ràng tướng của sáu trần bên ngoài, đó



là Huệ. Chẳng khởi tâm động niệm là Định. Vĩnh viễn trụ trong Định Huệ là chân tinh tấn. Định và Huệ là một, chứ không phải hai. Định Huệ bình đẳng, Định là Thể của Huệ, Huệ là Dụng của Định. mà cũng có thể nói Huệ là Thể của Định, Định là Dụng của Huệ. Hiểu rõ sự thật này nhưng rất khó thực hiện được. Nếu chúng ta phân biệt, chấp trước thì dùng phương pháp Niệm Phật để phân biệt, chấp trước nơi A Di Đà Phật. Công phu đã vận dụng thuần thục rồi thì lại bỏ A Di Đà Phật đi. Dùng một câu danh hiệu A Di Đà Phật này để làm phương tiện hòng đạt đến Lý nhất tâm bất loạn. Đạt đến cảnh giới này, tuy vẫn niệm, nhưng niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm. Niệm Phật chỉ nhằm làm gương cho người khác, còn chính mình thì vô niệm. Niệm: Chẳng rớt vào Không. vô niệm: Chẳng rớt vào Có thì gọi là Trung Đạo. Câu Phật hiệu này quả thật chẳng thể nghĩ bàn! Đức Phật nói Kinh Hoa Nghiêm, tới cuối cùng là niệm Phật. Đức Phật nói Kinh Pháp Hoa đến cuối cùng cũng là niệm Phật. Thậm chí các tông phái Tánh, Tướng đến cuối cùng vẫn là niệm Phật. Tại Trung Quốc, Thiên Tông thịnh hành nhất. Trong Thiên Môn Nhật Tụng, đến tối bèn niệm A Di Đà Kinh, niệm A Di Đà Phật. Đây là sự giác ngộ triệt để của các vị Tổ Sư. Tổ Sư nói: *“Phàm ai học Phật mà chẳng muốn cầu sanh Tịnh Độ thì kẻ ấy chẳng thông hiểu Phật Pháp”*.

“*Thiện năng giác liễu*” (có thể khéo giác ngộ) là do công phu tu học mà thấu hiểu, chứng nghiệm. Mỗi lần đọc Kinh một lượt là một lượt giác ngộ, nhưng càng ngộ càng sâu. Đây là “*thiện năng giác liễu*”. Chớ nên tu những khổ hạnh, chẳng hạn như “*không ăn quá Ngọ*”, người Tiểu Thừa hết sức coi trọng điều này. Sau giờ Ngọ có thể dùng những thực phẩm nhẹ như uống nước đường, sữa v.v... Những phần lắng xuống trong các loại nước ấy đều chẳng được ăn. Pháp Đại Thừa tán thán ăn chay với mục đích bồi dưỡng lòng từ bi, gián tiếp không sát sanh. Huông chi hiện thời do ăn thịt mà chúng ta bị bệnh nhiều lắm. Tại Mỹ, rau xanh còn ăn được, ít dùng thuốc trừ sâu, chứ ở Đài Loan, rau xanh nhìn rất đẹp mắt, nhưng chẳng ngon lành gì. Có lẽ là do phun thuốc trừ sâu nhiều quá, có mùi vị khác hẳn rau xanh trồng tại Đại Lục.

***(Giải) Nhược tâm đắc pháp hỷ, thiện năng giác liễu thử hỷ, bất y diên đảo chi pháp nhi hỷ, trụ chân pháp hỷ, danh Hỷ Giác Phần.***

***(Giải: Nếu tâm đắc pháp hỷ, khéo có thể hiểu rõ niềm vui này, chẳng vui theo những pháp diên đảo, trụ trong chân pháp hỷ, thì gọi là Hỷ Giác Phần)***

Trong pháp thế gian cũng có “*pháp hỷ*”, như câu thứ nhất trong Luận Ngữ là: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi tập luyện, chẳng vui lắm sao). Chữ Duyệt này chính là pháp hỷ. Pháp hỷ

từ nội tâm phát ra. Dùng tâm chân thành, cung kính đọc Kinh, cảm thấy có chỗ ngộ, ý vị vô cùng, đây là pháp hỷ. Trước kia, học trò nhỏ đi học trường tư, bảy tám tuổi học Tứ Thư. Tới năm bảy tám mươi tuổi, đọc những sách ấy vẫn thấy ý vị tràn trề, là do quả thật có lãnh ngộ, tức là cảm thấy vui sướng. Niềm vui do đọc sách là sự hưởng thụ tối cao trong đời người.

Đại Sư nói: “*Bất y điên đảo chi pháp nhi hỷ*” (Chẳng vui theo pháp điên đảo). So với sách vở thế tục thì Kinh Điển Nho gia là chánh, nhưng nếu đem so với Phật Pháp thì Phật Pháp là chánh. Mục tiêu tu học của Nho gia không ngoài “*tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*”, chẳng thể thoát khỏi tam giới! Dem pháp Tiểu Thừa so với pháp Đại Thừa, pháp Đại Thừa là chánh. Dem Đại Thừa Phật Pháp so với trì danh niệm Phật thì trì danh niệm Phật là thuần chánh, vượt trội hết thảy Pháp Môn Đại Thừa. Nếu lại tu học những Pháp Môn khác, chính là đã lãng phí hết sạch tinh lực và thời gian rồi. Cơ hội hy hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay, hôm nay đã được gặp, hãy sốt sắng tu học! Càng học thì sự lãnh ngộ càng sâu, càng học thì tín tâm đối với sự Vãng Sanh Tây Phương Thế Giới càng chân thật, thiết tha.

***(Giải) Nhược đoạn trừ chư kiến phiền não chi thời, thiện năng giác liễu, trừ chư hư ngụy, bất tổn chân chánh thiện căn, danh Trì Giác Phần***

*(Giải: Nếu khi đoạn trừ các kiến phiền não, khéo có thể giác ngộ, trừ các hư ngụy, chẳng tổn hoại thiện căn chân chánh thì gọi là Trừ Giác Phần)*

Đây chính là chi thứ tư trong Thất Giác Chi, tức Trừ Giác Phần, rất gần gũi với chi thứ năm là Xả Giác Phần. Trừ là đối nội, Xả là đối ngoại. Phân chia như vậy cho dễ hiểu. “*Chư kiến phiền não*” chính là Kiến Tư phiền não như các Kinh Luận đã nói, hoặc còn gọi là Kiến Tư Hoặc. Đây chính là tên gọi chung của phiền não, và cũng là cội nguồn của tam giới lục đạo. Nếu đoạn trừ Kiến Tư phiền não thì luân hồi lục đạo sẽ không còn nữa. Trong Chứng Đạo Ca của Vĩnh Gia Đại Sư có câu: “*Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên*” (Trong mộng rành rành trọn sáu nẻo, tỉnh rồi tam giới rộng toang hoang). Kiến Tư Hoặc chia thành hai thứ là Kiến Hoặc và Tư Hoặc. Kiến Hoặc là Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Cấm Thủ Kiến, Tà Kiến. Tư Hoặc là Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi. Trong phần sau sẽ giải thích cặn kẽ, ở đây không cần phải nói rườm rà.

Sự tu học trong Tịnh Tông dựa trên Kinh A Di Đà và Kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Văn của Kinh A Di Đà chẳng dễ hiểu cho lắm, may là có hai tác phẩm bất hủ là Sớ Sao của Liên Trì Đại Sư và Di Đà Yếu Giải của Ngẫu Ích Đại Sư, giúp ích cho sự tu học của chúng ta không chi lớn bằng. Chỉ cần công phu niệm Phật thuần thực,

chúng ta cũng sẽ đạt được cảnh giới và hiệu quả như trong Thiên Tông. Họ dùng phương pháp tham cứu, không phải ai cũng có thể làm được. Chúng ta dùng phương pháp nhất tâm chuyên niệm thì ai cũng có thể thực hiện được. Trong khi đoạn trừ các kiến phiền não, bèn hết sức khéo léo trừ các hư ngụy, trọn chẳng tổn hại thiện căn chân chánh. Ba thứ thiện căn trong pháp thế gian là vô tham, vô sân, vô si. Giả sử trừ được phiền não thì đương nhiên sẽ chẳng làm những chuyện xấu, nhưng chuyện tốt cũng không làm thì thiện căn chân chánh đã bị tổn hại, lại đi chệch đường rồi. Đoạn ác tu thiện dù trong pháp thế gian hay xuất thế gian đều là chuyện phải làm hằng ngày. Không có ác, cố ý làm một chút ác. Không có thiện, cố ý làm một chút thiện, nhằm khơi gợi sự giác ngộ của chính mình. Trong cuộc sống vẫn là biểu diễn. Đây là phương tiện thiện xảo, không làm là tự lợi, còn làm thì là lợi tha. Thiện căn trong pháp xuất thế chỉ có một điều, tức là tinh tấn. Dũng mãnh tinh tấn, không mỏi mệt, chán ngán, chẳng tổn hại thiện căn chân chánh. “*Trừ các hư ngụy*”: Tiếng tăm, lợi dưỡng và sự hưởng thụ cá nhân đều là hư ngụy. Người thế gian đoạn ác tu thiện là vì có mục đích, chứ hoàn toàn chẳng phải vô điều kiện. Điều gì không có lợi ích họ sẽ chẳng làm. Chư Phật, Bồ Tát vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, Bi có thể dẹp khổ, Từ có thể ban vui. Từ bi lại thêm vào một chữ “*đại*” tức là vô điều kiện, hết thảy những thứ gì có điều kiện đều là hư ngụy.

***(Giải) Nhược xả sở kiến niệm trước cảnh thời, thiện năng giác liễu sở xả chi cảnh, hư nguy bất thật, vĩnh bất truy ức, danh Xả Giác Phần.***

*(Giải: Nếu buông bỏ sự chấp trước vào cảnh trong khi thấy nghĩ, khéo có thể hiểu rõ cảnh bị bỏ là hư nguy, chẳng thật, vĩnh viễn chẳng theo đuổi, nhớ tưởng chúng thì gọi là Xả Giác Phần)*

Xả là đối với cảnh bên ngoài mà nói, mà cũng chính là những thứ ta thường gọi là “*vật ngoài thân*”. Bên trong buồng Kiến Tư phiền não xuống, bên ngoài buồng ngũ dục lục trần, tiếng tăm, lợi dưỡng xuống. “*Cảnh*” là cảnh giới. những gì do mắt thấy đều gọi là Sắc, do tai nghe thì gọi là Thanh, do mũi ngửi gọi là Hương, cho đến Ý, Ý chính là ý niệm. Cái để ý duyên vào thì gọi là Pháp. Lục Căn là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý, tương ứng với sáu loại cảnh giới lớn bên ngoài là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Sáu loại cảnh giới lớn này hư huyền, không thật. Hễ nói tới “*chân thật*” thì phải tồn tại vĩnh viễn, không bị biến đổi. Nếu bị biến đổi sẽ là hư nguy. Thân thể con người có sanh, lão, bệnh, tử, thời thời khắc khắc biến hóa, chẳng phải là chân thật. Thực vật có sanh, trụ, dị, diệt. Khoáng vật có thành, trụ, hoại, không. Thiên Thân Bồ Tát quy nạp hết thấy các pháp thành một trăm loại lớn, gọi là Bách Pháp. Trong Tướng Tông có cuốn Bách Pháp Minh Môn Luận là sách nhập môn của Đại Thừa. Trong một trăm pháp ấy, lại chia ra pháp hữu vi và pháp vô vi. Pháp

hữu vi có sanh, có diệt. Pháp vô vi vô sanh vô diệt. Pháp vô vi có sáu thứ, pháp hữu vi bao gồm tâm, tâm sở, sắc, bất tương ứng hành, gồm chín mươi bốn thứ. Trong các pháp vô vi có hư không vô vi. Đường như từ cổ đến nay, hư không chẳng biến hóa. Hễ biến hóa thì chẳng phải là chân thật, chớ nên chấp trước. Hễ chấp trước, phiền não liền sanh, đây là do chính mình chuốc lấy. Đã biết chúng chẳng phải là thật, cũng phải biết nguồn cội của chúng rồi mới có thể thật sự buông xuống được. Đức Phật nói: Trong mười pháp giới, y báo và chánh báo trang nghiêm là Tướng Phần trong chân tâm bản tánh của chúng ta. Bản tánh là chủ thể có công năng biến hiện (Năng Biến), Tướng Phần là cái được biến hiện (Sở Biến) bởi bản tánh. Có thể thấy rằng Năng Biến là chân, Sở Biến là giả hữu. Bản tánh là Chân Không, Lục Tổ nói: “*Bổn lai vô nhất vật*” (Vốn chẳng có một vật), nhưng có thể biến hiện hết thảy pháp. Do vậy, bản tánh là Thể, Tướng là hình tượng được hiện ra. Kinh Hoa Nghiêm dạy “*hết thảy pháp chỉ do Tâm hiện, chỉ do Thức biến*”. Tướng có biến hóa, do Thức khởi tác dụng. Thức là phân biệt, chấp trước. Nếu như bản tánh hiện tướng thì tướng ấy được gọi là Nhất Chân Pháp Giới. Trong tâm có Kiến, Tư, phân biệt, chấp trước, liền biến hiện ra lục đạo, luân hồi.

Mười phương vô lượng vô biên các Thế Giới Phật, hết thảy các vị Phật, Bồ Tát cũng là vật được biến hiện từ tâm tánh của chính mình, thường nói “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”. Hiện tại, chúng

ta có bao giờ chẳng phải là “*duy tâm uế độ, tự tánh Thích Ca*” chẳng? Lìa khỏi tâm tánh sẽ không có một pháp nào để được. Đây chính là “*thiện năng giác liễu*” (khéo có thể hiểu rõ). Huống chi, trong Kinh Phật đã khai thị: “*Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh*”. Tâm tướng điều gì liền biến ra điều ấy. Đại đa số mọi người chết đi sẽ đọa vào tam ác đạo, là do họ nghĩ đến tham bèn đọa ngã quỷ, nghĩ đến sân bèn đọa địa ngục, nghĩ đến si, chẳng phân biệt tà chánh, thiện ác, lợi hại rõ ràng, hồ đồ mờ mịt, bèn đọa vào súc sanh. Niệm Phật tướng Phật, nhất định sẽ thành Phật, niệm Trời tướng Trời, nhất định sẽ sanh lên Trời. Chuyện sanh lên Trời trong Cơ Đốc Giáo hay Thiên Chúa Giáo là thật, chẳng phải là giả. Nếu niệm Phật, tướng Phật, trong tâm lại tướng tham, sân, si thì tam ác đạo vẫn có phần, không về Tây Phương được! Phải hiểu rõ ràng đạo lý ấy, phải buông xuống hết thấy, chết lòng sát đất niệm một câu A Di Đà Phật, trong một đời này có thể thật sự vượt thoát tam giới, đồng thời tùy duyên tùy phận giúp đỡ người khác khai ngộ, lìa khổ, được vui. Đây là tâm đại từ bi của chính mình, không có bất cứ điều kiện nào. Coi những điều đó như những chuyện thuộc về bốn phận phải làm. Bởi lẽ, hết thấy chúng sanh và ta đồng thể, “*đồng thể đại bi*”, từ đó sanh ra “*vô duyên đại từ*”, như cha mẹ yêu thương con cái vô điều kiện. Ngũ dục, lục trần, tiếng tăm, lợi dưỡng đã là hư vọng thì phải bỏ. Bỏ xong, vĩnh viễn chẳng còn tướng nhớ, đó gọi là Xả Giác Phần.



***(Giải) Nhược phát chư Thiên Định chi thời, thiện năng giác liễu chư Thiên hư giả, bất sanh ái kiến vọng tưởng, danh Định Giác Phần.***

***(Giải: Nếu lúc phát khởi các Thiên Định mà khéo có thể hiểu rõ các môn Thiên là hư giả, chẳng sanh ái kiến, vọng tưởng, thì gọi là Định Giác Phần).***

Đối với hai loại trên, nếu thực hiện đến mức có hiệu quả chân thật thì sẽ đắc Thiên Định. Trừ Giác Phần khiến cho nội tâm thanh tịnh, tách lìa hết thảy phân biệt, chấp trước. Xả Giác Phần khiến cho hành giả quyết định chẳng bị cảnh giới bên ngoài lay động, Thiên Định tự nhiên hiện tiền. Công phu Trừ và Xả sâu đậm thì công phu định lực cũng sâu. Định là trạm dừng giữa đường, chẳng phải là mục tiêu rốt ráo. Hơn nữa, Thiên Định sâu hay cạn vô lượng vô biên, tuyệt đối chớ nên “*được chút ít đã cho là đủ*”, khoe khoang với người khác. Tứ Thiên Bát Định là Thiên Định thế gian. Vì sao chẳng thể đạt đến Cửu Thứ Đệ Định, chứng quả La Hán, vượt thoát tam giới? Gốc bệnh là ở chỗ “*ái kiến, vọng tưởng*”. Hành giả hết sức ưa thích những cảnh giới trong Định, lại còn hiểu lầm là đã nhập Niết Bàn! Nếu chẳng sanh ái kiến vọng tưởng thì Thiên Định sẽ sanh ra trí huệ. Người niệm Phật niệm đến mức “*công phu thành phiền*” sẽ rất gần với Thiên Định. Niệm đến mức Sự nhất tâm bất loạn chính là Thiên Định. Khi ấy, trọn chớ nên sanh khởi ái kiến vọng tưởng. Câu

niệm Phật này cứ một mực niệm mãi, hãy thường so sánh với Phật, Bồ Tát, đừng so sánh với phàm phu, để khỏi sanh tâm ngạo nghễ, ngã mạn, vĩnh viễn giữ được lòng khiêm hư, cung kính hết thầy. Đây là Định Giác Phần.

*(Giải) Nhược tu xuất thế đạo thời, thiện năng giác liễu, thường sử Định Huệ quân bình, hoặc tâm trầm một, đương niệm dụng Trạch Pháp, Tinh Tấn, Hỷ tam giác phần, dĩ sát khởi chi. Hoặc tâm phù động, đương niệm dụng Trì, Xả, Định tam giác phần, dĩ nhiếp trì chi, điều hòa thích trung, danh Niệm Giác Phần*

*(Giải: Nếu khi tu đạo xuất thế, khéo có thể hiểu rõ, thường khiến cho Định và Huệ cân bằng. Nếu tâm chìm đắm, hãy nên nghĩ dùng ba thứ Giác Phần là Trạch Pháp, Tinh Tấn và Hỷ để dấy lên sự quán sát. Nếu tâm phập phều, chao động, hãy nên nghĩ dùng ba môn Giác Phần là Trì, Xả và Định để nhiếp trì cái tâm, điều hòa cho thích hợp, thì gọi là Niệm Giác Phần)*

Hãy nên dùng Thất Bồ Đề Phần trong công phu tu hành bình thường, dùng sao cho ổn thỏa thì sẽ giúp ích rất lớn cho sự tu học. Bất cứ tông phái, Pháp Môn nào cũng đều có hai loại bệnh:

- Một là hôn trầm, thường cảm thấy mệt mỏi, tinh thần trì trệ. Niệm Phật chưa được bao lâu, hễ vừa Chỉ Tịnh liền ngủ gục. Công phu nhất định phải giữ cho Định và Huệ cân bằng. Định nhiều sẽ hôn

trâm, Huệ nhiều sẽ cảm thấy trong tâm lao xao, vọng niệm lên xuống nhộn nhịp. Nếu gặp tình trạng như vậy, liền sử dụng ba môn Giác Phần trong phần trước là Trạch Pháp, Tinh Tấn và Hỷ để điều chỉnh. Khi đã tọa gặp hiện tượng ấy, liền đứng lên nhiễu Phật hoặc lễ Phật, hoặc tưởng A Di Đà Phật lúc đang tu nhân nỗ lực tinh tấn tu hành, thấy người hiền liền mong được bằng. Trong Niệm Phật Đường thời cổ phải nương tựa vào đại chúng, có hoàn cảnh tu học tốt đẹp. Hiện thời, những Đạo Tràng lớn đều biến thành địa điểm du lịch, xe du khách ra vào không ngớt, khó thể thanh tịnh. Hiện thời, thật sự dụng công vẫn chẳng bằng tại nhà. Ngày nay có băng thâu âm, băng thâu hình, máy niệm Phật, thuận tiện hơn trước kia. Mời mấy người chí đồng đạo hợp tu chung với nhau. Đạo Tràng Dallas của chúng ta chia thành ba khu nhiễu Phật, lễ Phật, tịnh tọa niệm Phật, mỗi khu chẳng làm rộn lẫn nhau. Không có Pháp Sư hướng dẫn thì mở máy niệm Phật, tiếng niệm Phật không ngừng. Bước vào Phật đường một câu cũng không nói, thấy người khác không chào hỏi, hoàn toàn dựa theo Phật hiệu để niệm Phật, không có bất cứ áp lực nào.

- Nếu trong tâm rất nhiều vọng niệm, phập phều vọng động lao xao, đây chính là tập khí từ vô thủy kiếp đến nay, tu luyện trong cuộc sống thường ngày hãy dùng ba môn Giác Phần là Trừ, Xả và Định để nhiếp trì, luôn điều hòa sao cho thích đáng, làm cho tâm chẳng bị xen tạp. Tuy trong một lúc chẳng thể trừ sạch, chớ nên gấp rút mong trừ

được, chớ nên miễn cưỡng, nhất định phải sao cho thân tâm thoải mái, hoan hỷ, càng học tâm càng thanh tịnh, phiền não ngày càng giảm, trí huệ tăng trưởng là được.

***(Giải) Bát Thánh Đạo Phần, diệt danh Bát Chánh Đạo Phần.  
Tu vô lậu hạnh quán, kiến Tứ Đế phân minh, danh Chánh Kiến.***

***(Giải: Bát Thánh Đạo Phần còn gọi là Bát Chánh Đạo Phần.  
Tu vô lậu hạnh quán, thấy Tứ Đế rành mạch, thì gọi là Chánh Kiến)***

Khoa cuối cùng trong ba mươi bảy đạo phẩm là Bát Chánh Đạo, còn gọi là Bát Thánh Đạo. Bát Chánh Đạo là khoa mục trọng yếu nhất trong Phật Môn, tiêu chuẩn rất nhiều. Tiểu Thừa cũng có Bát Chánh Đạo, mỗi một tông phái trong Đại Thừa cũng có Bát Chánh Đạo, tiêu chuẩn trong mỗi một tông phái khác nhau. Ở đây, Đại Sư giảng Bát Chánh Đạo theo tánh chất nguyên tắc.

“*Tu vô lậu hạnh quán, kiến Tứ Đế phân minh*”: Tứ Đế chính là danh xưng chung của pháp thế gian và xuất thế gian, tức Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khổ là quả báo thế gian. Tập là nhân duyên thế gian, nói rõ chân tướng của pháp thế gian. Diệt và Đạo là pháp xuất thế gian. Diệt là diệt phiền não, diệt sanh tử. Diệt là quả xuất thế gian, Đạo là nhân xuất thế gian. Khổ, Tập, Diệt, Đạo là hai tầng nhân quả, mà cũng là chân tướng của nhân sinh và Vũ Trụ. Nếu muốn thấy đạo thì phải tu vô lậu hạnh quán. Câu này bao gồm hết thủy phương pháp tu

học Đại Tiểu Thừa. “*Lậu*” là tên gọi khác của phiền não, là danh từ phản nghĩa của Chân Như bốn tánh. Đây chính là tỷ dụ Chân Như bốn tánh có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, khiến cho Bát Nhã, trí huệ, vô lượng công đức vốn sẵn có trong bốn tánh bị rò rỉ. Nếu tương ứng với bốn tánh thì gọi là “*vô lậu*”. Do vậy, phải tu pháp vô lậu thì mới có thể thấy được chân tướng của nhân sinh và Vũ Trụ. Thánh Nhân Tiểu Thừa đoạn được Kiến Tư phiền não, nên gọi là “*vô lậu*”, nhưng so với Đại Thừa thì tuy đoạn được Kiến Tư, vẫn còn có Trần Sa và Vô Minh chưa đoạn, chẳng thể gọi là “*chân vô lậu*”. Ất phải đoạn sạch Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh thì sẽ là phẩm vị Thập Địa Bồ Tát trong Đại Thừa Viên Giáo. Hàng Địa Thượng Bồ Tát (tức Bồ Tát đắc Sơ Địa Bồ Tát trong Viên Giáo trở lên) còn được gọi là Đại A La Hán, cũng gọi là Vô Học, ngụ ý đã tốt nghiệp rồi không cần phải học nữa. Thông thường, bậc Bồ Tát phá một phần vô minh, thấy một phần chân tánh thì vị ấy cũng được xếp vào hàng “*chân thật vô lậu hạnh quán*”, tức là từ bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo trở lên, hoặc Đẳng Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo. Do vậy, tiêu chuẩn của Bát Chánh Đạo rất cao. Trong các tông phái khác, đạt đến cảnh giới này chẳng dễ dàng. Tịnh Tông là Pháp Môn bình đẳng thành Phật. Hết thấy chúng sanh tu pháp bình đẳng: Đẳng Giác Bồ Tát lẫn phàm phu cùng tu học và chứng đắc một pháp “*tín, nguyện, trì danh, cầu nguyện Vãng Sanh*”. Nếu tin tưởng chẳng hoài nghi sự trang

nghiêm nơi y báo và chánh báo của Tây Phương thì đây chính là Chánh Kiến trong Tịnh Tông, có cùng kiến giải với Chư Phật Như Lai.

***(Giải) Dĩ vô lậu tâm tương ứng tư duy, động phát giác tri trừ lượng, vị linh tăng trưởng, nhập đại Niết Bàn, danh Chánh Tư Duy.***

*(Giải: Dùng tâm vô lậu để tư duy tương ứng, dấy khởi sự hay biết, tính toán, so sánh, nhằm tăng trưởng, nhập đại Niết Bàn, thì gọi là Chánh Tư Duy).*

“Vô lậu tâm” là chân tâm, vọng tâm là hữu lậu, chẳng thanh tịnh. Quán Kinh nói “chí thành tâm”, Đại Thừa Khởi Tín Luận nói “trực tâm”, Nho gia nói “thành ý chánh tâm”, những tâm ấy cũng tương tự với vô lậu tâm ở đây. Thanh tịnh tâm khởi tác dụng là trí huệ. Vô lậu tâm chính là Thật Trí, khởi ra tác dụng là Quyền Trí. Câu “động phát giác tri trừ lượng” là nói về sự khởi tác dụng, chính là “chiếu kiến” như trong Tâm Kinh đã nói. “Tư duy” được nói ở đây hoàn toàn chẳng phải là sự nghiên cứu, suy xét thuộc phạm vi ý thức như chúng ta thường nói. Ở đây, “tư duy” biểu thị sự thông đạt, hiểu rõ hết thấy các pháp, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài liền thông đạt, hiểu rõ, có thể tăng trưởng, tiến nhập Đại Niết Bàn là cảnh giới chứng đắc trong quả địa Như Lai. Đây chính là Chánh Tư Duy. Trong Tịnh Độ Tông, hành nhân dùng thức thứ sáu

là Ý Thức để suốt ngày từ sáng đến tối nghĩ tới sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, nghĩ tới A Di Đà Phật. Đây là Chánh Tư Duy. Quả báo là Vãng Sanh Tịnh Độ, đã Vãng Sanh rồi thì trong một đời sẽ nhất định chứng đắc Đại Niết Bàn.

*(Giải) Dĩ vô lậu huệ, trừ tứ tà mạng, nhiếp chư khẩu nghiệp, trụ nhất thiết chánh ngữ trung, danh Chánh Ngữ.*

*(Giải: Dùng vô lậu huệ trừ bốn thứ tà mạng, giữ gìn các khẩu nghiệp, luôn nói hết thấy lời lẽ chân chánh thì gọi là Chánh Ngữ).*

“Tứ tà mạng” ở đây là “tri kiến, tư tưởng, và phương pháp mưu sinh bất chánh”.

**Thứ nhất là Phương Khẩu Thực.** Chữ Phương chỉ bốn phương. Giao tế bốn phương, đến các nơi du ngoạn, ve vãn, nịnh hót, bợ đỡ những kẻ hào môn, quyền quý để tham cầu cúng dường.

**Thứ hai là Duy Khẩu Thực,** tức là dùng chú thuật trị bệnh, bói toán cát hung, đoán mạng, xem tướng, xem Phong Thủy.

**Thứ ba là Ngưỡng Khẩu Thực** tức ngửa mặt lên Trời coi tinh tú, để tiên đoán hên xui, đều là những mảnh khốe thuộc loại mê hoặc chúng sanh.

**Thứ tư là Hạ Khẩu Thực,** tự mình cày cấy để duy trì cuộc sống.

Sau khi Phật Giáo truyền đến Trung Quốc, bốn thứ này vẫn tồn tại. Trung Quốc khác với Ấn Độ, Ấn Độ hết sức cung kính người xuất gia. Người xuất gia ôm bát khát thực, dân chúng cúng dường, nhưng ở Trung Quốc, rất dễ mang lòng khinh miệt, chê cười kẻ xuất gia khát thực. Sợ chúng sanh tạo tội nghiệp nên không thể hành hạnh khát thực. Trong phần trước, tôi có nói Ngài Kiều Phạm Ba Đề là một vị đặc đạo, Ngài có tật miệng thường nhai nhóp nhép, sợ người ta chê cười tạo tội nghiệp, nên Phật không cho phép Ngài khát thực, bảo hãy nhận sự cúng dường của Chư Thiên. Quy định chư Tăng ban đêm ngủ dưới gốc cây ở Trung Quốc cũng không thực hiện được. Cao Tăng Ấn Độ đến Trung Hoa là do Quốc Vương, triều đình lễ thỉnh mà tới. Người Trung Quốc tôn sư trọng đạo, đâu thể nào bảo thầy qua đêm dưới gốc cây! Do vậy, Trung Quốc lo toan chuyện ăn ở cho các vị Cao Tăng đến mức tốt đẹp nhất, há lại bảo thầy ngủ dưới gốc cây? Vì thế, nhất loạt phế bỏ cách thức sống theo lối Ấn Độ. Đạo Tràn Trung Quốc hễ được tạo dựng đều có núi, có ruộng cho nông dân cấy rẽ, định thời hạn nộp tô. Cuộc sống trong Chùa Miếu khá an định, tâm an thì đạo sẽ hưng vượng. Ngày nay, phải dựa vào tín đồ cúng dường, nên chẳng dám làm mất lòng tín đồ. Do vậy, bốn thứ tà mạng này khó thể trừ hết được.



Chúng ta tách lìa bốn thứ tà mạng này, sống hết sức đơn giản thì cũng xong. Nếu chẳng thể chịu khổ, khó thể thành tựu đạo nghiệp. Lời dặn dò tha thiết tối hậu của Đức Phật là *“hãy lấy Giới làm thầy”*. Hơn nữa, Kinh Điển còn chép *“lấy khổ làm thầy”*. Sống thanh bần khiến cho con người có ý tưởng xuất ly, mà cũng có thể nêu gương tốt đẹp nhất cho người tu hành. Buông xuống hết thầy, một lòng với đạo, nhất là đối với Pháp Môn này, sẽ thành tựu nhanh chóng không chi sánh được. Nếu thật sự chịu tu, Kinh dạy *“hoặc một ngày, hoặc bảy ngày, sẽ có thể thành tựu”*. Kinh này là Kinh được hết thầy Chư Phật hộ niệm. Đã được Chư Phật hộ niệm thì hết thầy thiên long bát bộ, hộ pháp, quỷ thần tự nhiên nhất loạt hộ trì. Chúng ta cứ việc yên tâm, cuộc sống giao trọn cho Phật, Bồ Tát, chẳng cần phải bận khoăn. Nghe nói kiểu này, chắc những đồng tu sơ cơ không thể tiếp nhận mà cũng chẳng dám làm.

Thứ nhất là do chưa hiểu biết rõ ràng Pháp Môn này. Thứ hai là vì thiện căn, phước đức chẳng đủ. Lúc tôi mới học Phật, Chương Gia Đại Sư bảo tôi: *“Cả một đời ông chuyên tâm tu học, hoằng dương Phật Pháp thì đối với thân thể và cuộc sống của chính mình chẳng cần phải lo nghĩ nữa, nhất loạt đều do Phật, Bồ Tát an bài. Dầu sống thanh bần cũng không sao hết, dầu thế nào cũng chẳng cần phải bận tâm”*. Tôi hết sức tôn kính Chương Gia Đại Sư, nghiêm túc y giáo

phụng hành, tôi đạt được một chút tốt đẹp, được tự tại một chút đều nhờ ân huệ của Chương Gia Đại Sư.

*“Nhiếp chư khẩu nghiệp”*: Đừng nói người khác đúng, sai, hay, dở, đừng nói lời thô lỗ, đừng hoa ngôn xảo ngữ. *“Trụ nhất thiết chánh ngữ trung”*, cũng chính là ăn nói đúng với bản phận. Không riêng gì trong Đạo Tràng Tịnh Độ, mà trong các Chùa Miếu thông thường, người xuất gia hễ đôi bên hỏi han nhau đều dùng A Di Đà Phật để đáp lời. Đây chính là chánh ngữ thông dụng trong hết thầy tông phái.

***(Giải) Dĩ vô lậu huệ, trừ thân nhất thiết tà nghiệp, trụ thanh tịnh chánh thân nghiệp trung, danh Chánh Nghiệp.***

*(Giải: Dùng vô lậu huệ để trừ hết thầy tà nghiệp nơi thân, trụ trong thân nghiệp thanh tịnh chân chánh thì gọi là Chánh Nghiệp).*

Khi chúng ta tạo tác thì gọi là Sự, cũng gọi là “hành vi”, kết quả của nó được gọi là Nghiệp. Xét theo phương diện nhân quả thì Hành (thực hiện, hành vi) và Sự là nhân, Nghiệp là quả. Nghiệp có thiện và ác. Khởi tâm, động niệm, tư duy, tưởng tượng, thuộc về Ý Nghiệp. ý tạo nghiệp. Nói năng là miệng tạo nghiệp. Do thân thể tạo tác thì gọi là Thân Nghiệp. Người Hoa nói tới lễ tiết. Lễ là chế độ, nhất cử nhất động đều hợp với lễ tiết, duy trì trật tự xã hội, nhưng chẳng thể quá mức, mà phải thích đáng phù hợp. Trong thời đại hiện

tại, lễ tiết theo Nho gia không còn nữa, oai nghi của nhà Phật cũng không còn nữa. Chúng ta không có sức cứu vãn, nhưng phải cảnh giác, giữ gìn tiết tháo của chính mình. Lễ phép, khiêm nhượng đối với người khác, tự khiêm, đề cao người khác, chẳng tạo hết thảy ác nghiệp, lợi dụng thân thể này để miệng niệm Phật, tâm tưởng Phật, thân lễ Phật, dựa theo những nghi thức tu niệm để chuyên tu lễ bái. Trong khi lễ bái bèn quán tưởng. Trong nghi thức Tịnh Tu Tiệp Yếu của Lão Cư Sĩ Hạ Liên Cư biên soạn, có cách lễ Phật chỉ gồm ba mươi hai lạy, dùng làm công khóa tụng niệm sáng tối cũng rất hay.

***(Giải) Dĩ vô lậu huệ, thông trừ tam nghiệp trung ngũ chủng tà mạng, trụ thanh tịnh chánh mạng trung, danh Chánh Mạng.***

***(Giải: Dùng vô lậu huệ trừ trọn năm thứ tà mạng nơi ba nghiệp, trụ trong chánh mạng thanh tịnh, thì gọi là Chánh Mạng).***

Cái được gọi là “tà mạng” chính là đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng, tức là những sự việc nhằm duy trì cuộc sống mà chẳng đúng pháp thì đều gọi là “tà mạng”. Nói theo cách bây giờ thì muốn được nổi tiếng bèn:

1. Trá hiện tướng kỳ lạ, đặc biệt: “Trá” là dôi gạt, “hiện” là cố ý biểu diễn cho khác với mọi người. Mục đích là cầu được người khác cung kính, cúng dường.

2. Tự khen công đức: Đối với sự tu trì của chính mình, chẳng biểu hiện chân thật, cũng là vì tiếng tăm, lợi dưỡng.

3. Coi tướng, đoán cát hung: Dùng thủ đoạn xem tướng, đoán mạng để tiếp xúc đại chúng, mong được kẻ khác cung kính, cúng dường, xem ta như thần minh.

4. Lớn tiếng ra oai: Ăn to nói lớn để tỏ oai thế nhằm cầu lợi dưỡng. Nghe nói có những kẻ xuất gia thích chửi bới người khác, thường ra vẻ bề trên giáo huấn người khác. Những bậc thiện tri thức như Chương Gia Đại Sư và thầy Lý Bình Nam đối với bất cứ ai đều hòa nhã, vui vẻ, chẳng có tí ti hồng hách nào. Các vị giáo huấn một người nào, nhất định sẽ gọi học trò vào phòng, răn trách người ấy. Giáo huấn một người chính là thật sự xem trọng người ấy.

5. Nói những món lợi mình đã có để lung lạc lòng người khác.

Năm điều trên đây trong Phật môn gọi là “tà mạng”. Chúng ta phải dùng cái tâm thanh tịnh để xa lìa năm thứ tà mạng. “Trụ thanh tịnh chánh mạng trung”, tức là sống đúng đắn để duy trì mạng sống của chính mình thì gọi là Chánh Mạng. Khẩn yếu nhất là phải siêng năng, tiết kiệm, cuộc sống càng đơn giản càng hay. Nhu cầu ít ỏi sẽ dễ dàng đạt được, cho nên chẳng cần phải tham cầu. Trong xã hội này, muốn gìn giữ nếp sống an định, chẳng gặp những chuyện ngang trái lớn, nhỏ thì chớ nên tạo ác nghiệp. Dầu đời trước trót tạo ác

ngiệp, đời này đừng làm các điều ác, sẽ không có ác duyên, chẳng hứng chịu kết quả. Đây chẳng phải là lời nói xuông! Trong một đời, tận hết sức Tu Thiện, phước đức ngày ngày tăng trưởng, oán gia trái chủ chẳng thể thừa dịp làm hại được. Làm lành chẳng cần phải rêu rao để khỏi bị kẻ ghen ghét gây chướng ngại. Người học Phật toàn tâm làm lành, hãy nên tam luân thể không, chẳng cầu mong gì thì mới là chánh đạo. Khi Phật còn tại thế, em họ của Phật là Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) nghĩ đủ mọi phương pháp để hại Phật, tự mình muốn chiếm lấy địa vị Phật để thay thế. Trong các đệ tử Phật, cũng có những kẻ chuyên môn gây rối, phá hoại Tăng Đoàn. Tại Trung Quốc, trường hợp rõ ràng nhất là khi Ngũ Tổ truyền y bát cho Huệ Năng, rất nhiều kẻ không phục, chẳng những muốn đoạt y bát đem về mà còn muốn làm hại Huệ Năng! Tâm người đời Đường thuần hậu mà còn có tình trạng như thế! Chúng ta vô phước vô đức, chẳng tranh với người khác, chẳng mong gì nơi đời. Người đời tranh giành tiếng tăm, lợi dưỡng, chứ chúng ta trọn chẳng cần. Cái chúng ta muốn là thật thà niệm Phật, chứ bọn họ đâu có muốn, đôi bên chẳng trở ngại nhau.

***(Giải) Dĩ vô lậu huệ tương ứng, cần tinh tấn, tu Niết Bàn đạo, danh Chánh Tinh Tấn.***

***(Giải: Do tương ứng với vô lậu huệ mà siêng năng tinh tấn, tu Niết Bàn đạo, thì gọi là Chánh Tinh Tấn).***

Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta “tịnh niệm tiếp nối”. Có thể đạt được tịnh niệm tiếp nối thì tự nhiên sẽ có thể “*nhiep trọn sáu căn*”. Chữ Niệm do hai chữ Kim và Tâm ghép thành, tức là cái tâm hiện tiền. Văn tự Trung Quốc đầy ắp trí huệ. Tịnh là thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh chẳng có một tạp niệm nào. “Chẳng xen tạp” chính là không có Kiến Tư, Trần Sa phiền não. “*Chẳng hoài nghi*” là không có vô minh, đây chính là tịnh niệm tiếp nối. Trong quá trình tu học, dùng một câu Phật hiệu để làm phương tiện tấn tu. Câu Phật hiệu này chính là danh xưng tổng quát của mọi tánh đức vốn sẵn có trong tự tánh. Nói cách khác, một câu A Di Đà Phật có thể đánh thức tự tánh của chúng ta, danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. “*Câu sanh Tịnh Độ*” chính là “*tu Niết Bàn đạo*”. Đây gọi là Chánh Tinh Tấn.

***(Giải) Dĩ vô lậu huệ tương ứng, niệm chánh đạo cập trợ đạo pháp, danh Chánh Niệm.***

***(Giải: Do tương ứng với vô lậu huệ nên niệm chánh đạo và pháp trợ đạo thì gọi là Chánh Niệm)***

Liên Trì Đại Sư nói: “*Tín nguyện trì danh là chánh đạo mà cũng là trợ đạo*”. Trong Kinh này, Kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh, Chư Phật, Bồ Tát còn có nhiều phương pháp tu hành, nhưng những phương pháp ấy đều thuộc về pháp trợ đạo nhằm giúp cho công phu Niệm Phật thành tựu. Trong cuộc sống thường ngày, năm

Kinh một luận là đủ dùng rồi. Học nhiều quá đâm ra tạo thành chướng ngại. Tổ Sư, Đại Đức khai thị, chỉ dạy chúng ta, lấy Kinh Điển làm Cương, lấy ngữ lục của Tổ Sư Đại Đức làm Mục thì sẽ chẳng loạn. Nhất là bộ Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, trong thời cận đại bộ sách này khế cơ nhất, vì thời của Ngài gần gũi với chúng ta nhất. Ngài thấy tình trạng xã hội suy đồi trong lúc ấy cũng rất giống với thời hiện tại.

***(Giải) Dĩ vô lậu huệ tương ứng nhập Định, danh Chánh Định.***

***(Giải: Do tương ứng với vô lậu huệ nên nhập Định thì gọi là Chánh Định)***

Định có tà và chánh, có rốt ráo và không rốt ráo, đây là so sánh về tánh chất. Định trong pháp Đại Thừa đều thuộc về Chánh Định. Nhà Phật thường nói “*có tám vạn bốn ngàn Pháp Môn*”. Pháp là phương pháp, Môn là cửa ngõ, đường lối, đều là tu Định. Tổng cương lãnh tu hành của Phật Pháp là Tam Học, tức Giới, Định, Huệ. Do Giới sanh Định, do Định khai Huệ. Pháp Môn bình đẳng không có cao hay thấp. Trong rất nhiều phương pháp như vậy thì tín nguyện trì danh là vô lậu huệ. Đây chính là sự lựa chọn bằng trí huệ chân thật của các vị đại Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền. Lựa chọn bằng trí huệ chân thật thì chắc chắn chẳng có nghi hoặc, cũng tuyệt đối chẳng xen tạp. Do vậy, sẽ thành công rất nhanh. Vấn đề lớn của chúng ta trong hiện thời là chọn lựa hoàn toàn không sai lầm, nhưng không

tương ứng. Do chẳng tương ứng với tâm của chính mình nên tâm chúng ta không thanh tịnh. Vì thế, vẫn còn có hoài nghi. Suốt đời tu hành chỉ dựa vào một bộ Kinh là đủ đảm bảo chúng ta thành Phật viên mãn ngay trong một đời. Nếu vẫn còn mong biết nhiều bộ Kinh khác, tuy vẫn có thể Vãng Sanh, nhưng phẩm vị cũng không cao cho lắm.

*(Giải) Thử đặng đạo phẩm, y Sanh Diệt Tứ Đế nhi tu, tức Tạng Giáo Đạo Phẩm. Y Vô Sanh Tứ Đế nhi tu, tức Thông Giáo Đạo Phẩm. Y Vô Lượng Tứ Đế nhi tu, tức Biệt Giáo Đạo Phẩm. Y Vô Tác Tứ Đế nhi tu, tức Viên Giáo Đạo Phẩm.*

*(Giải: Những đạo phẩm này, nương theo Sanh Diệt Tứ Đế mà tu thì là Đạo Phẩm trong Tạng Giáo. Nương theo Vô Sanh Tứ Đế mà tu thì là Đạo Phẩm trong Thông Giáo. Nương theo Vô Lượng Tứ Đế mà tu chính là Đạo Phẩm trong Biệt Giáo. nương theo Vô Tác Tứ Đế để tu thì là Đạo Phẩm trong Viên Giáo).*

Theo sự phán giáo của tông Thiên Thai, Thiên Thai Đại Sư đem hết thảy Kinh Điển do Phật Thích Ca đã nói trong bốn mươi chín năm chia thành tứ giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên. Trong lần kết tập Kinh Điển sớm nhất tại Ấn Độ, chỉ là đem những lời Phật đã nói ghi chép lại, biên tập thành Kinh Điển để lưu thông, chứ hoàn toàn không phân loại tỉ mỉ. Sau khi Phật Pháp truyền đến Trung Quốc, vào thời Tùy Đường, nhằm dạy học thuận tiện, Tổ Sư Đại Đức các



tông các phái đã phân loại Kinh Điển. Do căn tánh của mỗi hạng người (tức đối tượng được Đức Phật nhắm đến để thuyết giảng (đương cơ) trong mỗi Kinh) khác nhau, nên chư Tổ phân chia Kinh Điển từ cạn đến sâu.

Tạng Giáo là Tiểu Thừa, nương theo Kinh, Luật, luận do Đức Phật đã giảng như bốn Kinh A Hàm là Kinh Tạng, Tỳ Nại Da là Luật Tạng, A Tỳ Đàm là Luận Tạng. Tam Tạng Tiểu Thừa đã được dịch sang Hán văn khá hoàn chỉnh. Những Kinh Điển được truyền sang những nước như Thái Lan, Tích Lan (Sri Lanka) v.v... dùng văn tự Pali. Dem những Kinh ấy so với Kinh Tiểu Thừa trong Đại Tạng Kinh thì Kinh Điển của họ chỉ nhiều hơn Kinh của chúng ta năm mươi mấy bộ, đủ thấy Kinh Điển được phiên dịch ở Trung Quốc khá hoàn chỉnh. Dưới đời Đường, Kinh Tiểu Thừa từng hưng thịnh một thời, về sau suy vi là vì lời dịch trong các Kinh Tiểu Thừa không đẹp đẽ, mà nghĩa lý cũng không thông suốt, trôi chảy. Lý do khác nữa là đa số những người xuất gia phần nhiều đã có cơ sở vững vàng nơi Nho và Đạo, rất gần Đại Thừa, chẳng kém gì nghiên cứu, đọc tụng Kinh Điển Tiểu Thừa. Hơn nữa, Tiểu Thừa giảng về Sanh Diệt Tứ Đế, hoàn toàn độc công trên mặt sự tướng.

Thông Giáo là khởi đầu của Đại Thừa, trước là thông với Tiểu Thừa, sau là thông với Biệt Giáo và Viên Giáo. Biệt Giáo là Đại Thừa thuần túy, Viên Giáo là viên dung rốt ráo. Tứ Đế và ba mươi

bảy đạo phẩm là cương yếu của hết thầy Phật Pháp, là pháp thuộc Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Ba mươi bảy đạo phẩm là Tứ Đế khai triển. Tứ Đế gồm Khổ, Tập, Diệt, Đạo, trong phần trước tôi đã nói qua. Khổ Tập Diệt Đạo là chân tướng của hết thầy sự lý thế gian lẫn xuất thế gian. Hết thầy các pháp do Đức Phật chẳng có gì khác, chỉ là giảng rõ chân tướng của nhân sinh và Vũ Trụ mà thôi! Người thế gian không ai có thể nói được. Tuy có không ít nhà Tôn Giáo cũng từng nói đến nhân quả thế gian, nhưng họ chỉ biết những lẽ đương nhiên chứ không biết được nguyên do. Vì vậy, Đức Thế Tôn chẳng thể nào không xuất hiện trong thế gian, vì chúng sanh nói rõ chân tướng. Tuy Đức Phật giảng giải cặn kẽ, mục đích vẫn nhằm làm cho chúng ta đích thân chứng nhập. Sự tu học trong Phật Pháp gồm bốn giai đoạn: Tín, Giải, Hành, Chứng, trọn chẳng phải chỉ có Tín là coi như xong, vẫn cần phải dựa vào phương pháp, lý luận để thực hiện, dùng hành trì để chứng minh hiệu quả.

Loại thứ nhất là Tạng Giáo, dựa theo Sanh Diệt Tứ Đế để tu. Nếu nói theo quả báo thế gian thì hữu tình chúng sanh có sanh, lão, bệnh, tử. Hết thầy những phàm phu không thiện, không ác sau khi mất, trong vòng bốn mươi chín ngày sẽ thác sanh làm người, sanh tử luân hồi không ngơi. Những Tôn Giáo khác nói đến “sự sống đời đời” chỉ là sanh lên Trời thọ mạng dài lâu mà thôi! Rốt cuộc tướng Ngũ Suy cùng hiện, trọn chẳng phải là thật sự sống đời đời. Tập là

khởi Hoặc tạo nghiệp, chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật, liền sanh vọng tưởng, phiền não. Do vậy, tạo nghiệp. Nghiệp có thiện và ác, cho nên có sáu thứ quả báo, ba loại trên là ba thiện đạo, tức Thiên, A Tu La và nhân. Ba loại dưới là ba ác đạo, tức địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh, đều là quả báo được cảm thành do mê hoặc tạo nghiệp, tự làm, tự chịu. Đấy gọi là Tập.

Diệt là diệt trừ cái nhân của tam giới lục đạo, diệt phiền não, diệt vọng tưởng. Diệt là quả báo xuất thế gian. Diệt còn được dịch là Viên Tịch hoặc Niết Bàn. Niết Bàn (Nirvāna) là tiếng Phạn dịch âm, có nghĩa là chết. “*Viên Tịch*”: Viên là viên mãn, Tịch là tịch diệt, tịch diệt viên mãn vọng tưởng, phiền não và sanh tử luân hồi. Sự chứng đắc của Tiểu Thừa La Hán được gọi là Niết Bàn. Cái nhân của tam giới lục đạo đã bị diệt, đương nhiên quả báo cũng chẳng còn nữa. Vì vậy, vượt thoát tam giới, nhưng vẫn chưa diệt rốt ráo. La Hán chỉ diệt một trong ba loại phiền não lớn là Kiến Tư phiền não, vẫn còn có Trần Sa và Vô Minh chưa phá nên chỉ có thể vượt thoát tam giới, do chưa minh tâm kiến tánh nên gọi là Tiểu Thừa Niết Bàn.

Nếu muốn đạt đến hiệu quả Diệt thì phải tu Đạo. Đạo là nhân của Diệt, Diệt là quả của Đạo. Nói đơn giản, Đạo là ba mươi bảy đạo phẩm, mà cũng chính là vô lượng Pháp Môn do Đức Phật đã nói. Đối với vô lượng Pháp Môn ấy, hãy nên dựa trên căn tánh và điều kiện sống của chính mình để làm tiêu chuẩn chọn lựa. Đức Phật dạy rất

nhiều phương pháp, tu theo phương pháp nào là do chúng ta chọn lựa. Có rất nhiều người vẫn còn tập khí Tiểu Thừa, khá bảo thủ, coi trọng những nghi thức thuộc mặt Sự. Đại Thừa thường chẳng câu nệ tiểu tiết, như Nam Truyền Phật Giáo so với Phật Pháp Đại Thừa tại Trung Quốc khác biệt rất rõ rệt. Căn tánh Tiểu Thừa nương theo Sanh Diệt Tứ Đế để tu hành nên thuộc Tạng Giáo Đạo Phẩm.

Loại thứ hai là Thông Giáo, là bắt đầu của Đại Thừa. Có những người hết sức hâm mộ, yêu thích Tiểu Thừa, nhưng đối với Đại Thừa cũng rất hâm mộ, ưa thích. Người thuộc căn tánh này chiếm đại đa số. Vì thế, Thông Giáo thông với Tiểu Thừa ở phần trước và Đại Thừa trong phần sau. Căn tánh của những người thuộc Thông Giáo thông minh hơn những người trong phần trước (Tạng Giáo), sức lãnh ngộ mạnh mẽ. Họ dựa vào Khổ Đế, có thể tùy duyên buông xuống, thấy thấu suốt. Đối với Tập Đế, họ khởi tâm động niệm đều bất khả đắc, xem nhẹ pháp thế gian hơn người thông thường, có ích rất lớn cho sự tu học. Đối với Đạo Đế, Kinh Bát Nhã thường nói “*bất nhị Pháp Môn*”, cũng như huyễn, như hóa giống như Tập Đế. Diệt Đế cũng chẳng có tướng sanh diệt. Bởi lẽ, Đức Phật đã nói Bồ Đề và Niết Bàn cũng như huyễn, như hóa. Người niệm Phật có căn cơ giống như thế, nhất định sẽ nương theo Thông Giáo Đạo Phẩm để tu học. Thông Giáo và Tạng Giáo Đạo Phẩm cần phải có thầy tốt, được thầy chỉ điểm sẽ dễ thành tựu. Trong Thông Giáo, sợ nhất là tẩu hỏa

nhập ma, trở thành cuồng huệ. Sợ nhất là không có trí huệ chân thật, lạc vào ác kiến, chấp Không.

Loại thứ ba là Biệt Giáo, là pháp Đại Thừa Bồ Tát thuần túy, chẳng thông với Tạng Giáo mà cũng chẳng thông với Thông Giáo, bao hàm vô lượng vô biên Pháp Môn. Nội dung của Biệt Giáo là Vô Lượng Tứ Đế. Khô Đế có vô lượng tướng, quả báo trong mười pháp giới khác nhau. Kinh Hoa Nghiêm có phẩm Tứ Đế, nội dung phẩm ấy hoàn toàn giảng về Vô Lượng Tứ Đế của Biệt Giáo. Hoa Nghiêm là pháp để dạy Đại Thừa Bồ Tát trong Viên Giáo. Viên Giáo bao gồm cả Biệt Giáo, Thông Giáo và Tạng Giáo, quả báo đã vô lượng vô biên, đương nhiên nhân duyên cũng vô lượng vô biên. Phiền não vọng tưởng, chấp trước, phân biệt của hết thảy chúng sanh mỗi người mỗi khác, Pháp Môn vô lượng. Vì thế, đạo phẩm cũng vô lượng. Tạng Giáo có Tạng Giáo Phật (quả vị Phật trong Tạng Giáo). Trong Thông Giáo và Biệt Giáo cũng đều có quả vị Phật, chỉ có cảnh giới nơi quả vị là chẳng giống nhau. Tạng Giáo Phật cao hơn địa vị La Hán, nhưng vẫn chẳng bằng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Sơ Trụ Bồ Tát kiến tánh, nhưng Tạng Giáo Phật chưa kiến tánh. A La Hán trong Tạng Giáo bằng với địa vị Thất Tín Bồ Tát trong Viên Giáo. Tạng Giáo Phật chỉ bằng với Bát Tín hoặc Cửu Tín trong Viên Giáo mà thôi, nên chưa kiến tánh. Thông Giáo Phật cũng chưa kiến tánh, Biệt Giáo Phật bằng với địa vị Nhị Hạnh Bồ Tát trong Thập Hạnh

của Viên Giáo. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Biệt Giáo Phật (quả vị Phật trong Biệt Giáo) chỉ phá được mười hai phẩm vô minh trong bốn mươi một phẩm vô minh, chưa đoạn hoàn toàn, kể như đã kiến tánh, còn Viên Giáo Phật phá hoàn toàn bốn mươi một phẩm vô minh.

Đại chúng tu Tịnh Độ nếu thuộc căn tánh Biệt Giáo thì đại đa số sẽ nương theo Vô Lượng Tứ Đế để tu, có khi học trọn khắp Kinh Luận Đại Thừa. Nếu thật sự là bậc lợi căn thì sau một thời gian, người ấy sẽ quay đầu. Lịch Đại Tổ Sư như Vĩnh Minh Diên Thọ Đại Sư từ Thiên Tông mà quay đầu lại, có lẽ thuộc căn tánh Thông Giáo, nhưng Ngài học hỏi pháp Đại Thừa rất rộng. Thông Giáo nói Không, Biệt Giáo nói Có, chẳng phải hoàn toàn nói là Không. Lại như Liên Trì, Ngẫu Ích và Ấn Quang Đại Sư lúc trẻ đều học hỏi rất nhiều môn Đại Thừa Phật Pháp, quá nửa là căn cơ Biệt Giáo, nhưng đến lúc xế bóng, căn tánh đã chín muồi, buông toàn bộ sở học xuống, chuyên học Pháp Môn Niệm Phật. Đây là hễ chuyên thì sẽ biến thành Viên Giáo. Do đây có thể biết rằng: Căn tánh Viên Giáo có thể vun bồi. Do vậy, Liên Trì Đại Sư đến tuổi già đã nói: *“Tam Tạng mười hai bộ Kinh nhường cho người khác ngộ, tám vạn bốn ngàn hạnh để cho người khác hành”*. Chính mình chỉ một bộ A Di Đà Kinh, một câu A Di Đà Phật. Các vị Ngẫu Ích, Ấn Quang cũng giống như vậy. Quay đầu càng nhanh, càng thù thắng, tương lai phẩm vị ắt cao. Thật sự

biết Thế Giới này là khổ, ắt phải cầu thoát lìa, trừ một câu Phật hiệu ra, không có chuyện gì khác, đây mới là người thật sự giác ngộ.

Loại thứ tư là Viên Giáo, giảng về Tam Đế viên dung, viên tu, viên chứng. Họ thấy pháp Tứ Đế là Vô Tác Tứ Đế, chân và vọng như một, Tánh và Tướng chẳng hai, tâm địa thật sự thanh tịnh, tự tánh Bát Nhã trí huệ hiện tiền, nhìn Vũ Trụ nhân sinh quả thật chẳng giống với người khác, họ thấy được cái gọi là “*Thật Tướng của các pháp*”. Tâm Kinh chép: “*Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời*”, “*hành*” tức là “*dụng*”, dùng trí huệ sâu nhất để quán sát Vũ Trụ và nhân sinh. Ngũ Uẩn đều là không, tướng của hết thấy vạn sự, vạn vật đều do Ngũ Uẩn hợp thành, cũng có nghĩa là vạn pháp đều là Không. “*Không*” hiện thành Tánh, “*Sắc*” là nói về Tướng. Sắc tức là Không, Không tức là Sắc, Tánh và Tướng như một. Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Lý và Sự chẳng hai. Phiền não chính là Bồ Đề, sanh tử chính là Niết Bàn. Phàm phu thấy là sanh tử, Viên Giáo Bồ Tát thấy là Niết Bàn. Phàm phu thấy là sanh diệt, Viên Giáo Bồ Tát thấy là bất sanh bất diệt. Hiện tại, khoa học kỹ thuật phát triển, có một số những cảnh giới được nói trong Kinh Phật đã được chứng minh rất rõ. Các nhà khoa học nói vật chất bất diệt, tinh thần cũng bất diệt. Viên Giáo Bồ Tát thấy hết thấy pháp là duyên tụ, duyên tán. Pháp Đại Thừa coi trọng duyên sanh. Duyên tụ thì sanh, duyên tán thì diệt. Thật ra, duyên tụ cũng chẳng sanh mà

duyên tán cũng chẳng diệt. Đây là sự thật. Ví như cuốn sách này, nhiều trang giấy được đóng thành cuốn thì gọi là sách, tương sách hiện tiền. Tách rời từng trang ra thì sách không còn nữa. Thật ra, nó chẳng diệt. Chẳng qua là hiện tượng duyên tán hay duyên tụ mà thôi. Nếu chấp trước vào tướng của sách sẽ sai lầm. Kinh Kim Cang giảng Thế Giới là “*nhất hiệp tướng*”. “*Nhất*” là vật chất cơ bản, Kinh Phật gọi nó là “*vi trần*”. Tướng không có sanh diệt, tâm tánh cũng vô sanh vô diệt. Đại Bồ Tát thị hiện thân thông, nên dùng thân nào để độ được liền hiện thân ấy để thuyết pháp. Hiểu rõ đạo lý này nên có thể không chế hoàn cảnh, có thể tùy theo lòng muốn mà biến hóa, đó gọi là “*thần thông*”.

Hiện thời, các nhà khoa học nói Năng (năng lượng, công năng) và Chất (vật chất) có thể biến đổi lẫn nhau. Năng là công năng của Chất, Chất là vật chất của Năng. Tâm có thể thao túng vật chất, từ trong Thiền Định rất sâu có thể đắc thần thông, tùy theo lòng muốn mà không chế vật chất và năng lượng. Hiện tại, khoa học gia còn chưa thể nghiên cứu tới, chưa thể đột phá tâm năng (công năng, năng lượng của tâm). Nói đến Đạo thì thiên (lệch lạc, chấp vào một bên) hay tà đều là trung, chánh, không có đạo để tu, tu nhưng không tu, không tu mà tu. Diệt Đế: Sanh tử tức Niết Bàn, vô chứng mà chứng, chứng nhưng vô chứng. Học nhân Tịnh Tông nếu thuộc căn tánh Viên Giáo, sẽ thiên trọng Vô Tác Tứ Đế để tu, tức là Viên Giáo Đạo



Phẩm. Có thể biết rằng: Tịnh Tông bao gồm Tạng, Thông, Biệt, Viên, các thứ căn tánh và tầng lớp khác nhau, bao gồm viên mãn hết thảy các Pháp Môn.

***(Giải) Tạng Đạo Phẩm, danh bán tự Pháp Môn. Tịnh Độ trước khinh, tự bất tất dụng, vì Tiểu chủng tiên thực giả, hoặc tạm dụng chi. Thông Đạo Phẩm, danh Đại Thừa sơ môn, tam thừa cộng bảm, Đồng Cư Tịnh Độ đa thuyết chi. Biệt Đạo Phẩm, danh độc Bồ Tát pháp, Đồng Cư, Phương Tiện Tịnh Độ đa thuyết chi. Viên Đạo Phẩm, danh vô thượng Phật Pháp, hữu lợi căn giả, u tứ Tịnh Độ, giai đắc văn dã.***

***(Giải: Đạo phẩm của Tạng Giáo gọi là bán tự Pháp Môn. Trong Tịnh Độ trước ác nhẹ nhàng, nên hầu như không cần phải dùng đến, nhưng vì người căn cơ Tiểu Thừa đã quen nghe từ trước nên tạm dùng đến. Đạo phẩm của Thông Giáo, gọi là Đại Thừa sơ môn, ba thừa cùng vâng nhận, trong Đồng Cư Tịnh Độ thường nói nhiều về đạo phẩm này. Đạo phẩm của Biệt Giáo, gọi là pháp dành riêng cho Bồ Tát, được nói nhiều trong hai cõi Tịnh Độ Đồng Cư và Phương Tiện. Đạo phẩm của Viên Giáo, gọi là Phật Pháp vô thượng, kẻ có lợi căn ở trong bốn cõi ấy sẽ đều được nghe nói tới).***

“*Bán tự Pháp Môn*” là nói tỷ dụ, “*bán*” (một nửa) là chưa viên mãn. Tạng Giáo chỉ đoạn Kiến Tu phiền não, chưa hoàn toàn đoạn phiền não viên mãn vì chưa đoạn Trần Sa và Vô Minh. Tây Phương

Tịnh Độ vốn không có Ngũ Trược. Ngay trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, hiện tượng Ngũ Trược hết sức nhẹ ít, có thể chẳng cần dùng đến bốn thứ đạo phẩm ấy. Chỉ vì người căn tánh Tiểu Thừa phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ mà thiện tri thức dùng bốn thứ đạo phẩm ấy để thuyết pháp hồng xưng hợp với căn tánh của những người ấy, khiến họ sanh tâm hoan hỷ nên có thể tạm thời dùng đến. Nếu chẳng phải là căn tánh Tiểu Thừa, không cần phải dùng đến phương pháp này.

Đạo phẩm của Thông Giáo gọi là “*Đại Thừa sơ môn*” (môn đầu tiên của Đại Thừa), cả ba thừa cùng vâng nhận, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều phải tu học. Đây là khoa mục phổ thông thừa nào cũng phải tu. Đồng Cư Tịnh Độ là chỗ chúng sanh đời nghiệp Vãng Sanh ở. Những người đời nghiệp Vãng Sanh chưa đoạn Kiến Tư phiền não, chỉ do công phu niệm Phật đắc lực, có thể khuất phục phiền não mà được Vãng Sanh. Vì thế, đạo phẩm của Thông Giáo là môn tu học tất yếu nhằm giúp cho họ thấu triệt lý luận và phương pháp.

Đạo phẩm của Biệt Giáo gọi là “*độc Bồ Tát pháp*”, tức là pháp dành riêng cho Đại Thừa Bồ Tát, không phải dành cho cả ba thừa cùng tu. Hàng Bồ Tát trong cõi Đồng Cư và cõi Phương Tiện có những vị chuyên tu môn học này, nhưng hàng Bồ Tát trong Thật Báo

và Thường Tịch Quang hoàn toàn chẳng cần đến đạo phẩm của Biệt Giáo.

Đạo phẩm của Viên Giáo gọi là “*vô thượng Phật Pháp*”. Trong Kinh Đại Thừa thường nói Đức Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loài đều hiểu. Âm thanh thuyết pháp của Đức Phật gọi là “*viên âm*”. Bốn hạng hành nhân khác nhau nghe Đức Phật thuyết pháp cùng một lúc, nhưng người Tiểu Thừa được lợi ích nơi Tiểu Thừa, cho đến người Viên Giáo được lợi ích nơi Viên Giáo. Tình huống này chẳng khó hiểu cho lắm. Ví như trong trường học, thầy giảng bài, học trò mỗi đứa hiểu khác nhau. Đạo phẩm trong Viên Giáo là vô thượng Phật Pháp, bất luận ở cõi nào cũng đều nghe được, vì Tây Phương Thế Giới bốn cõi viên dung. Hết thấy Kinh Luận khen ngợi Tây Phương Thế Giới đều chuyên khen ngợi điều này. Hết thấy các Thế Giới Phật cũng đều có bốn cõi, nhưng chẳng viên dung. Chẳng hạn như đạo phẩm của Viên Giáo thì chỉ tại cõi Tịch Quang và Thật Báo là có thể nghe được. Đây chính là tình hình nơi các Thế Giới khác. Trong Tây Phương Thế Giới, người căn tánh Viên Giáo sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Tây Phương cũng có thể nghe vô thượng Phật Pháp. Lúc Đức Phật Thích Ca mới thành đạo, giảng Kinh Hoa Nghiêm, đây cũng là đạo phẩm trong Viên Giáo. Khi Ngài thuyết pháp dưới cội Bồ Đề thì có hai thuyết: Một là Đức Phật thuyết pháp trong mười bốn ngày, thuyết kia bảo Đức Phật

thuyết pháp trong hai mươi một ngày, giảng cho bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ, giảng Hoa Nghiêm trong Định, náo nhiệt phi phàm, nhưng phàm phu chỉ thấy Phật tịnh tọa trên đụn cỏ dưới gốc Bồ Đề, chúng sanh chẳng có phần. Người Tiểu Thừa chấp trước sự tướng bèn nói “*Đại Thừa chẳng phải do Đức Phật nói*”. Sau khi Phật diệt độ sáu trăm năm thì Long Thọ Bồ Tát lấy Kinh Hoa Nghiêm từ long cung ra. Con người hiện thời chẳng chấp nhận điều này, cho rằng tiềm thủy đình (tàu ngầm) cả Bắc Cực lẫn Nam Cực đều đã tới, mà chẳng tìm thấy long cung. Con người hiện thời đều biết là có quý, quý và người sống lẫn lộn với nhau, nhưng con người chẳng thấy được quý, vì chúng ta sống trong không gian ba chiều, còn bọn họ sống trong không gian nhiều chiều (đa duy không gian: multi dimensional space). Phật có thể tùy loại hóa thân, cũng có thể biến hiện sáu trần thuyết pháp, đều là do A Di Đà Phật biến hóa ra. Đối với tình huống này, trong Kinh đã nói là nếu dùng tâm sanh diệt để dò lường biên Viên Giác, quyết chẳng có lẽ ấy!

Trong bốn cõi Tịnh Độ, tại cõi Phạm Thánh Đồng Cư, Kinh Diễm của tứ giáo đều có. Tại long cung, Long Thọ Bồ Tát thấy Kinh Hoa Nghiêm số lượng lớn đến nỗi địa cầu không có cách nào chứa đựng được. Trung bản Hoa Nghiêm cũng lớn, Bồ Tát chỉ lấy “*hạ bản*” (bản nhỏ nhất). Bản nhỏ nhất là toát yếu. Kinh truyền đến Trung Quốc, chỉ dịch được một nửa nguyên văn, hoàn toàn chẳng

phải là hạ bốn nguyên gốc. Kinh Hoa Nghiêm nguyên văn có mười vạn bài kệ, quý vị muốn biết tường tận có thể tham khảo Long Thọ Truyện, Ngài là Tổ Sư của tám tông phái.

***(Giải) “N hư thị đ ẳng pháp” giả, đ ẳng tiền Niệm Xứ, Chánh C ần, N hư Ý Túc, đ ẳng dư Tứ Nhiếp, Lục Độ, Thập Lực, Vô Úy, vô lượng Pháp Môn dã.***

*(Giải: “Những pháp giống như vậy” nghĩa là những pháp giống như Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc trong phần trước và những pháp khác như Tứ Nhiếp, Lục Độ, Thập Lực, Vô Úy, vô lượng Pháp Môn).*

Kinh Văn có một chữ “đ ẳng” bao gồm tất cả Pháp Môn Đại Thừa và Tiểu Thừa. Trong ba khoa ở phần trước, Kinh Văn không nói đến Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, trong phần trên, tôi đã giới thiệu và trong vô lượng Pháp Môn khác Ngẫu Ích Đại Sư cũng nêu đại lược mấy thứ.

“*Tứ Nhiếp*” là nhiếp thụ chúng sanh, cũng có nghĩa là “*tiếp dẫn chúng sanh*”: Thứ nhất là Bồ Thí, thứ hai là Ái Ngữ, thứ ba là Lợi Hành, thứ tư là Đồng Sự.

Bồ Thí là ban ân huệ cho chúng sanh, cảm tình dần dần sâu đậm, rồi lại giới thiệu Phật Pháp cho họ biết, họ sẽ dễ dàng tiếp nhận, cũng là ý nghĩa “*tiên dĩ dục câu khiên, hậu linh nhập Phật trí*”

(trước hết dùng dục để lôi kéo, sau làm cho họ nhập Phật trí). Thoạt đầu, tôi thờ Chương Gia Đại Sư làm thầy để học Phật, Ngài hết sức quan tâm tới bọn người mới học Phật chúng tôi, Ngài liền sử dụng Tứ Nhiếp Pháp. Ngài sống ở nhà số 8 đường Thanh Điền, Đài Bắc, bảo tôi mỗi Chủ Nhật đến nhà Ngài. Nếu có một hai lần tôi không tới, Ngài liền sai người đi hỏi thăm xem vì sao tôi không tới. Hỏi thăm như vậy, tôi chẳng thể không tới.

Thứ hai là Ái Ngữ, đối với học sinh nói lời yêu thương quan tâm chân thành khiến cho người nghe cảm động sâu sắc.

Thứ ba là Lợi Hành, Lợi là lợi ích. Người đời rất coi trọng lợi. Nếu có chỗ nào tốt đẹp, ắt sẽ bằng lòng vâng theo lời dạy bảo.

Thứ tư là Đồng Sự. Ba thứ trước dễ làm, môn thứ tư là Đồng Sự đòi hỏi chính mình phải có trí huệ cao độ và định lực rất sâu. Nếu không, ắt sẽ thất bại. Như có người nào đó thích đánh mạt chược, liền cùng chơi mạt chược với kẻ ấy. Đây là hành vi của bậc đại Bồ Tát. Đồng Sự là phương thức tiếp dẫn chúng sanh tối cao.

Lục Độ là hạnh pháp của Bồ Tát, trong phần trước chúng ta đã đọc qua rồi.

“*Bồ Tát*” là chúng sanh đã giác ngộ. Dịch theo lời cổ là “*đại đạo tâm chúng sanh*”, dịch theo lời mới (tức lời dịch theo quy cách, khuôn phép của Ngài Huyền Trang) thì là “*giác hữu tình*”. Phật

không có tình, tình hoàn toàn biến thành trí huệ. Trong Phật Pháp Đại Thừa, trí và tình là một, hễ giác ngộ thì tình biến thành trí huệ, còn mê thì trí huệ biến thành tình thức. Bậc giác ngộ xử thế, đãi người, tiếp vật, nhất định tuân hành Lục Độ. Độ có ý nghĩa là chúng ta từ bờ sanh tử luân hồi bên này vượt sang bờ Đại Niết Bàn bất sanh bất diệt bên kia, còn gọi là “*Siêu phàm nhập Thánh*”. Điều thứ nhất trong sáu điều này là Bồ Thí, có cùng tên gọi với Bồ Thí trong Tứ Nhiếp Pháp, nhưng ý nghĩa khác biệt. Bồ Thí trong Tứ Nhiếp Pháp nhằm kết thiện duyên với người khác, Bồ Thí trong Lục Độ của Bồ Tát nhằm độ chính mình. Quý vị nên biết cái gốc của phiền não là keo kiệt tham lam. Phiền não vô lượng vô biên, quy nạp thành tám vạn bốn ngàn loại phiền não, Thiên Thân Bồ Tát quy nạp chúng thành hai mươi sáu loại lớn. Trong ấy có sáu Căn Bản Phiền Não và hai mươi Tùy Phiền Não. Nếu đơn giản hóa thì sáu món Căn Bản Phiền Não đến cuối cùng quy nạp thành Tam Độc Phiền Não, tức tham, sân, si. Lục Độ nhằm độ tham, sân, si. Đại Thừa đoạn phiền não cao minh hơn Tiểu Thừa nhiều lắm. Bồ Thí nhằm độ keo tham. Tam Độc Phiền Não đến cuối cùng quy nạp thành một món là Tham. Phương pháp tu học của Bồ Tát không có gì khác cả, chỉ có một pháp Bồ Thí mà thôi! Bồ Thí chính là Xả, cũng có nghĩa là buông xuống. Nếu chẳng chịu buông xuống, tâm chẳng thanh tịnh, tạo thành chướng ngại. Pháp Đại Thừa nói Bồ Tát có năm mươi một cấp

bạc, tức là căn cứ trên mức độ buông xuống nhiều hay ít mà phân chia thành tầng cấp. Buông xuống nhiều thì địa vị nâng cao, ngược lại sẽ thấp xuống, chỉ có vậy mà thôi! Chúng ta rất ráo là phàm phu, tập khí phiền não do vô lượng kiếp dưỡng thành, trọn chẳng phải một sáng một chiều mà có thể trừ hết được! Do vậy, thành Phật phải mất ba đại A tăng kỳ kiếp, quả thật khó lắm, nhưng khó cũng phải làm. Lại còn phải thực hiện từ chỗ khó buông xuống nhất.

Lúc tôi mới học Phật, Chương Gia Đại Sư dạy tôi trước hết hãy bỏ thí vật gì tôi ưa thích nhất. Tôi mê sách vở, cũng rất keo kiệt, chẳng chịu cho ai mượn. Về sau, dần dần tặng sách cũ cho người khác, sách mới giữ lại để mình dùng. Đến khi tôi tặng hết sách sách vở rồi thì nhân duyên xuất gia của tôi cũng chín muồi. Thoạt đầu, Chương Gia Đại Sư dạy tôi sáu chữ, bảo tôi hãy học cho thật tốt đẹp trong sáu năm. Sáu chữ ấy là “*thấy thấu suốt, buông xuống được*”. Tôi lại hỏi Ngài thực hiện bằng cách nào, Ngài nói: “*Hãy bắt đầu bằng Bồ Thí*”.

Bồ Thí thông thường chia thành ba loại lớn: Thứ nhất là Tài Bồ Thí, thứ hai là Pháp Bồ Thí, thứ ba là Vô Úy Bồ Thí. Tiền bạc và hết thảy vật chất thuộc về Tài, chính là thứ hết thảy chúng sanh tham cầu. Người đời cầu của cải, nhưng chẳng biết của cải do đâu mà có. Nói thật ra, trong một đời có bao nhiêu của cải đều do số mạng định sẵn. Sách Liễu Phàm Tứ Huấn giảng điều này cặn kẽ nhất. Đã là do



số mạng định sẵn thì muốn cầu nhiều cũng chẳng cầu được, chẳng cầu cũng tự nhiên đưa tới. Tiên Sinh Viên Liễu Phàm được Không lão Tiên Sinh ở Vân Nam tiên đoán những điều tốt xấu suốt cả đời, thoát đầu, chuyện gì cũng đều ứng nghiệm. Vì thế, ông Viên trong tâm an định, chẳng còn mong cầu chi nữa. Về sau, ngồi đối diện với Thiền Sư Vân Cốc suốt ba ngày ba đêm chẳng khởi ý niệm nào. Vân Cốc hỏi ông ta dụng công như thế nào. Ông ta nói: “*Vận mạng của tôi đã được Không lão Tiên Sinh đoán định, khởi vọng tưởng cũng chẳng có ích gì!*” Vân Cốc nghe xong, cười ha hả, bảo: “*Tôi ngỡ ông là Thánh Nhân, nhưng ông vẫn là một gã phàm phu*”. Do vậy, Sư dạy ông ta cách cải tạo vận mạng: Tu phước, tu đức như thế nào, ông ta đều nhất nhất tuân theo, thực hành sát rạt lời chỉ giáo. Về sau, những sự kiện tình huống trong đời Viên Liễu Phàm khác biệt rất lớn với lời tiên đoán của cụ Không. Tôi trong một đời này của cải chẳng nhiều, sống tiết kiệm, hễ dư dả đều tận hết sức bố thí, càng bố thí thì của cải đạt được càng nhiều. Bố Thí cũng phải có trí huệ, tuy chính mình đã phát khởi cái tâm lành, nhưng tiền bị kẻ khác lừa gạt dùng món tiền ấy để làm ác thì hẳn là “*tội khôì họa thủ*” (kẻ cầm đầu gây họa), nhưng người thí cũng là kẻ giúp đỡ hẳn làm ác.

Bố Thí phải gieo trồng nơi phước điền chân chánh. Một là hiếu dưỡng cha mẹ, hai là cứu giúp chúng sanh nghèo khổ, hoạn nạn, ba là cúng dường Tam Bảo. Nói theo cách bây giờ, hoàng dương nền

giáo dục Phật Giáo chính là gieo phước điền. Từ khi tôi học Phật đến nay, đối với Tam Bảo, thực hiện sự nghiệp in Kinh chẳng ít. Bồ thí theo kiểu ấy, có lẽ không nầy sanh mỗi tề. Có người bảo tôi, những sách vở do chúng ta ấn hành hiện đang thấy được mua đi bán lại trong các sạp sách cũ. Tôi cho rằng, sách được lưu thông trong cõi đời cũng là chuyện tốt. Ngoài ra, còn làm những chuyện phóng sanh và cứu giúp người bệnh khổ, nhưng in Kinh nhiều nhất. Gần đây, bộ Tứ Thư của Nho Gia cũng được in mấy lượt. Những loại khác như Liễu Phàm Tứ Huân, Duyệt Vy Thảo Đường Bút Ký v.v... là những sách thuật chuyện nhân quả báo ứng cũng thường in tặng. Người tiếp nhận Kinh Điển, thiện thư, đọc xong, tâm an lý đắc, biến đổi khí chất, bỏ ác, hướng thiện, giúp cho xã hội an ninh, quả thật đã gồm trọn công dụng của ba loại Bồ Thí. Trong hết thầy các Kinh, Đức Phật thường nhắc tới Bồ Thí. Tứ Nhiếp, Lục Độ đều lấy Bồ Thí làm đầu, thật chí lý. Bồ Thí nhằm mục đích vượt thoát keo kiệt tham lam, thật sự có lợi ích đối với chính mình. Vận mạng con người cứ năm năm biến chuyển một lần. Trong một đời người, nhất định có năm năm tốt đẹp nhất, mà cũng có năm năm tệ hại nhất. Vận tốt hay vận xấu chính mình có thể điều khiển được. Gặp lúc vận mạng tốt đẹp chớ nên hưởng thụ, hãy để dành cho lúc tuổi già. Khi tuổi trẻ, phát tài, hãy nên bố thí, làm chuyện từ thiện, công ích. Tiền xả được,

nhưng tài vẫn còn đó, đợi đến tuổi già tài sẽ lại phát. Hạnh phúc thuở tuổi già là hạnh phúc chân chánh.

Thứ hai là Trì Giới. Không chỉ hạn cuộc trong Giới Luật Đại Thừa và Tiểu Thừa, mà nói theo cách bây giờ, Trì Giới là tuân thủ hết thảy những khuôn phép sinh hoạt. Chúng ta ở một mình, nhất cử nhất động chẳng buông lung, Nho Gia gọi là “*thận độc*” (Cẩn thận ngay cả khi chỉ có một mình), điều này thuộc giới Tỳ Kheo của Tiểu Thừa. Ở trong đại chúng, hãy nên tuân thủ các quy củ, giữ lễ, giữ pháp, thuộc Đại Thừa Bồ Tát giới. Người học Phật không chỉ tuân thủ giáo huấn của Đức Phật mà ở bất cứ nơi nào cũng đều phải tuân thủ pháp luật, quy định, phong tục, tập quán và quan niệm đạo đức. Hành như vậy, khi thuyết pháp ắt sẽ được nhân sĩ nơi ấy hoan nghênh. Tinh thần của Giới Luật là “*đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện*”.

Thứ ba là Nhẫn Nhục. Nhẫn Nhục có nghĩa là Nhẫn Nại. Người dịch Kinh đã thay đổi bằng cách thêm vào chữ Nhục, do người Trung Quốc coi chuyện bị lăng nhục rất nặng. Cổ Nhân nói: “*Sĩ khả sát, bất khả nhục*” (Kẻ sĩ có thể giết, chứ không chịu nhục). Kinh Luận Đại Thừa chia Nhẫn thành ba loại lớn:

1) Loại thứ nhất bị người khác khinh rẻ, làm nhục, làm hại, bất luận hữu ý hay vô ý.

2) Loại thứ hai là tai hại do tự nhiên, Trời rét dữ, hoặc nắng gắt, phải chịu đựng.

3) Loại thứ ba là Phật Pháp. Tu học Phật Pháp cần một thời gian rất dài. Phật dạy chúng ta rất nhiều đạo lý và phương pháp nhằm sửa đổi những khuyết điểm, tập khí trong cuộc sống thường nhật, chẳng thể nào thành tựu trong một sớm một chiều được! Nhấn nhục quan trọng nhất là nhằm đối trị nóng giận. Kinh dạy: “*Nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai*” (một niệm sân tâm nổi, trăm vạn cửa chướng mở). Kinh Kim Cang dạy: “*Nhất thiết pháp đắc thành ư nhân*” (Hết thầy pháp do nhân mà được thành tựu). Chẳng nhân được chuyện nhỏ sẽ hỏng chuyện lớn, chẳng thể không cẩn thận!

Thứ tư là Tinh Tấn. Tinh Tấn nhằm đối trị giải đãi. Giải đãi là bệnh chung của mọi người, người khác chẳng giúp được. Nhất là trong thời đại dân chủ mở rộng hiện thời, đặc biệt tôn trọng nhân quyền, hễ không cẩn thận một chút liền chuốc lấy phiền phức. Chính tôi đã từng trải qua Kinh nghiệm ấy, khi tôi đi học, có bản lãnh gạt thầy rất lớn. Thuở bé trí nhớ rất tốt, sách nào đọc đến, xem qua một lượt liền có thể nhớ nằm lòng. Do vậy, ở trường không học bài, mười phút trước khi thi mới chuẩn bị. Mỗi lần thi vừa đủ đậu là được rồi, có thời gian rảnh bèn tới thư viện xem sách. Do vậy, kiến thức thông thường của tôi rất phong phú. Về sau, biết giảng Kinh cũng là một

cách đối trị giải đãi. Vì vậy, liền học giảng Kinh, mục đích nhằm khắc phục cái tật giải đãi của chính mình. Thoạt đầu, để giảng một tiếng rưỡi, phải tốn hơn ba mươi tiếng đồng hồ để chuẩn bị. Đối phó với một vị thầy thì dễ, chứ đối với mấy trăm thính chúng thì không có cách gì xí gạt được. Do vậy, phải dốc sức để tìm hiểu thật rõ. Sau một năm, thời gian chuẩn bị giảm xuống một nửa. Sau mười năm, có thể không cần chuẩn bị nữa. Nhưng Kinh vẫn phải đọc, chỉ sợ trong ấy có những chữ lạ, phải tra tự điển trước. Giải đãi quả thật là một căn bệnh nghiêm trọng nhất, chẳng nhẹ hơn tham, sân, si. Thiện căn duy nhất của Bồ Tát là Tinh Tấn.

Thứ năm là Thiên Định. Giải thích theo nghĩa rộng, Thiên Định có nghĩa là trong tâm có chủ ý, chẳng dễ dàng bị ngoại giới lay động. Như trong thế gian ắt cần phải chuyên học một, hai kỹ năng để duy trì cuộc sống, hễ chuyên tinh thì sẽ trội hơn người khác, Phật Pháp cũng giống như thế. Trong nhiều Pháp Môn, chuyên học một môn. Dẫn cho trí huệ cao minh, mạnh mẽ, học nhiều môn cũng không trở ngại gì, nhưng muốn có thành tựu to lớn thì vẫn phải chuyên! Hễ chuyên tâm thì tâm không bị chia đôi, trừ một chuyện nào đó ra, không có một chút tạp niệm nào, ý chí tinh thần tập trung, chuyên tinh là Thiên Định.

Thứ sáu là Bát Nhã (Prajñā). Bát Nhã là chân trí huệ, chứ không phải là tài trí, thông minh thế gian. Ở đây, do tôn trọng nên

không dịch nghĩa chữ Bát Nhã, mà vẫn giữ nguyên cách dịch âm tiếng Phạn. Trí huệ thế gian gọi là Thế Trí Biện Thông. Thế Trí là do ý thức, tư duy thúc đẩy tạo ra, còn Bát Nhã chân trí huệ là do Thiên Định sanh ra. Nói cách khác, Bát Nhã sanh từ tâm thanh tịnh, chẳng cần phải nghiên cứu, suy đoán, khảo sát, nghĩ ngợi, mà tự nhiên hiểu rõ, vừa tiếp xúc liền thông đạt. Toàn bộ Phật Pháp nhằm cầu khai trí huệ, nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ. Định là mấu chốt để tu học Phật Pháp.

Cổ Đức dạy chúng ta một mặt tu Định, một mặt đọc tụng Kinh Điển Đại Thừa, tiến hành hai cách đồng thời. Trước kia, theo học với thầy Lý, thầy dạy tôi dùng phương pháp niệm Phật để tu Định, lại dùng phương pháp nghiên cứu Kinh Điển hòng giúp khai trí huệ. Ngài nêu ra lệ như thế này: Nếu đơn độc tu Định mà muốn khai Huệ thì phải tốn thời gian mười năm. Nếu đồng thời nghiên cứu Kinh Luận Đại Thừa, thì có thể rút ngắn thời gian khai huệ còn năm hay sáu năm. Trong nhà Phật gọi cách này là Chánh Trợ Song Tu. Đọc tụng Đại Thừa có hai cách. Một là hoàn toàn đọc tụng không cần hiểu. Như rất nhiều người đọc Kinh Pháp Hoa, suốt ngày niệm một bộ tôn chừng năm tiếng đồng hồ, khi đọc tuyệt đối chớ nên nghiên cứu văn tự, hễ nghiên cứu sẽ hỏng. Nếu muốn nghiên cứu thì cần phải kiếm thời gian khác, chỉ dùng thời gian đọc Kinh để tu Định là chủ yếu. Dẫu nghiên cứu rất giỏi, giảng đến mức hoa Trời rơi loạn

xạ, nhưng vẫn y như cũ, trí huệ chẳng mở mang! Sở đắc là Thế Trí Biện Thông, chẳng phải là chân trí huệ.

Lục Độ là cương lĩnh xử thế, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống thường nhật của Bồ Tát. Dùng Bồ Thí đối trị keo kiệt tham lam, dùng Trì Giới đối trị ác nghiệp, dùng Nhẫn Nhục đối trị nóng giận, dùng Tinh Tấn đối trị giải đãi, dùng Thiền Định đối trị tán loạn, dùng Bát Nhã đối trị ngu si. Sáu đại cương lĩnh này chẳng nhằm độ ai khác mà nhằm độ chính mình. Tham, sân, si là gốc bệnh của chúng ta. Đức Thế Tôn dạy chúng ta dùng Lục Độ làm thuốc. Nếu dùng đúng pháp, uống thuốc vào sẽ hết bệnh. Nói cặn kẽ nhất là như Đại Trí Độ Luận, sách dành một phần thật lớn để giải thích Lục Độ. Kinh Hoa Nghiêm chỉ giảng riêng về Bồ Thí đã gồm một trăm thứ. Tài Bồ Thí chia thành Nội Tài và Ngoại Tài. Nội Tài là đầu, mắt, não, tủy, hết sức cặn kẽ! Nếu các đồng tu muốn học nhiều hơn một chút, có thể tham khảo cuốn Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của Giang Vị Nông và cuốn Tâm Kinh Thuyên Chú của Châu Chỉ Am, nội dung hai bộ sách ấy đều rất phong phú, giải thích những thuật ngữ, danh từ Đại Tiểu Thừa hết sức cặn kẽ, có thể dùng làm sách đọc để biết những kiến thức thông thường trong Phật Pháp, hết sức có giá trị.

“*Thập Lực, Vô Úy*”: Lực là năng lực, Kinh Đại Thừa thường nói nơi quả địa, Đức Phật chứng được mười thứ năng lực thù thắng đặc biệt. Như Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có*

*trí huệ, đức tướng của Như Lai*”. Đức tướng là năng lực, mà cũng là khả năng sẵn có của chúng sanh. Nhưng do vọng tưởng chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Có hai thứ chướng ngại: Một là Sở Tri Chướng, hai là Phiền Não Chướng. Hết thấy những lời Phật chỉ dạy chúng sanh chẳng ngoài trừ hai thứ chướng mà thôi! Năng lực vô lượng vô biên, nhằm thuận tiện giải nói nên nêu đại lược mười thứ.

1) Tri thị xứ phi xứ trí lực: Nói rõ nhân quả tương ứng. Thiện có thiện báo, ác có ác báo. Tạo nhân nào, gặt quả ấy thì gọi là “*thị xứ*”. Nếu làm lành mà gặp ác báo thì gọi là “*phi xứ*”. Đầu thời Dân Quốc, Ấn Quang Đại Sư nói: Trong lúc thiên hạ đại loạn này, nếu nghĩ cách cứu giúp muôn dân thì phương pháp hữu hiệu nhất là đem sự thật nhân duyên quả báo chỉ dạy chúng sanh, khiến họ hiểu rõ một miếng ăn, một hớp uống không gì chẳng phải là định sẵn, giàu, nghèo, vinh, nhục, đều là do tự mình làm, tự mình chịu, chớ nên oán Trời hờn người, ai nấy hãy nên yên phận.

2) Tri quá hiện vị lai nghiệp báo trí lực: Nghiệp là “*tạo tác*”. Đang trong khi tạo tác thì gọi là Sự, tạo tác xong thì gọi là Nghiệp. Nghiệp có ba loại, tức là thiện, ác và vô ký (không thiện, không ác). Đức Phật có năng lực biết trọn khắp nghiệp duyên, quả báo ba đời của chúng sanh. Như trong Kinh này, Đức Phật đã ba lần khuyên dạy niệm Phật, nhằm mục đích mong mỗi chúng sanh trong một đời này sẽ viên thành Phật đạo, đấy chính là điều lành nhất trong các điều



lành. Nói ngược lại, người chẳng muốn tu Tịnh nghiệp sẽ rất khó thể thoát lìa lục đạo luân hồi.

3) Tri Chư Thiên giải thoát Tam Muội trí lực: Trong Phật Pháp có thế gian Thiên Định và xuất thế gian Thiên Định. Đức Phật tự tại vô ngại nơi các Thiên Định, thứ lớp cạn sâu của chúng, Ngài đều biết trọn khắp, đúng như thật. Phàm phu trong có vô lượng phiền não, ngoài có vô lượng dụ dỗ, mê hoặc, rất khó tu Thiên Định. Chỉ có Niệm Phật Tam Muội là thường được Chư Phật tán thán. Phương pháp niệm Phật thật nhiều, nhưng Tam Muội đạt được do trì danh là thượng thượng thừa đại định.

4) Tri chư căn thẳng liệt trí lực: Phật biết căn tánh của hết thảy chúng sanh. Phàm phu gặp Phật, nghe Phật giảng Kinh, thuyết pháp khế hợp căn cơ nhất. Đức Phật nói mấy câu liền có thể khai ngộ. Sách Luận Ngữ có câu: “*Tánh tương cận, tập tương viễn*” (Về bản tánh thì gần giống như nhau, nhưng do huân luyện, giáo dục mà trở thành khác nhau). “*Tập tánh*” mà Nho Gia nói đến trong câu trên đây là tập khí sinh hoạt trong đời quá khứ của chúng sanh, mỗi người mỗi khác, ắt phải triệt để liễu giải thì mới có thể thuyết pháp khế cơ. La Hán cũng có trí lực này, nhưng chỉ có thể thấy được năm trăm đời, còn Phật có thể biết tập khí, căn cơ của chúng sanh từ vô thi kiếp đến nay, cho nên tùy theo căn bệnh cho thuốc rất phù hợp.

5) Tri chủng chủng giải trí lực: Đối với dục vọng, tri kiến thiện ác của chúng sanh, Đức Phật biết trọn khắp đúng như thật. Mỗi người ưa thích, yêu chuộng khác nhau. Nếu biết được dục vọng, hiểu biết, ham thích trong đời này và đời quá khứ của người khác thì có thể chỉ điểm khớp với điều họ ưa chuộng, ắt sẽ có thể khế cơ. Dục vọng luôn luôn biến hóa, chẳng dễ gì hiểu được, chính mình còn chẳng biết, cũng phức tạp giống như Nghiệp và Định đã nói trong phần trên, có quan hệ mật thiết với tập khí trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, chỉ có Phật mới thấy rõ ràng.

6) Tri chủng chủng giới trí lực: Giới là giới hạn, tức là cực hạn (mức tốt cùng) của năng lực, chẳng thể vượt hơn được. Chẳng hạn như đối với căn tánh Tiểu Thừa, nếu giới hạn của người ấy là Sơ Quả, thì Phật có thể giúp cho người ấy chứng Sơ Quả. Nếu cực hạn là Tứ Quả thì Phật giúp cho người ấy đạt đến A La Hán. Đối với các thứ giới hạn sai biệt của hết thảy chúng sanh, Phật đều biết rất tường tận, giáo hóa mỗi người đều đạt được nguyện vọng của họ.

7) Tri nhất thiết chí xứ đạo trí lực: Đây là nói về quả vị. Có nghiệp nhân nào, tương lai sẽ đạt đến đạo quả nào, Như Lai đều có thể biết trọn khắp đúng như thật. Như người thế gian chưa thoát khỏi lục đạo thì mục tiêu giáo học là ngăn ngừa hết thảy chúng sanh tạo tác ác nghiệp, đọa nhập tam đồ. Vì ác đạo rất khổ, dễ vào, khó ra. Nếu là người có căn tánh nhân, thiên, bèn nói Ngũ Giới, Thập Thiện,

thuận theo nguyện của họ. Đây đều là ứng theo căn cơ mà lập cách giáo hóa. Do đây có thể thấy rằng: Đại Thừa nói Phật chẳng độ chúng sanh, Phật chỉ làm Tăng Thượng Duyên, chỉ dạy con đường tu hành, chỉ do tài năng của từng đối tượng mà lập cách dạy dỗ, trọn chẳng miễn cưỡng, thật ra, mỗi một người được Đức Phật giáo hóa vẫn là tự độ.

8) Tri túc mạng vô lậu trí lực: Tức là trí thông đạt, hạnh viên mãn. Quỷ thần cũng có thần thông, nhưng năng lực của họ hết sức hữu hạn. Trung Quốc có thuyết cầu cơ, linh quỷ giáng đàn chuyên cơ bút, quỷ có thể biết được chuyện xảy ra trong mấy tháng hoặc một, hai năm. Đối với các thứ túc mạng của hết thảy chúng sanh, Như Lai có thể biết tình trạng sanh tử từ một đời cho đến trăm ngàn vạn đời, biết trọn khắp, đúng như thật.

9) Tri thiên nhãn vô ngại trí lực: Thiên nhãn của Phật là tận hư không, trọn pháp giới, quá khứ, hiện tại, vị lai, không gì chẳng thấy, không gì chẳng biết. La Hán cũng có Thiên Nhãn Thông, nhưng cần phải tác ý. Hơn nữa, chỉ thấy được một tiểu thiên Thế Giới, vượt ra ngoài phạm vi ấy thì dù có nhìn thật kỹ cũng không thấy, là vì họ còn có Trần Sa và Vô Minh gây chướng ngại, họ chỉ đoạn được Kiến Tư phiền não. Chỉ có thiên nhãn của Phật mới có thể thấy vô tận Thế Giới và quá khứ, vị lai lâu xa.

10) Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực: Đây chính là Lộ Tận Thông. Lộ là tên gọi khác của phiền não. Tự mình biết Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh đều đã đoạn sạch, chẳng cần phải hỏi ai khác, đã thành tựu đại giác viên mãn.

Mười loại này chính là “*bốn năng*” (năng lực sẵn có) của chính mình, vốn có sẵn. Ngoài bốn năng ra chẳng có một pháp nào để đắc.

Tiếp theo là Vô Úy, chính là Như Lai đối với sự giáo hóa hết thảy chúng sanh mà nói thành bốn món Vô Úy, tức là trí huệ, đức năng của chính mình viên mãn, liền có thể giáo hóa hài hòa:

1) Nhất Thiết Trí Vô Sở Úy: Không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Bất cứ ai cũng chẳng thể bắt bí được. Trên thực tế, đây cũng là năng lực sẵn có của chính mình. Thuở ấy, có người toan trắc nghiệm Thích Ca Mâu Ni Phật, hỏi Ngài trên cái cây này có bao nhiêu lá, Phật trả lời lập tức. Sai người kiểm rõ, quả nhiên chẳng sai. Những chuyện như vậy trong Kinh ghi chép rất nhiều.

2) Lộ Tận Vô Sở Úy: Môn thứ nhất (tức Nhất Thiết Trí Vô Sở Úy) là trí huệ viên mãn, môn thứ hai là Như Lai đoạn sạch phiền não, đức hạnh viên mãn. Phật có đức lớn, ở trong hết thảy đại chúng chẳng sợ hãi.

3) Thuyết Chương Đạo Vô Sở Úy: Tà tri tà kiến thường nói trong thế gian đều thuộc về chương đạo, người đời không biết, chẳng

thể phân biệt tà, chánh. Do vậy, thời gian tu hành của chúng ta rất dài, chính là vì chuyện gây chướng đạo quá nhiều, chướng ngại sự tu trì của chính mình. Cao Tăng Truyện, Cư Sĩ Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đều khơi gợi đạo tâm của chúng ta, người ta vì sao có thể thành tựu, còn chúng ta vì sao chẳng thể thành tựu. Nếu tiêu trừ chướng ngại thì sẽ có hy vọng thành công. Phật biết sâu xa chuyện này, trong Kinh, Ngài thường nhắc tới nhân duyên gây chướng đạo.

4) Thuyết Tận Khổ Đạo Vô Sở Úy: Tam giới là khổ, ngoài tam giới cũng có khổ. Bạc Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, đây cũng là khổ. Dùng phương pháp nào để tiêu trừ khổ sạch sẽ? Phật biết phương pháp ấy, liền nói cách hết khổ không sợ hãi. Phật dạy chúng sanh lìa khổ được vui, chúng sanh bao gồm cả Đẳng Giác trong ấy. Phật dạy Đẳng Giác Bồ Tát các Pháp Môn, trong ấy có một phương pháp rất xảo diệu. Trong hội Hoa Nghiêm, khuyên Đẳng Giác Bồ Tát niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nói thật ra, lúc đầu tôi học Phật, đối với Pháp Môn Tịnh Độ cũng chẳng hứng thú cho lắm. Thầy Lý học Tịnh Tông, tôi theo học với thầy mười năm, tôi tôn trọng thầy, đối với Tịnh Tông chẳng hủy báng mà thôi, chứ bảo tôi suốt ngày từ sáng tới tối niệm Phật, tôi không chịu làm đâu nhé! Mãi cho đến khi đọc thấy trong hội Hoa Nghiêm, trong phương pháp tu thành Phật do Đức Phật dạy hàng Đẳng Giác Bồ Tát có Pháp Môn này, tôi mới tỉnh ngộ, quay đầu lại

nhìn thấy Pháp Môn này khác hẳn trước kia. Phật dạy các đại Bồ Tát các thứ lý luận và phương pháp, chúng ta là phàm phu đều chẳng thể làm được, còn dạy phương pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thấy A Di Đà Phật thì chúng ta cũng có thể làm được. Chúng ta chọn lấy Pháp Môn này, há chẳng phải là một bước lên Trời? Sau đấy mới biết hết thấy Chư Phật Như Lai đều khen ngợi Pháp Môn này đúng là đại từ đại bi vậy!

Pháp Môn Niệm Phật này chỉ cần quý vị chịu tin, chịu niệm, bằng lòng ra đi (Vãng Sanh), thì vạn người tu vạn người đến. Lý ấy rất sâu, trong Di Đà Yếu Giải, Ngẫu Ích Đại Sư đã phơi bày chẳng sót, phương pháp xảo diệu, tín nguyện trì danh, một đời thành Phật. Đây chính là Tận Khổ Đạo Vô Úy.

***(Giải) Tam thập thất phẩm, thâm pháp tuy tận, nhi cơ duyên bất đẳng, tác chủng chủng khai hợp, danh nghĩa bất đồng, tùy sở dục văn, vô bất diễn sướng. Cố linh văn giả, niệm Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, phục diệt phiền não dã.***

***(Giải: Ba mươi bảy phẩm tuy bao gồm trọn hết các pháp, nhưng do cơ duyên khác nhau mà có các thứ mở rộng, hay tóm gọn, danh nghĩa khác nhau, tùy theo ý muốn của người nghe, không gì chẳng diễn nói thông suốt. Vì thế, có thể làm cho người nghe nghĩ nhớ Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, khuất phục, diệt trừ phiền não).***

Ba mươi bảy đạo phẩm là tổng cương lĩnh, gồm trọn hết thầy pháp. Khi Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, căn tánh và cơ duyên của mỗi chúng sanh khác nhau. do vậy, Đức Phật thuyết pháp sẽ vì người nghe, vì thời cơ, vì nơi chốn mà thuyết pháp khác nhau, sử dụng đủ mọi cách triển khai hay quy nạp, tùy theo ý muốn của người nghe, không gì chẳng diễn nói thông suốt. Mỗi người tập tánh khác nhau, nhưng bản tánh giống nhau, chúng sanh vốn là Phật. Vì sao ngàn Kinh muôn luận, chốn chốn chỉ quy? Bất luận Pháp Môn nào cũng đều chỉ về tự tánh, nhưng Pháp Môn Niệm Phật là Sự trong tự tánh. Do vậy, pháp này dạy chúng sanh niệm Tam Bảo, giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm. Phật là Giác, Pháp là Chánh, Tăng là Tịnh. Tam Bảo là món báu tánh đức trong tự tánh. Học Phật nhập môn liền quy y Tam Bảo, Quy là quay đầu trở lại, Y là nương tựa. Phản nghĩa của Tam Bảo là “mê, tà, nhiễm”. Chúng ta hiện đang sống trong “mê, tà, nhiễm”, học Phật là từ trong mê hoặc quay đầu trở lại, nương theo Giác nơi tự tánh thì gọi là “*quy y Phật*”. Từ tà tri tà kiến quay đầu trở lại, nương theo Chánh trong tự tánh, tức chánh tri chánh kiến thì gọi là “*quy y Pháp*”. Từ trong hết thấy tâm lý, tư tưởng, kiến giải, tinh thần ô nhiễm mà quay đầu trở lại, nương theo sự thanh tịnh trong tự tánh thì gọi là “*quy y Tăng*”. Tam Bảo là chỗ quy y chân chánh. Thời thời khắc khắc cảnh tỉnh chính mình. Công khóa sáng tối đơn giản nhất của đệ tử Phật là niệm

Tam Quy Y. Buổi sáng nhắc nhở chính mình, buổi tối phản tỉnh, trong ngày hôm nay, ta xử thế, đãi người, tiếp vật có sai lầm gì hay chẳng? Tư tưởng có sai lệch gì chẳng? Tự mình kiểm điểm lỗi quấy của chính mình, như vậy thì mới có tác dụng, chứ không phải là niệm Tam Quy Y cho Phật, Bồ Tát nghe.

**Phát Bồ Đề tâm, tức là giác tâm. Đại Thừa Phật Pháp thời thời khắc khắc khuyên lơn chúng sanh phát Bồ Đề tâm. Chúng sanh đều đang mê, do cách nghĩ, cách nhìn, cách làm đều sai lầm. do làm sai nên kết nghiệp cảm quả, rắc rối ở chỗ này. Nhất Chân pháp giới do bốn tánh đã hiện bị biến thành mười pháp giới, mười pháp giới là do “*mê, tà, nhiễm*” biến hiện. Mê nhẹ thì là bốn thánh pháp giới, mê nặng thì là lục đạo pháp giới, càng nặng thì càng đi xuống. Phật dạy chúng ta phát Bồ Đề tâm. Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói thứ nhất là chí thành tâm, thứ hai là thâm tâm, thứ ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Chí thành tâm là Thể, có Thể ắt sẽ có Dụng, Dụng chia thành Tự Thụ Dụng và Tha Thụ Dụng. Thâm tâm ưa thiện chuộng đức là Tự Thụ Dụng. Hồi hướng phát nguyện tâm là tâm đại từ đại bi đối đãi chúng sanh, là Tha Thụ Dụng. Đối với chính mình phải thanh tịnh, đối với người khác phải từ bi. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát dùng các danh từ khác, nhưng ý nghĩa giống hệt. Ngài nói Bồ Đề tâm là Trục Tâm, đây là Thể, tức Chí Thành**



**Tâm. Tự Thụ Dụng là Thâm Tâm giống như trong Quán Kinh, còn Tha Thụ Dụng là Đại Bi Tâm. Thời thời khắc khắc phải nghĩ cách điều phục, diệt trừ phiền não, trước hết phải điều phục rồi sau đấy mới diệt. Nương theo tiêu chuẩn trong Yếu Giải, Đăng Giác Bồ Tát là điều phục phiền não, đến quả địa Như Lai mới là đoạn. Tiểu Thừa La Hán đoạn Kiến Tư, nhưng Trần Sa và Vô Minh vẫn còn. Đại Thừa Bồ Tát đoạn được Trần Sa phiền não, phá được mấy phẩm Vô Minh, chỉ là điều phục. Chúng ta chưa đoạn phiền não thì phải có năng lực chế phục nó. Nói theo đường lối thông thường thì dùng Định lực. Trong Pháp Môn Niệm Phật thì dùng Phật hiệu, tịnh niệm tiếp nối, phiền não chẳng hiện tiền, dễ dàng hơn dùng công phu Định lực.**

*(Giải) Chước kiến từ oai bất khả tư nghị, cố niệm Phật. Pháp hỷ nhập tâm, pháp vị sung túc, cố niệm Pháp. Đồng văn cộng bảm, nhất tâm tu chứng, cố niệm Tăng. Năng niệm tức Tam Quán. Sở niệm Tam Bảo, hữu biệt tướng nhất thể, cập tứ giáo ý nghĩa. Tam Đế quyền, thật chi bất đồng, như thượng liệu giản đạo phẩm ưng tri.*

*(Giải: Thấy rõ rành rành oai đức từ bi chẳng thể nghĩ bàn, vì thế niệm Phật. Tâm sanh pháp hỷ, pháp vị tràn ngập, vì thế niệm Pháp. Cùng nghe, cùng tiếp nhận, nhất tâm tu chứng, vì thế niệm Tăng. Năng niệm là Tam Quán. Sở niệm là Tam Bảo, tuy có tướng sai khác, nhưng là cùng một Thể, và mang ý nghĩa bốn phương pháp*

giáo hóa. Tam Đế có quyền biến hay thật pháp khác nhau, hãy nên dựa theo sự phân định về đạo phẩm trong phần trước để hiểu điều này).

Phần này giải thích nhân duyên niệm Tam Bảo. Trong phần trên, Kinh Văn đã giới thiệu những điểm trọng yếu trong tình trạng cuộc sống và tình hình thuyết pháp nơi Tây Phương Tịnh Độ, đến cuối cùng, nói thành tích giáo học chính là niệm Tam Bảo. Trước tiên, phải biết vì sao quy kết về Tam Bảo? Tam Bảo đại diện toàn thể Phật Pháp. Trong tựa đề Kinh Vô Lượng Thọ có ghi “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, tâm thanh tịnh là Tăng Bảo, tâm bình đẳng là Pháp Bảo, tâm giác ngộ là Phật Bảo. Lại còn là Tam Học: “*Thanh tịnh*” là Giới Học, “*bình đẳng*” là Định Học, “*giác*” là Huệ Học. Do vậy, Tam Bảo và Tam Học bao quát toàn thể Phật Pháp. Toàn thể Phật Pháp chính là tánh đức của chính mình. Chúng ta hết sức ngưỡng mộ Đức Phật, tới một ngày nào đó có thể thấy rõ ràng A Di Đà Phật, chúng ta sẽ nhất định hết sức hoan hỷ. Trong thế gian này cũng có thể thấy, Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật*”. Có cảm ắt có ứng, cảm chẳng phải là dùng vọng niệm, tâm thanh tịnh thì mới có cảm ứng. Đã có thể thấy Phật, ắt sẽ có thể thấy hết thấy những nhân vật khác nhau trong pháp giới, mà đối với những sự vật trong những chiều không gian khác nhau cũng đều có thể thấy được. Tại Ấn Độ, có không ít nhà Tôn

Giáo từ trong Định thật sự thấy được tình huống trên Trời và lục đạo. Định có thể sanh thần thông, mức độ sâu hay cạn khác nhau. Lão Hòa Thượng Hư Vân hể tịnh tọa là từ mười ngày cho đến nửa tháng, cảnh giới trong Định được ghi chép tường tận trong Hư Vân Niên Phổ. Có một lần, trong Định, Sư tới được Nội Viện Trời Đâu Suất, nghe Di Lạc Bồ Tát thuyết pháp, đấy tuyệt đối chẳng phải là hư cấu. Điểm đặc thù nhất trong Phật Pháp là dạy hành giả chiếu theo lý luận, phương pháp trong Kinh để thực hành, chính mình sẽ có thể đích thân chứng được. Niệm Phật công phu thành phẩm chính là Định sơ cấp. Có người khi công phu thành phẩm, thấy Phật và Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Tu đến mức Sự nhất tâm bất loạn, cảnh giới giống như A La Hán, Bích Chi Phật. Tu đến Lý nhất tâm bất loạn, công phu Định lực sâu xa, không có nhập Định hay xuất Định.

Thầy dạy học trò, đã có lòng từ ái, lại còn có sự oai nghiêm, chẳng thể phớt bỏ một bên nào. Do vậy, học sinh đối với thầy vừa cung kính lại vừa kiêng dè. A Di Đà Phật là một vị thầy tốt nhất, do mười phương hết thảy Chư Phật và Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đều tán thán A Di Đà Phật. Đức Thế Tôn tán thán A Di Đà Phật là “*Phật trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (tôn quý nhất trong các vị Phật, vua của các vị Phật).

Thờ tượng Phật có hai ý nghĩa:

1) Thứ nhất là chẳng quên gốc. Người Trung Quốc nói: “*Thận chung truy viễn, dân đức quy hậu*”. Nho gia Trung Quốc và Đại Thừa Phật Pháp đều kiến lập trên hiếu đạo, sanh mạng do cha mẹ mà có. Vì thế ân đức phụ mẫu rất lớn. Kế đến là huệ mạng, huệ mạng là giáo dục, giáo dục do thầy mà có. Theo cổ lễ, cha mẹ qua đời, để tang ba năm. Thầy qua đời, để tang trong lòng ba năm, chẳng mặc hiếu phục (áo tang) mà thôi. Con cái của thầy giống như anh em trai, chị em gái của chính mình, phải luôn luôn chăm sóc họ. Do vậy, thờ tượng Phật và thờ bài vị Tổ Tiên mang ý nghĩa kỷ niệm giống nhau. Thờ Phật là thờ vị thầy bậc nhất nhằm biểu thị ý nghĩa “*chẳng quên ân sư*”.

2) Thứ hai là “*kiến hiện tư tề*” (thấy người hiền, mong được bằng). Trông thấy tượng Phật bèn nhớ trong Kinh Điển nhà Phật có rất nhiều giáo huấn, thường ngày chúng ta làm người sống trong cõi đời có tuân thủ, làm theo lời chỉ dạy của Phật hay không.

“*Pháp hỷ nhập tâm, pháp vị sung túc*” (Tâm sanh pháp hỷ, pháp vị tràn ngập). Hiện thời, Phật đã không còn trên cõi đời, nhưng giáo huấn của Ngài vẫn còn lưu lại nhân gian. Mong tiếp nhận giáo huấn của Phật để đạt được lợi ích chân thật, ắt phải đọc tụng Kinh Điển, nhớ mãi chẳng quên. Đối với thầy ắt phải có tín tâm, thành tựu của quý vị lớn hay nhỏ tỷ lệ thuận với tín tâm đối với thầy. Nếu không có lòng cung kính thầy, chẳng bằng không học, học cũng vô

ích. Người thật sự có trí huệ, chẳng coi trọng tiếng tăm, lợi dưỡng, mà quý trọng thời gian, “*một tác quang âm, một tác vàng, tác vàng khó chuộc tác quang âm*”. Cầu học ắt phải theo học với vị thầy mà ta ngưỡng mộ nhất thì mới được lợi ích. vì đối với lời thầy nói, ta ắt sẽ làm theo một trăm phần trăm. Cổ Nhân tham học, tìm thầy, hỏi đạo, từ Cao Tăng Truyện, ta có thể thấy có người học đến tham phỏng thầy, thầy nói chuyện với người ấy xong liền bảo: “*Nhân duyên của ông là theo học với vị thầy nọ ở chỗ kia thì sẽ được lợi ích*”. Người ấy tuân lời dạy đi qua đó, chẳng đầy mấy năm liền khai ngộ.

Từ nhỏ, tôi mang tư tưởng khá độc lập, chẳng bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh bên ngoài cho lắm. Lúc cầu học ở Nam Kinh, từng học hai năm trong giáo hội Cơ Đốc Giáo, đã hai lượt đọc Tân Ước Cựu Ước Toàn Thư, lại học theo Y Tư Lan giáo (Islam, đạo Hồi) một năm. Giáo hội Cơ Đốc Giáo bảo tôi chịu phép rửa tội (baptism), tôi không nghe, vì tôi có nhiều nghi vấn nhưng không có cách nào giải đáp. Sau khi đến Đài Loan, thân cận Tiên Sinh Phương Đông Mỹ, trong lòng tôi, Ngài là một vị đáng ngưỡng mộ nhất trong tâm ý của tôi. Ngài nói: “*Triết học trong Kinh Phật là triết học cao sâu nhất trên Thế Giới, học Phật cũng là sự hưởng thụ tối cao trong đời người*”. Tôi đến Chùa xem Kinh, có rất nhiều câu văn chẳng dễ hiểu, ắt phải có người chỉ dạy, hướng chỉ những Kinh Luận trọng yếu phần nhiều là ý nằm ngoài lời. Về sau, gặp được Chương Gia Đại Sư hết sức từ

bi, được Ngài chỉ dạy ba năm, định vững cơ sở học Phật cho tôi. Về sau, lão Cư Sĩ Châu Kính Trụ giới thiệu cho tôi quen biết với thầy Lý Bình Nam. Tôi lại theo học với cụ mười năm. Bái sư ắt phải chí thành, cung kính, y giáo phụng hành thì tu học mới có tâm đắc, thoát thai hoá cốt, biến đổi khí chất, pháp hỷ ngập tràn, phiền não nhẹ đi, trí huệ tăng thêm, tự nhiên hoan hỷ.

Theo Cao Tăng Truyện, Huệ Viễn Đại Sư kiến lập một Đạo Tràng tại Lô Sơn, gọi là Đông Lâm Niệm Phật Đường, suốt ba mươi năm chưa từng rời khỏi nơi đó, tuy không bề quan, nhưng thật sự giống như cảm tức. Một đời Ngài ba lần thấy Thế Giới Cực Lạc, chẳng hai, chẳng khác với những gì Kinh đã nói. Đến khi lâm chung, Ngài mới nói rõ với các đệ tử. Do vậy, “hành” thì mới có thể trừ khử được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, khôi phục tâm thanh tịnh. Nếu chỉ cầu hiểu biết xuông, sẽ chẳng thể trừ chướng ngại được!

“*Đồng văn cộng bảm, nhất tâm tu chứng, cố niệm Tăng*” (Cùng nghe, cùng lãnh thụ, nhất tâm tu chứng, vì thế niệm Tăng). Dưới tòa của A Di Đà Phật, những người cùng tu đều là thượng thiện nhân, tức là niệm Tăng. “*Năng niệm tức là Tam Quán*”, ở chỗ này giảng Năng Niệm và Sở Niệm khác nhau. “*Năng niệm*” là nói đến Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, chúng ta không làm được. Thành quả tu học của họ chúng ta có thể lãnh ngộ sơ lược đôi chút. Tông Thiên Thai nói đến Tam Quán Tam Đế thì ở trong Tây Phương Thế Giới,

các vị thượng thiện nhân hoàn toàn chứng đắc những điều ấy. Đối với tư tưởng, lý luận, cảnh giới của tông Thiên Thai, có thể nói là chúng ta hiểu biết có hạn. Chẳng qua, Tổ Sư, Đại Đức nêu ra mấy danh từ, thuật ngữ mà thôi. Pháp Môn Niệm Phật đặc biệt ở chỗ chỉ cần nhất tâm xưng niệm thì lý luận, phương pháp, cảnh giới đều nằm trong ấy, không riêng gì tông Thiên Thai mà Thiền Tông, Mật Tông cũng nằm trong một câu Phật hiệu.

Có người hỏi tôi: *“Hiện thời chúng tôi học Phật, nhưng người già trong nhà chẳng chịu học Phật thì phải làm sao?”* Tôi nói: *“Vậy là chỉ trách ông học Phật chưa nghiêm túc, không có thành tựu!”* Hà Đông tước sĩ phu nhân ở Hương Cảng niệm Phật, người trong nhà hoàn toàn tin theo Cơ Đốc Giáo, nhưng rất hiếu thuận với mẹ. Bà cụ khi lâm chung bảo con cái: *“Nhà ta tự do Tôn Giáo, đối xử với nhau hết sức hòa hợp. Hôm nay mẹ sắp về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, chúng ta có dịp làm mẹ con với nhau, vậy các con hãy niệm Phật mấy câu tiễn mẹ đi”*. Nói xong, chưa đầy một khắc, cụ đã ngồi Vãng Sanh. Từ lúc ấy, cả nhà tướng quân Hà Thế Lễ, ông này là con trai bà cụ, đều tin Phật. Chuyện này từng gây xôn xao đất Hương Cảng một thời.

Phật Pháp từ đầu đến cuối là cầu khai trí huệ, Năng Niệm là Tam Quán. Tam Quán là trí huệ chân thật, Tam Quán là quán sát

chân tướng của nhân sinh và Vũ Trụ, quán sát từ ba phương diện: Một là Không, hai là Giả, ba là Trung.

- Không chẳng phải là cái gì cũng chẳng có, Không là bản thể của vạn pháp trong Vũ Trụ. Bản thể tồn tại, nhưng không thấy được, mò chẳng được, nghe chẳng được, nói chẳng được, sáu căn không có cách nào tiếp xúc nó, nhưng nó tồn tại, nó có thể sanh ra Hữu. Hữu là sâm la vạn tượng, hết thấy vạn pháp, đều do bản thể biến hiện ra. Không là Tánh, Tánh là không. Tướng là có. Trong ứng xử nên dùng Trung, Nho gia gọi Trung là Trung Dung, còn Phật Pháp gọi là Trung Đạo. Đã không thiên chấp Hữu mà cũng đừng thiên chấp Không. Phạm phạm lỗi chấp Hữu, chấp tướng, chẳng biết bản thể, rớt vào lục đạo luân hồi. Hữu là giả có, chớ nên chấp trước! Thể là bất sanh bất diệt, còn Tướng sanh diệt trong từng sát na, vạn pháp vô thường. Do vậy, nói “*Năng Niệm tức Tam Quán*”. Trong các hiện tượng, hãy nên dùng Trung. Đối tượng được niệm (Sở Niệm) là Tam Bảo. Tam Bảo là biệt tướng. Từ hiện tượng mà nói thì phiền não, vọng tưởng đã đoạn hết, trí huệ viên mãn hiện tiền bèn gọi là “*thành Phật*”. Phật có đại trí, thành tựu sự giác ngộ trí huệ viên mãn, thì gọi là Phật Bảo. Hết thấy các pháp do Đức Phật đã nói, lưu truyền thành Kinh Điển thì gọi là Pháp Bảo. Đệ tử xuất gia nương theo Kinh Luận để tu hành thì gọi là Tăng Bảo. “*Nhất Thế*” là nói theo Tánh, tức là “*giác, chánh, tịnh*”. Chánh giác là Phật Bảo, chánh tri chánh kiến là



Pháp Bảo, thanh tịnh vô nhiễm là Tăng Bảo. Giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm, thì gọi là Tự Tánh Tam Bảo, còn gọi là Nhất Thể Tam Bảo. “*Tứ giáo ý nghĩa*” chính là “*Tạng, Thông, Biệt, Viên*” như trong Tông Thiên Thai đã nói.